

Số: 137/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành 02 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 90/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;
Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư ban hành 02 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này hai (02) chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng như sau:

- Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1 - Quản lý chất lượng doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác hoặc các dịch vụ liên quan (VSQM1) tại Phụ lục I.
- Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 2 - Soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (VSQM2) tại Phụ lục II.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2029.
- Chuẩn mực kiểm soát chất lượng số 1 - Kiểm soát chất lượng doanh nghiệp thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo và các dịch vụ liên quan khác (VSQC1) ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2029.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. VSQM2 áp dụng đối với các hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính và soát xét báo cáo tài chính cho các kỳ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2029; các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2029.

2. Các hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính và soát xét báo cáo tài chính cho các kỳ kế toán bắt đầu trước ngày 01/01/2029; các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan bắt đầu trước ngày 01/01/2029 thì áp dụng VSQC1 ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam chịu trách nhiệm phổ biến, triển khai và hướng dẫn thực hiện 02 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng ban hành tại Thông tư này. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thuế các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công báo; Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Các doanh nghiệp kiểm toán;
- Lưu: VT, QLKT (300b). 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**




Tạ Anh Tuấn

Phụ lục I

*Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2026/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SỐ 1

**QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN THỰC HIỆN
KIỂM TOÁN, SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH, DỊCH VỤ
ĐẢM BẢO KHÁC HOẶC CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN (VSQM1)**

NỘI DUNG

Đoạn

I/ QUY ĐỊNH CHUNG

Phạm vi áp dụng	01 - 05
Hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán	06 - 11
Cơ sở áp dụng	12 - 13
Mục tiêu	14 - 15
Giải thích thuật ngữ.	16

II/ NỘI DUNG CHUẨN MỰC

Yêu cầu

Áp dụng và tuân thủ các quy định có liên quan	17 - 18
Hệ thống quản lý chất lượng	19 - 22
Quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán	23 - 27
Quản trị và lãnh đạo	28
Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.	29
Chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể	30
Thực hiện hợp đồng dịch vụ	31
Các nguồn lực	32
Thông tin và truyền thông	33
Biện pháp xử lý cụ thể	34
Quy trình giám sát và khắc phục	35 - 47
Các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới.	48 - 52
Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	53 - 56
Tài liệu, hồ sơ	57 - 60

III/ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

Phạm vi áp dụng	A1 - A2
Hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán	A3 - A5
Cơ sở áp dụng	A6 - A9
Giải thích thuật ngữ	A10 - A28
Áp dụng và tuân thủ các quy định có liên quan	A29
Hệ thống quản lý chất lượng	A30 - A38
Quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán	A39 - A54
Quản trị và lãnh đạo	A55 - A61

Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.....	A62 - A66
Chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể	A67 - A74
Thực hiện hợp đồng dịch vụ	A75 - A85
Các nguồn lực	A86 - A108
Thông tin và truyền thông	A109 - A115
Biện pháp xử lý cụ thể.....	A116 - A137
Quy trình giám sát và khắc phục	A138 - A174
Các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới.....	A175 - A186
Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	A187 - A201
Tài liệu, hồ sơ	A202 - A206

I/ QUY ĐỊNH CHUNG

Phạm vi áp dụng

01. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1 quy định và hướng dẫn về trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán đối với việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng đối với các cuộc kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các dịch vụ đảm bảo khác hoặc các dịch vụ liên quan.
02. Soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là một phần của hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán và:
 - (a) Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1 quy định và hướng dẫn về trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán trong việc thiết lập các chính sách hoặc thủ tục đối với các hợp đồng dịch vụ yêu cầu phải được soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
 - (b) Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 2 quy định và hướng dẫn việc bổ nhiệm và tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cũng như việc thực hiện và ghi chép tài liệu, hồ sơ cho việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.
03. Các chuẩn mực nghề nghiệp Việt Nam khác:
 - (a) Dựa trên cơ sở doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng (ví dụ, xem đoạn 03 - Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220);
 - (b) Bao gồm các yêu cầu đối với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ và các thành viên khác trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ liên quan đến quản lý chất lượng ở cấp độ hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 quy định và hướng dẫn các trách nhiệm cụ thể của kiểm toán viên liên quan đến quản lý chất lượng ở cấp độ hợp đồng dịch vụ đối với cuộc kiểm toán báo cáo tài chính và các trách nhiệm liên quan của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ (cuộc kiểm toán) (xem hướng dẫn tại đoạn A1 Chuẩn mực này).
04. Chuẩn mực này phải được đọc cùng với chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan. Pháp luật, các quy định hoặc chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể quy định trách nhiệm đối với việc quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán ngoài các trách nhiệm được mô tả trong Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A2 Chuẩn mực này).
05. Chuẩn mực này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp kiểm toán thực hiện các cuộc kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác, các dịch vụ liên quan (nghĩa là, nếu doanh nghiệp kiểm toán thực hiện bất kỳ hợp đồng dịch vụ nào trong số các hợp đồng dịch vụ này, thì Chuẩn mực này sẽ áp dụng và hệ thống quản lý chất lượng được thiết lập theo các yêu

cầu của Chuẩn mực này cho phép doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một cách nhất quán cho tất cả các hợp đồng này).

Hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán

06. Hệ thống quản lý chất lượng vận hành một cách liên tục, lặp đi lặp lại và có khả năng đáp ứng những thay đổi về đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán. Hệ thống này cũng không vận hành theo cách tuyến tính. Tuy nhiên, trong Chuẩn mực này, hệ thống quản lý chất lượng đề cập đến tám thành phần sau (xem hướng dẫn tại đoạn A3 Chuẩn mực này):
 - (a) Quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán;
 - (b) Quản trị và lãnh đạo;
 - (c) Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan;
 - (d) Chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể;
 - (e) Thực hiện hợp đồng dịch vụ;
 - (f) Các nguồn lực;
 - (g) Thông tin và truyền thông;
 - (h) Quy trình giám sát và khắc phục.
07. Chuẩn mực này yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong việc thiết kế, thực hiện và vận hành các thành phần của hệ thống quản lý chất lượng bằng cách liên kết và phối hợp các thành phần để doanh nghiệp kiểm toán chủ động quản lý chất lượng các hợp đồng dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện (xem hướng dẫn tại đoạn A4 Chuẩn mực này).
08. Phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro được đưa vào các yêu cầu của Chuẩn mực này thông qua:
 - (a) Thiết lập các mục tiêu chất lượng. Các mục tiêu chất lượng do doanh nghiệp kiểm toán thiết lập bao gồm các mục tiêu liên quan đến các thành phần của hệ thống quản lý chất lượng mà doanh nghiệp kiểm toán phải đạt được. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các mục tiêu chất lượng do Chuẩn mực này quy định và bất kỳ mục tiêu chất lượng bổ sung nào mà doanh nghiệp kiểm toán thấy là cần thiết để đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng.
 - (b) Xác định và đánh giá rủi ro đối với việc đạt được các mục tiêu chất lượng (trong Chuẩn mực này gọi là “các rủi ro chất lượng”). Doanh nghiệp kiểm toán phải xác định và đánh giá rủi ro chất lượng để làm cơ sở cho việc thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý.
 - (c) Thiết kế và thực hiện các biện pháp để xử lý các rủi ro chất lượng. Nội dung, lịch trình và phạm vi của các biện pháp xử lý của doanh nghiệp

kiểm toán nhằm đối phó với các rủi ro chất lượng dựa trên và đáp ứng các lý do cho các đánh giá đã được đưa ra về rủi ro chất lượng.

09. Chuẩn mực này yêu cầu, ít nhất hàng năm, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng, thay mặt cho doanh nghiệp kiểm toán, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và kết luận liệu hệ thống quản lý chất lượng có cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý rằng các mục tiêu của hệ thống được nêu tại đoạn 14 (a) và (b) Chuẩn mực này vẫn đang đạt được (xem hướng dẫn tại đoạn A5 Chuẩn mực này).

Khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp

10. Khi áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro, doanh nghiệp kiểm toán phải xem xét đến:
- (a) Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán;
 - (b) Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của các hợp đồng dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện.

Theo đó, việc thiết kế hệ thống quản lý chất lượng của từng doanh nghiệp kiểm toán, đặc biệt là mức độ phức tạp và hình thức của hệ thống sẽ khác nhau. Ví dụ, một doanh nghiệp kiểm toán thực hiện các loại hợp đồng dịch vụ khác nhau cho nhiều loại hình đơn vị đa dạng, bao gồm cả kiểm toán báo cáo tài chính của các tổ chức niêm yết, *tổ chức đăng ký giao dịch*, có thể sẽ cần phải có hệ thống quản lý chất lượng và tài liệu hỗ trợ phức tạp và chính thức hơn so với một doanh nghiệp kiểm toán chỉ thực hiện dịch vụ soát xét báo cáo tài chính hoặc các hợp đồng dịch vụ tổng hợp *thông tin tài chính*.

Mạng lưới và các nhà cung cấp dịch vụ

11. Chuẩn mực này đề cập đến trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán khi doanh nghiệp kiểm toán:
- (a) Thuộc về một mạng lưới *các doanh nghiệp kiểm toán* và doanh nghiệp kiểm toán tuân thủ các yêu cầu của mạng lưới hoặc sử dụng các dịch vụ của mạng lưới trong hệ thống quản lý chất lượng hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ; hoặc
 - (b) Sử dụng các nguồn lực từ nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống quản lý chất lượng hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ.

Ngay cả khi doanh nghiệp kiểm toán tuân thủ các yêu cầu của mạng lưới hoặc sử dụng các dịch vụ của mạng lưới hoặc các nguồn lực từ nhà cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp kiểm toán vẫn phải chịu trách nhiệm về hệ thống quản lý chất lượng của mình.

Cơ sở áp dụng

12. Đoạn 14 Chuẩn mực này đề cập đến mục tiêu của doanh nghiệp kiểm toán trong việc tuân thủ Chuẩn mực này. Chuẩn mực này bao gồm (xem hướng dẫn tại đoạn A6 Chuẩn mực này):
 - (a) Các quy định được thiết kế nhằm giúp doanh nghiệp kiểm toán đạt được mục tiêu trong đoạn 14 Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A7 Chuẩn mực này);
 - (b) Hướng dẫn liên quan dưới dạng tài liệu hướng dẫn áp dụng và tài liệu giải thích khác (xem hướng dẫn tại đoạn A8 Chuẩn mực này);
 - (c) Giải thích thuật ngữ (xem hướng dẫn tại đoạn A9 Chuẩn mực này).
13. *Kiểm toán viên, người thực hiện hợp đồng dịch vụ và doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các quy định của Chuẩn mực này trong quá trình thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan.*

Đơn vị sử dụng dịch vụ, và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan (bao gồm cả đơn vị được kiểm toán, soát xét, ... nếu không phải là bên sử dụng dịch vụ) phải có những hiểu biết cần thiết về các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực này để phối hợp với kiểm toán viên, người thực hiện hợp đồng dịch vụ và doanh nghiệp kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan.

Mục tiêu

14. Mục tiêu của doanh nghiệp kiểm toán là thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng đối với các cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính, hoặc dịch vụ đảm bảo khác hoặc dịch vụ liên quan do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện nhằm cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý rằng:
 - (a) Doanh nghiệp kiểm toán và các nhân sự của doanh nghiệp kiểm toán hoàn thành trách nhiệm của mình trong việc tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, các yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng cũng như thực hiện các hợp đồng dịch vụ theo các chuẩn mực và yêu cầu đó;
 - (b) Báo cáo của hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán phát hành là phù hợp với hoàn cảnh cụ thể.
15. Lợi ích công chúng được đáp ứng bằng việc thực hiện một cách nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng. Việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng cho phép thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng bằng cách cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý rằng các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng nêu tại đoạn 14 (a) và (b) Chuẩn mực này đạt được. Chất lượng của các hợp đồng dịch

vụ đạt được thông qua việc lập kế hoạch, thực hiện và báo cáo của các hợp đồng dịch vụ này phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp, các yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng. Việc đạt được mục tiêu của các chuẩn mực và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật hoặc các quy định đòi hỏi phải vận dụng xét đoán chuyên môn và thái độ hoài nghi nghề nghiệp tùy theo loại hợp đồng dịch vụ.

Giải thích thuật ngữ

16. Trong Chuẩn mực này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (a) Khiếm khuyết trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (trong Chuẩn mực này được gọi là “khiếm khuyết”). Khiếm khuyết tồn tại khi (xem hướng dẫn tại đoạn A10, A159 - A160 Chuẩn mực này):
 - (i) Mục tiêu chất lượng cần phải có để đạt được mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng không được thiết lập;
 - (ii) Rủi ro chất lượng, hoặc sự kết hợp của các rủi ro chất lượng không được xác định hoặc không được đánh giá đúng (xem hướng dẫn tại đoạn A11 Chuẩn mực này);
 - (iii) Biện pháp xử lý, hoặc việc kết hợp các biện pháp xử lý không làm giảm đến mức thấp có thể chấp nhận được khả năng xảy ra rủi ro chất lượng liên quan do (các) biện pháp xử lý được thiết kế không phù hợp, thực hiện hoặc vận hành không hiệu quả; hoặc
 - (iv) Một khía cạnh khác của hệ thống quản lý chất lượng bị thiếu, hoặc được thiết kế không phù hợp, thực hiện hoặc vận hành không hiệu quả, do đó yêu cầu của Chuẩn mực này chưa được đáp ứng (xem hướng dẫn tại đoạn A12 Chuẩn mực này).
- (b) Tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ: Là tài liệu, hồ sơ ghi chép công việc đã thực hiện, kết quả thu thập được và các kết luận người hành nghề đạt được (trong một số trường hợp được gọi là “giấy làm việc”);
- (c) Thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ: *Là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền thay mặt Ban Giám đốc doanh nghiệp kiểm toán chịu trách nhiệm về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ, ký báo cáo và chịu trách nhiệm tổng thể đối với báo cáo đã phát hành;*
- (d) Việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ: Là việc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đánh giá khách quan các xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và các kết luận về các xét đoán này và được hoàn thành vào hoặc trước ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ;
- (e) Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ: Là thành viên Ban Giám đốc, cá nhân khác trong doanh nghiệp kiểm toán hoặc cá nhân từ bên

ngoài được doanh nghiệp kiểm toán bổ nhiệm để thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;

- (f) Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ: Bao gồm tất cả các thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ, nhân viên thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc bất kỳ cá nhân nào khác thực hiện các thủ tục cho hợp đồng dịch vụ. Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ không bao gồm chuyên gia bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán theo quy định tại đoạn 06 (a) Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 620 và kiểm toán viên nội bộ là những người cung cấp hỗ trợ trực tiếp cho hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A13 Chuẩn mực này);
- (g) Kiểm tra từ bên ngoài: Là các cuộc kiểm tra hoặc điều tra do cơ quan giám sát bên ngoài thực hiện, liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoặc các hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện (xem hướng dẫn tại đoạn A14 Chuẩn mực này);
- (h) Các phát hiện (liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng): Là thông tin về việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng đã được tổng hợp từ việc thực hiện các hoạt động giám sát, các cuộc kiểm tra từ bên ngoài và các nguồn liên quan khác mà các thông tin này cho thấy một hoặc nhiều khiếm khuyết có thể tồn tại (xem hướng dẫn tại đoạn A15 - A17 Chuẩn mực này);
- (i) Doanh nghiệp kiểm toán: *Là doanh nghiệp có đủ điều kiện để kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập và các quy định khác của pháp luật có liên quan (xem hướng dẫn tại đoạn A18 Chuẩn mực này);*
- (j) Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch: *Là tổ chức có chứng khoán phát hành được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;*
- (k) Doanh nghiệp mạng lưới: Là doanh nghiệp hoặc pháp nhân thuộc cùng một mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán.
- (l) Mạng lưới: Là sự liên kết giữa các tổ chức để (xem hướng dẫn tại đoạn A19 Chuẩn mực này):
 - (i) Hướng tới sự hợp tác;
 - (ii) Hướng tới sự chia sẻ lợi nhuận hoặc chi phí, hoặc cùng được sở hữu, kiểm soát hoặc quản lý chung, có chung các chính sách và thủ tục quản lý chất lượng, chiến lược kinh doanh chung, sử dụng chung thương hiệu, hoặc cùng sử dụng chung một phần đáng kể các nguồn lực chuyên môn.
- (m) Thành viên Ban Giám đốc: *Là người đủ điều kiện hành nghề và có thẩm quyền thay mặt cho doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hợp đồng dịch vụ chuyên nghiệp; giữ chức danh như Tổng Giám đốc, Phó Tổng*

Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc doanh nghiệp hoặc có thể là Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh;

- (n) Nhân sự: Gồm các thành viên Ban Giám đốc và cán bộ, nhân viên trong doanh nghiệp kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A20 - A21 Chuẩn mực này);
- (o) Xét đoán chuyên môn: Là sự vận dụng các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp, trong khuôn khổ các chuẩn mực nghề nghiệp, để đưa ra các quyết định có căn cứ dựa trên thông tin thu thập được về các hành động phù hợp trong việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.
- (p) Các chuẩn mực nghề nghiệp: Là các chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ, bao gồm các chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ soát xét, chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo, chuẩn mực về dịch vụ liên quan, chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.
- (q) Các mục tiêu chất lượng: Là các kết quả mong muốn liên quan đến các thành phần của hệ thống quản lý chất lượng mà doanh nghiệp kiểm toán phải đạt được.
- (r) Rủi ro chất lượng: Là rủi ro có khả năng hợp lý về:
 - (i) Việc xảy ra;
 - (ii) Xét riêng lẻ hoặc kết hợp với các rủi ro khác, có ảnh hưởng bất lợi đến việc đạt được một hoặc nhiều mục tiêu chất lượng.
- (s) Sự đảm bảo hợp lý: Trong bối cảnh các chuẩn mực quản lý chất lượng Việt Nam, là sự đảm bảo ở mức độ cao nhưng không phải là đảm bảo tuyệt đối.
- (t) Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan: Là các nguyên tắc về đạo đức nghề nghiệp và các quy định về đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp khi thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính hoặc các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác hoặc dịch vụ liên quan. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan thường bao gồm các quy định trong Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (*bao gồm các yêu cầu về tính độc lập*) liên quan đến dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính, hoặc dịch vụ đảm bảo khác hoặc dịch vụ liên quan, cùng với các quy định pháp luật có liên quan có yêu cầu cao hơn (xem hướng dẫn tại đoạn A22 - A24, A62 Chuẩn mực này).
- (u) Biện pháp xử lý (liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng): là các chính sách hoặc thủ tục do doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện nhằm xử lý một hoặc nhiều rủi ro chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A25 - A27, A50 Chuẩn mực này):

- (i) Chính sách là các quy định về những việc nên hoặc không nên thực hiện để xử lý (các) rủi ro chất lượng. Các quy định như vậy có thể được lập thành văn bản, được tuyên bố rõ ràng qua truyền thông hoặc được ngụ ý thông qua các hành động và quyết định.
- (ii) Thủ tục là các hành động để thực hiện các chính sách.
- (v) Nhà cung cấp dịch vụ (trong Chuẩn mực này): Là một chuyên gia độc lập có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp và không phải là thành viên của doanh nghiệp kiểm toán hoặc tổ chức bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán cung cấp nguồn lực được sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ. Các nhà cung cấp dịch vụ không bao gồm mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán, các doanh nghiệp hoặc cấu trúc hoặc tổ chức khác trong cùng mạng lưới với doanh nghiệp kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A28, A105 Chuẩn mực này).
- (w) Cán bộ, nhân viên: Là tất cả cán bộ, nhân viên chuyên nghiệp (bao gồm bất kỳ chuyên gia nào mà doanh nghiệp kiểm toán sử dụng) do doanh nghiệp kiểm toán thuê thông qua hợp đồng lao động hoặc các hình thức khác theo quy định, mà không phải là thành viên Ban Giám đốc.
- (x) Hệ thống quản lý chất lượng: Là hệ thống do doanh nghiệp kiểm toán thiết kế, thực hiện và vận hành nhằm cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý rằng:
 - (i) Doanh nghiệp kiểm toán và nhân sự của doanh nghiệp kiểm toán hoàn thành trách nhiệm của mình theo các chuẩn mực nghề nghiệp và các yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng, đồng thời thực hiện các hợp đồng dịch vụ phù hợp với các chuẩn mực và yêu cầu đó;
 - (ii) Báo cáo của hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán phát hành phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ.

II/ NỘI DUNG CHUẨN MỰC

Áp dụng và tuân thủ các quy định có liên quan

17. Doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ từng quy định của Chuẩn mực này ngoại trừ trường hợp quy định đó không phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán hoặc các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A29 Chuẩn mực này).
18. (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, và (các) cá nhân được giao trách nhiệm vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán phải hiểu rõ về Chuẩn mực này, bao gồm phần hướng dẫn áp dụng để hiểu được mục tiêu và áp dụng đúng các quy định của Chuẩn mực này.

Hệ thống quản lý chất lượng

19. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng. Khi thực hiện các công việc này, doanh nghiệp kiểm toán phải thực hiện xét đoán chuyên môn, có xem xét đến đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán. Thành phần quản trị và lãnh đạo của hệ thống quản lý chất lượng thiết lập môi trường hỗ trợ việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A30 - A31 Chuẩn mực này).

Trách nhiệm

20. Doanh nghiệp kiểm toán phải phân công (xem hướng dẫn tại đoạn A32 - A35 Chuẩn mực này):
- (a) Trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng cho Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành/người đại diện theo pháp luật/Chủ tịch Hội đồng thành viên (trong phạm vi phù hợp) của doanh nghiệp kiểm toán hoặc thành viên Ban Giám đốc điều hành doanh nghiệp kiểm toán (hoặc vị trí tương đương) hoặc, Ban Giám đốc điều hành của doanh nghiệp kiểm toán (hoặc tương đương) (khi thích hợp);
 - (b) Trách nhiệm vận hành đối với hệ thống quản lý chất lượng;
 - (c) Trách nhiệm vận hành đối với các khía cạnh cụ thể của hệ thống quản lý chất lượng, bao gồm:
 - (i) Tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập (xem hướng dẫn tại đoạn A36 Chuẩn mực này);
 - (ii) Quy trình giám sát và khắc phục.
21. Khi phân công các vai trò như đã đề cập tại đoạn 20 Chuẩn mực này, doanh nghiệp kiểm toán phải xác định (các) cá nhân:
- (a) Có kinh nghiệm, kiến thức, tầm ảnh hưởng và thẩm quyền phù hợp trong doanh nghiệp kiểm toán, có đủ thời gian để hoàn thành trách nhiệm được phân công (xem hướng dẫn tại đoạn A38 Chuẩn mực này);
 - (b) Hiểu vai trò được phân công và hiểu rằng (các) cá nhân có trách nhiệm hoàn thành các vai trò đó.
22. Doanh nghiệp kiểm toán phải xác định rằng (các) cá nhân được phân công trách nhiệm vận hành hệ thống quản lý chất lượng, tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập, quy trình giám sát và khắc phục, có kênh trao đổi trực tiếp đến (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng.

Quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán

23. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết kế và thực hiện quy trình đánh giá rủi ro để thiết lập các mục tiêu chất lượng, xác định và đánh giá các rủi ro chất lượng cũng như thiết kế và thực hiện các biện pháp để xử lý các rủi ro chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A39 - A41 Chuẩn mực này).
24. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các mục tiêu chất lượng theo quy định của Chuẩn mực này và bất kỳ mục tiêu chất lượng bổ sung nào mà doanh nghiệp kiểm toán cho là cần thiết để đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A42 - A44 Chuẩn mực này).
25. Doanh nghiệp kiểm toán phải xác định và đánh giá rủi ro chất lượng để làm cơ sở cho việc thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý. Khi thực hiện điều này, doanh nghiệp kiểm toán phải:
 - (a) Tìm hiểu về các điều kiện, sự kiện, các tình huống, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đạt được các mục tiêu chất lượng, bao gồm (xem hướng dẫn tại đoạn A45 - A47 Chuẩn mực này):
 - (i) Đối với đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán, tìm hiểu các vấn đề liên quan đến:
 - a. Sự phức tạp và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán;
 - b. Các quyết định và hành động mang tính chiến lược và vận hành, quy trình kinh doanh và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp kiểm toán;
 - c. Các đặc điểm và phong cách quản lý của lãnh đạo;
 - d. Các nguồn lực của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm cả nguồn lực do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp;
 - e. Pháp luật và các quy định, các chuẩn mực nghề nghiệp và môi trường mà doanh nghiệp kiểm toán hoạt động;
 - f. Trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán thuộc một mạng lưới, nội dung và phạm vi của các yêu cầu và dịch vụ của mạng lưới (nếu có).
 - (ii) Đối với đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện, tìm hiểu các vấn đề liên quan đến:
 - a. Các loại hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện và các báo cáo được phát hành;
 - b. Các loại hình doanh nghiệp, tổ chức được doanh nghiệp kiểm toán cung cấp các hợp đồng dịch vụ nêu trên.
 - (b) Xem xét cách thức và mức độ mà các điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh cụ thể, việc thực hiện hoặc không thực hiện các hành động tại đoạn 25 (a)

Chuẩn mực này có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đạt được các mục tiêu chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A48 Chuẩn mực này).

26. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết kế và thực hiện các biện pháp để xử lý các rủi ro chất lượng dựa trên và đáp ứng các lý do cho các đánh giá đã được đưa ra về rủi ro chất lượng. Các biện pháp xử lý của doanh nghiệp kiểm toán cũng phải bao gồm các biện pháp xử lý được quy định tại đoạn 34 Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A49 - A51 Chuẩn mực này).
27. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thiết kế các thủ tục để xác định thông tin mà thông tin này cho thấy sự cần thiết của các mục tiêu chất lượng bổ sung, hoặc các rủi ro chất lượng và biện pháp xử lý được sửa đổi hoặc bổ sung do các thay đổi về đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán hoặc các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán. Nếu thông tin đó được xác định, doanh nghiệp kiểm toán phải xem xét thông tin đó và khi phù hợp (xem hướng dẫn tại đoạn A52 - A53 Chuẩn mực này):
 - (a) Thiết lập các mục tiêu chất lượng bổ sung hoặc sửa đổi các mục tiêu chất lượng bổ sung mà doanh nghiệp kiểm toán đã thiết lập (xem hướng dẫn tại đoạn A54 Chuẩn mực này);
 - (b) Xác định và đánh giá các rủi ro chất lượng bổ sung, sửa đổi các rủi ro chất lượng hoặc đánh giá lại rủi ro chất lượng; hoặc
 - (c) Thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý bổ sung hoặc sửa đổi các biện pháp xử lý.

Quản trị và lãnh đạo

28. Nhằm thiết lập môi trường hỗ trợ hệ thống quản lý chất lượng, liên quan đến việc quản trị và lãnh đạo của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các mục tiêu chất lượng sau đây:
 - (a) Doanh nghiệp kiểm toán thể hiện cam kết về chất lượng thông qua văn hóa tồn tại trong toàn doanh nghiệp kiểm toán mà văn hóa đó công nhận và nhấn mạnh (xem hướng dẫn tại đoạn A55 - A56 Chuẩn mực này):
 - (i) Vai trò của doanh nghiệp kiểm toán trong việc phục vụ lợi ích công chúng bằng cách thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng;
 - (ii) Tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp, các giá trị và thái độ;
 - (iii) Trách nhiệm của tất cả nhân sự đối với chất lượng liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ hoặc các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng và hành vi được kỳ vọng của các nhân sự;

- (iv) Tầm quan trọng của chất lượng trong các quyết định chiến lược và hành động của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm cả các ưu tiên về tài chính và hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán.
- (b) Lãnh đạo phải chịu trách nhiệm và có trách nhiệm giải trình về chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A57 Chuẩn mực này).
- (c) Lãnh đạo thể hiện cam kết về chất lượng thông qua các hành động và hành vi của họ (xem hướng dẫn tại đoạn A58 Chuẩn mực này).
- (d) Cơ cấu tổ chức và phân công vai trò, trách nhiệm và quyền hạn phù hợp để cho phép thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A32, A33, A35, A59 Chuẩn mực này).
- (e) Các nhu cầu về nguồn lực, bao gồm các nguồn lực tài chính, đã được lập kế hoạch và các nguồn lực đã được huy động, phân bổ hoặc phân công một cách nhất quán với cam kết về chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A60 - A61 Chuẩn mực này).

Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan

29. Liên quan đến việc hoàn thành trách nhiệm theo chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, bao gồm các yêu cầu liên quan đến tính độc lập, doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các mục tiêu chất lượng sau đây (xem hướng dẫn tại đoạn A62 - A64, A66 Chuẩn mực này):

- (a) Doanh nghiệp kiểm toán và nhân sự của doanh nghiệp kiểm toán:
 - (i) Hiểu biết về chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan mà doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ (xem hướng dẫn tại đoạn A22, A24 Chuẩn mực này);
 - (ii) Hoàn thành trách nhiệm theo chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan mà doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ.
- (b) Các đối tượng khác, bao gồm mạng lưới, các doanh nghiệp mạng lưới, các cá nhân thuộc mạng lưới hoặc doanh nghiệp mạng lưới, hoặc các nhà cung cấp dịch vụ, là đối tượng phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan mà doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán phải:
 - (i) Hiểu biết về chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan được áp dụng cho các đối tượng nêu trên (xem hướng dẫn tại đoạn A22, A24, A65 Chuẩn mực này);
 - (ii) Hoàn thành trách nhiệm của họ theo chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan được áp dụng.

Chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể

30. Liên quan đến việc chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và hợp đồng dịch vụ cụ thể, doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các mục tiêu chất lượng sau đây:

- (a) Các xét đoán của doanh nghiệp kiểm toán về việc liệu có phù hợp để chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể, dựa trên:
 - (i) Thông tin thu thập được về đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ cũng như tính chính trực và các giá trị đạo đức của khách hàng (bao gồm Ban Giám đốc và Ban quản trị khi thích hợp) đủ để hỗ trợ các xét đoán đó (xem hướng dẫn tại đoạn A67 - A71 Chuẩn mực này);
 - (ii) Khả năng của doanh nghiệp kiểm toán trong việc thực hiện hợp đồng dịch vụ theo các chuẩn mực nghề nghiệp, các yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng (xem hướng dẫn tại đoạn A72 Chuẩn mực này).
- (b) Các ưu tiên về tài chính và hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán không dẫn đến các xét đoán không phù hợp về việc chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể (xem hướng dẫn tại đoạn A73 - A74 Chuẩn mực này).

Thực hiện hợp đồng dịch vụ

31. Liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ có chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các mục tiêu về chất lượng sau đây:

- (a) Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ phải hiểu và hoàn thành trách nhiệm của mình đối với hợp đồng dịch vụ, bao gồm trách nhiệm tổng thể của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ trong việc quản lý và đạt được chất lượng của hợp đồng dịch vụ cũng như trách nhiệm tham gia đầy đủ và thích hợp trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A75 Chuẩn mực này);
- (b) Nội dung, lịch trình và phạm vi chỉ đạo, giám sát các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và soát xét công việc đã thực hiện là phù hợp dựa trên đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của các hợp đồng dịch vụ và các nguồn lực được phân công hoặc có thể cung cấp cho các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, và công việc được thực hiện bởi các thành viên có ít kinh nghiệm hơn trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ được các thành viên có nhiều kinh nghiệm hơn chỉ đạo, giám sát và soát xét (xem hướng dẫn tại đoạn A76 - A77 Chuẩn mực này);
- (c) Các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ phải thực hiện xét đoán chuyên môn phù hợp và tùy thuộc loại hợp đồng dịch vụ, thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp khi cần thiết (xem hướng dẫn tại đoạn A78 Chuẩn mực này);

- (d) Thực hiện tham khảo ý kiến tư vấn về các vấn đề phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi và thực hiện các kết luận đã thống nhất (xem hướng dẫn tại đoạn A79 - A81 Chuẩn mực này);
- (e) Sự khác biệt về quan điểm trong nội bộ nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc giữa nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ với người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hoặc giữa các cá nhân thực hiện các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán phải được doanh nghiệp kiểm toán xem xét và giải quyết (xem hướng dẫn tại đoạn A82 Chuẩn mực này);
- (f) Tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ được hoàn thiện kịp thời sau ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ và được duy trì và lưu trữ một cách phù hợp để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp kiểm toán và tuân thủ quy định của pháp luật, chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan hoặc các chuẩn mực nghề nghiệp (xem hướng dẫn tại đoạn A83 - A85 Chuẩn mực này).

Các nguồn lực

32. Liên quan đến việc huy động, phát triển, sử dụng, duy trì, phân bổ và phân công phù hợp các nguồn lực một cách kịp thời để cho phép thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các mục tiêu về chất lượng sau đây (xem hướng dẫn tại đoạn A86 - A87 Chuẩn mực này):

Nguồn nhân lực

- (a) Tuyển dụng, phát triển và giữ nhân sự có năng lực và khả năng để (xem hướng dẫn tại đoạn A88 - A90 Chuẩn mực này):
 - (i) Thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng, bao gồm việc có kiến thức hoặc kinh nghiệm liên quan đến các hợp đồng dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện; hoặc
 - (ii) Thực hiện các hoạt động hoặc thực thi các trách nhiệm liên quan đến hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.
- (b) Nhân sự thể hiện cam kết về chất lượng thông qua các hành động và hành vi, phát triển và duy trì năng lực thích hợp để thực hiện vai trò của mình, đồng thời phải chịu trách nhiệm hoặc được công nhận thông qua việc đánh giá kịp thời, các khoản thù lao, thăng tiến và các biện pháp khuyến khích khác (xem hướng dẫn tại đoạn A91 - A93 Chuẩn mực này);
- (c) Các cá nhân cần được huy động từ các nguồn bên ngoài (nghĩa là từ mạng lưới, doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới hoặc từ một nhà cung cấp dịch vụ) trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán không có đủ nhân sự hoặc nhân sự không phù hợp để có thể vận hành hệ thống

quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoặc thực hiện các hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A94 Chuẩn mực này);

- (d) Các thành viên trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, bao gồm cả thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ, được phân công vào từng hợp đồng dịch vụ, là những người có năng lực và khả năng thích hợp, có đủ thời gian để thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A88 - A89, A95 - A97 Chuẩn mực này);
- (e) Các cá nhân được phân công thực hiện các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng có năng lực và khả năng thích hợp, bao gồm việc có đủ thời gian để thực hiện các hoạt động đó.

Các nguồn lực công nghệ

- (f) Các nguồn lực công nghệ phù hợp phải được thu thập hoặc phát triển, thực hiện, duy trì và sử dụng, để cho phép vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán và thực hiện các hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A98 - A101, A104 Chuẩn mực này).

Các nguồn lực trí tuệ

- (g) Các nguồn lực trí tuệ phù hợp cần được thu thập hoặc được phát triển, thực hiện, duy trì và sử dụng, để cho phép vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán và thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng, các nguồn lực trí tuệ đó phải nhất quán với các chuẩn mực nghề nghiệp, yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng (xem hướng dẫn tại đoạn A102 - A104 Chuẩn mực này).

Các nhà cung cấp dịch vụ

- (h) Nguồn nhân lực, nguồn lực công nghệ hoặc nguồn lực trí tuệ từ các nhà cung cấp dịch vụ phải phù hợp để sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán và trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ khi xem xét tới các mục tiêu về chất lượng tại đoạn 32 (d), (e), (f), (g) Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A105 - A108 Chuẩn mực này).

Thông tin và truyền thông

33. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các mục tiêu về chất lượng để xử lý việc thu thập, tạo lập hoặc sử dụng thông tin liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng, và trao đổi thông tin trong nội bộ doanh nghiệp kiểm toán và với các đối tượng bên ngoài một cách kịp thời, để hỗ trợ việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng. Các mục tiêu này bao gồm (xem hướng dẫn tại đoạn A109 Chuẩn mực này):

- (a) Hệ thống thông tin nhận diện, nắm bắt, xử lý và duy trì thông tin thích hợp và đáng tin cậy để hỗ trợ hệ thống quản lý chất lượng, cho dù là từ

nguồn nội bộ hay bên ngoài (xem hướng dẫn tại đoạn A110 - A111 Chuẩn mực này);

- (b) Văn hóa của doanh nghiệp kiểm toán công nhận và củng cố trách nhiệm của nhân sự trong việc trao đổi thông tin với doanh nghiệp kiểm toán và giữa các nhân sự với nhau (xem hướng dẫn tại đoạn A112 Chuẩn mực này);
- (c) Thông tin thích hợp và đáng tin cậy được trao đổi trong toàn doanh nghiệp kiểm toán và với các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, bao gồm (xem hướng dẫn tại đoạn A112 Chuẩn mực này):
 - (i) Thông tin được trao đổi với nhân sự và các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, và nội dung, lịch trình và phạm vi của thông tin *trao đổi* phải đủ để họ có thể hiểu và thực hiện trách nhiệm của mình liên quan đến việc thực hiện các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng hoặc các hợp đồng dịch vụ;
 - (ii) Nhân sự và các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trao đổi thông tin với doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng hoặc trong phạm vi của hợp đồng dịch vụ.
- (d) Thông tin thích hợp và đáng tin cậy được trao đổi với các đối tượng bên ngoài, bao gồm:
 - (i) Doanh nghiệp kiểm toán trao đổi thông tin với mạng lưới mà doanh nghiệp kiểm toán là thành viên hoặc với các nhà cung cấp dịch vụ (nếu có), cho phép mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán hoặc các nhà cung cấp dịch vụ hoàn thành trách nhiệm của mình liên quan đến các yêu cầu của mạng lưới, dịch vụ của mạng lưới hoặc các nguồn lực do mạng lưới cung cấp (xem hướng dẫn tại đoạn A113 Chuẩn mực này);
 - (ii) Thông tin được trao đổi ra bên ngoài khi pháp luật và các quy định hoặc các chuẩn mực nghề nghiệp yêu cầu, hoặc để hỗ trợ các đối tượng bên ngoài hiểu về hệ thống quản lý chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A114 - A115 Chuẩn mực này).

Biện pháp xử lý cụ thể

34. Khi thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định tại đoạn 26 Chuẩn mực này, doanh nghiệp kiểm toán phải thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý sau đây (xem hướng dẫn tại đoạn A116 Chuẩn mực này):

- (a) Doanh nghiệp kiểm toán thiết lập các chính sách hoặc thủ tục để:
 - (i) Xác định, đánh giá và xử lý các nguy cơ bị đe dọa đối với việc tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan (xem hướng dẫn tại đoạn A117 Chuẩn mực này);

- (ii) Xác định, trao đổi, đánh giá và báo cáo về bất kỳ vi phạm nào đối với chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan và có biện pháp xử lý phù hợp với các nguyên nhân và các hậu quả một cách kịp thời (xem hướng dẫn tại đoạn A118 - A119 Chuẩn mực này).
- (b) Ít nhất hàng năm, doanh nghiệp kiểm toán phải thu thập xác nhận bằng văn bản từ tất cả các nhân sự theo yêu cầu của chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan về việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập;
- (c) Doanh nghiệp kiểm toán thiết lập các chính sách hoặc thủ tục tiếp nhận, điều tra và giải quyết các phàn nàn và cáo buộc về các trường hợp thất bại trong việc thực hiện công việc theo các chuẩn mực nghề nghiệp và các yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng, hoặc hành vi không tuân thủ các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán được thiết kế theo quy định của Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A120 - A121 Chuẩn mực này);
- (d) Doanh nghiệp kiểm toán thiết lập các chính sách hoặc thủ tục để xử lý các trường hợp khi:
 - (i) Sau khi đã chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể, doanh nghiệp kiểm toán biết được thông tin mà thông tin đó nếu biết được từ trước thì có thể khiến doanh nghiệp kiểm toán từ chối khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A122 - A123 Chuẩn mực này); hoặc
 - (ii) Doanh nghiệp kiểm toán có nghĩa vụ theo pháp luật hoặc các quy định phải chấp nhận quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể (xem hướng dẫn tại đoạn A123 Chuẩn mực này).
- (e) Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục (xem hướng dẫn tại đoạn A124 - A126 Chuẩn mực này):
 - (i) Yêu cầu trao đổi với Ban quản trị khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết, *tổ chức đăng ký giao dịch* về cách thức hệ thống quản lý chất lượng hỗ trợ việc thực hiện nhất quán các cuộc kiểm toán có chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A127 - A129 Chuẩn mực này);
 - (ii) Để xử lý các trường hợp khi việc trao đổi với các đối tượng bên ngoài về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán là phù hợp; và (xem hướng dẫn tại đoạn A130 Chuẩn mực này);
 - (iii) Để xác định các thông tin được cung cấp khi trao đổi ra bên ngoài theo quy định tại điểm (i), (ii) khoản (e) đoạn 34 Chuẩn mực này, bao gồm nội dung, lịch trình và phạm vi và hình thức trao đổi thích hợp (xem hướng dẫn tại đoạn A131 - A132 Chuẩn mực này).

- (f) Doanh nghiệp kiểm toán thiết lập các chính sách hoặc thủ tục liên quan đến việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phù hợp với Chuẩn mực quản lý chất lượng Việt Nam số 2 và yêu cầu soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đối với:
- (i) Các hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính của các tổ chức niêm yết, *tổ chức đăng ký giao dịch*;
 - (ii) Các hợp đồng kiểm toán hoặc các hợp đồng dịch vụ khác mà pháp luật hoặc các quy định yêu cầu phải thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A133 Chuẩn mực này);
 - (iii) Các hợp đồng kiểm toán hoặc các hợp đồng dịch vụ khác mà doanh nghiệp kiểm toán xác định việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là biện pháp phù hợp để xử lý một hoặc nhiều rủi ro chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A134 - A137 Chuẩn mực này).

Quy trình giám sát và khắc phục

35. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập quy trình giám sát và khắc phục để (xem hướng dẫn tại đoạn A138 Chuẩn mực này):
- (a) Cung cấp thông tin thích hợp, đáng tin cậy và kịp thời về việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng;
 - (b) Thực hiện các hành động thích hợp để xử lý và khắc phục kịp thời các khiếm khuyết đã được xác định.

Thiết kế và thực hiện các hoạt động giám sát

36. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết kế và thực hiện các hoạt động giám sát để cung cấp cơ sở cho việc xác định các khiếm khuyết.
37. Để xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát, doanh nghiệp kiểm toán phải xem xét (xem hướng dẫn tại đoạn A139 - A142 Chuẩn mực này):
- (a) Các lý do cho các đánh giá đã được đưa ra về rủi ro chất lượng;
 - (b) Việc thiết kế các biện pháp xử lý;
 - (c) Việc thiết kế quy trình đánh giá rủi ro và quy trình giám sát và quy trình khắc phục của doanh nghiệp kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A143 - A144 Chuẩn mực này);
 - (d) Các thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A145 Chuẩn mực này);
 - (e) Các kết quả của những hoạt động giám sát trước đây, liệu rằng các hoạt động giám sát đó có còn phù hợp trong việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán và liệu các hành động khắc phục để xử lý các khiếm khuyết được xác định trước đó có hiệu

quả hay không (xem hướng dẫn tại đoạn A146 - A147 Chuẩn mực này);

- (f) Các thông tin liên quan khác, bao gồm các phản nản và cáo buộc về việc thất bại trong việc thực hiện công việc theo các chuẩn mực nghề nghiệp cũng như các yêu cầu pháp luật và quy định được áp dụng hoặc hành vi không tuân thủ các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán được thiết lập theo Chuẩn mực này, thông tin từ các cuộc kiểm tra thực hiện bởi các cơ quan giám sát bên ngoài và thông tin từ các nhà cung cấp dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A148 - A150 Chuẩn mực này).

38. Các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán phải bao gồm việc kiểm tra các hợp đồng dịch vụ đã hoàn thành và doanh nghiệp kiểm toán phải xác định các hợp đồng dịch vụ và thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ được lựa chọn để kiểm tra. Khi thực hiện điều này, doanh nghiệp kiểm toán phải (xem hướng dẫn tại đoạn A141, A151 - A154 Chuẩn mực này):

- (a) Xem xét đến các vấn đề tại đoạn 37 Chuẩn mực này;
- (b) Xem xét nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát khác do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện và các hợp đồng dịch vụ và thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ chịu sự giám sát của các hoạt động giám sát đó;
- (c) Chọn ít nhất một hợp đồng dịch vụ đã hoàn thành cho mỗi thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ theo chu kỳ do doanh nghiệp kiểm toán xác định.

39. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục về việc:

- (a) Yêu cầu các cá nhân thực hiện các hoạt động giám sát phải có năng lực và khả năng, bao gồm cả việc có đủ thời gian, để thực hiện các hoạt động giám sát một cách hiệu quả;
- (b) Đảm bảo tính khách quan của các cá nhân thực hiện các hoạt động giám sát. Các chính sách hoặc thủ tục này phải cấm các thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thực hiện bất kỳ hoạt động kiểm tra nào đối với hợp đồng dịch vụ đó (xem hướng dẫn tại đoạn A155 - A156 Chuẩn mực này).

Đánh giá các phát hiện và xác định các khiếm khuyết

40. Trong quy trình giám sát và khắc phục, doanh nghiệp kiểm toán phải đánh giá các phát hiện để xác định xem liệu có tồn tại các khiếm khuyết hay không. (xem hướng dẫn tại đoạn A157 - A162 Chuẩn mực này).

Đánh giá các khiếm khuyết đã được xác định

41. Doanh nghiệp kiểm toán phải đánh giá mức độ nghiêm trọng và tính lan tỏa của các khiếm khuyết đã được xác định bằng cách (xem hướng dẫn tại đoạn A161, A163 - A164 Chuẩn mực này):
- (a) Điều tra (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đã được xác định. Khi xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục để điều tra (các) nguyên nhân gốc, doanh nghiệp kiểm toán phải xem xét đến bản chất của các khiếm khuyết đã được xác định và mức độ nghiêm trọng có thể xảy ra của các khiếm khuyết đó (xem hướng dẫn tại đoạn A165 -A169 Chuẩn mực này);
 - (b) Đánh giá ảnh hưởng của các khiếm khuyết đã xác định, khi xét riêng lẻ và tổng hợp lại đối với hệ thống quản lý chất lượng.

Xử lý các khiếm khuyết đã được xác định

42. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết kế và thực hiện các hành động khắc phục để xử lý các khiếm khuyết đã được xác định tương ứng với kết quả phân tích nguyên nhân gốc (xem hướng dẫn tại đoạn A170 - A172 Chuẩn mực này).
43. (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm vận hành đối với quy trình giám sát và khắc phục phải đánh giá xem liệu các hành động khắc phục:
- (a) Có được thiết kế phù hợp để xử lý các khiếm khuyết đã được xác định và (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đó và xác định rằng các hành động khắc phục đã được thực hiện;
 - (b) Có được thực hiện hiệu quả để xử lý các khiếm khuyết đã xác định trước đây hay không.
44. Nếu đánh giá cho thấy các hành động khắc phục không được thiết kế và thực hiện phù hợp hoặc không hiệu quả, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm vận hành quy trình giám sát và khắc phục phải thực hiện hành động phù hợp để xác định các hành động khắc phục được sửa đổi một cách thích hợp sao cho các hành động đó có hiệu quả.

Các phát hiện về một hợp đồng dịch vụ cụ thể

45. Doanh nghiệp kiểm toán phải xử lý các trường hợp khi các phát hiện cho thấy có (các) hợp đồng dịch vụ mà các thủ tục bắt buộc bị bỏ qua trong quá trình thực hiện (các) hợp đồng dịch vụ này hoặc báo cáo được phát hành có thể không phù hợp. Biện pháp xử lý của doanh nghiệp kiểm toán phải bao gồm (xem hướng dẫn tại đoạn A173 Chuẩn mực này):
- (a) Thực hiện hành động phù hợp để tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp liên quan và các yêu cầu của pháp luật và quy định được áp dụng;
 - (b) Khi báo cáo được coi là không phù hợp, xem xét các tác động và thực hiện hành động phù hợp, bao gồm cả việc xem xét liệu có cần tham khảo ý kiến tư vấn pháp luật hay không.

Trao đổi liên tục liên quan đến quy trình giám sát và khắc phục

46. (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm vận hành đối với quy trình giám sát và khắc phục phải thông báo kịp thời cho (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng và (các) cá nhân được phân công trách nhiệm vận hành đối với hệ thống quản lý chất lượng về (xem hướng dẫn tại đoạn A174 Chuẩn mực này):
- (a) Mô tả các hoạt động giám sát đã thực hiện;
 - (b) Các khiếm khuyết đã được xác định, bao gồm mức độ nghiêm trọng và tính chất lan tỏa của các khiếm khuyết đó; và
 - (c) Các hành động khắc phục để xử lý các khiếm khuyết đã được xác định.
47. Doanh nghiệp kiểm toán phải thông báo các vấn đề được mô tả trong đoạn 46 Chuẩn mực này cho các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và các cá nhân khác được phân công các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng để họ có hành động kịp thời và phù hợp với trách nhiệm của mình.

Các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới

48. Khi doanh nghiệp kiểm toán thuộc một mạng lưới, doanh nghiệp kiểm toán phải có hiểu biết phù hợp về (xem hướng dẫn tại đoạn A19, A175 Chuẩn mực này):
- (a) Các yêu cầu do mạng lưới thiết lập liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm các yêu cầu đối với doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện hoặc sử dụng các nguồn lực hoặc dịch vụ được thiết kế hoặc cung cấp (là các yêu cầu của mạng lưới);
 - (b) Bất kỳ dịch vụ hoặc nguồn lực nào do mạng lưới cung cấp mà doanh nghiệp kiểm toán lựa chọn để thực hiện hoặc sử dụng trong việc thiết kế, thực hiện hoặc vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (là dịch vụ của mạng lưới);
 - (c) Trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán đối với bất kỳ hành động cần thiết nào để thực hiện các yêu cầu của mạng lưới hoặc sử dụng các dịch vụ của mạng lưới (xem hướng dẫn tại đoạn A176 Chuẩn mực này).

Doanh nghiệp kiểm toán vẫn chịu trách nhiệm về hệ thống quản lý chất lượng của mình, bao gồm các xét đoán chuyên môn được đưa ra trong việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng. Doanh nghiệp kiểm toán không được cho phép việc tuân thủ các yêu cầu của mạng lưới hoặc sử dụng các dịch vụ của mạng lưới trái với các yêu cầu của Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A177 Chuẩn mực này).

49. Dựa trên những hiểu biết thu thập được theo quy định tại đoạn 48 Chuẩn mực này, doanh nghiệp kiểm toán phải:

- (a) Xác định cách thức các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới có liên quan, và được xem xét, đến hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm cả cách thức thực hiện các yêu cầu này (xem hướng dẫn tại đoạn A178 Chuẩn mực này);
- (b) Đánh giá xem liệu doanh nghiệp kiểm toán có cần phải điều chỉnh hoặc bổ sung các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới để phù hợp cho việc sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hay không, và cách thức điều chỉnh hoặc bổ sung (nếu cần) (xem hướng dẫn tại đoạn A179 - A180 Chuẩn mực này).

Giám sát các hoạt động do mạng lưới thực hiện cho hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán

50. Trong trường hợp mạng lưới thực hiện các hoạt động giám sát liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải:

- (a) Xác định ảnh hưởng của các hoạt động giám sát do mạng lưới thực hiện đến nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán được thực hiện theo quy định tại đoạn 36-38 Chuẩn mực này;
- (b) Xác định trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán liên quan đến các hoạt động giám sát, bao gồm mọi hành động liên quan của doanh nghiệp kiểm toán; và
- (c) Thu thập kết quả của các hoạt động giám sát từ mạng lưới một cách kịp thời, đây là một phần của việc đánh giá các phát hiện và xác định các khiếm khuyết tại đoạn 40 Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A181 Chuẩn mực này).

Giám sát các hoạt động do mạng lưới thực hiện thông qua các doanh nghiệp mạng lưới

51. Doanh nghiệp kiểm toán phải:

- (a) Hiểu được phạm vi tổng thể của các hoạt động giám sát do mạng lưới thực hiện thông qua các doanh nghiệp mạng lưới, bao gồm các hoạt động giám sát để xác định các yêu cầu của mạng lưới đã được thực hiện một cách phù hợp thông qua các doanh nghiệp mạng lưới, và cách thức mạng lưới sẽ trao đổi kết quả của các hoạt động giám sát tới doanh nghiệp kiểm toán;
- (b) Ít nhất mỗi năm một lần, thu thập thông tin từ mạng lưới về kết quả tổng thể của các hoạt động giám sát của mạng lưới thông qua các doanh nghiệp mạng lưới, nếu có, và (xem hướng dẫn tại đoạn A182 - A184 Chuẩn mực này):
 - (i) Trao đổi thông tin với các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và các cá nhân khác được phân công các hoạt động trong hệ thống

quản lý chất lượng, nếu thích hợp, để cho phép họ thực hiện hành động kịp thời và phù hợp với trách nhiệm của họ; và

- (ii) Xem xét ảnh hưởng của thông tin đối với hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.

Các khiếm khuyết trong yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới do doanh nghiệp kiểm toán xác định

52. Nếu doanh nghiệp kiểm toán xác định có khiếm khuyết trong các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới, doanh nghiệp kiểm toán phải (xem hướng dẫn tại đoạn A185 Chuẩn mực này):

- (a) Trao đổi với mạng lưới các thông tin liên quan về khiếm khuyết đã được xác định;
- (b) Thiết kế và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý ảnh hưởng của khiếm khuyết đã được xác định trong các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới theo quy định tại đoạn 42 Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A186 Chuẩn mực này).

Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng

53. Các cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng phải thay mặt doanh nghiệp kiểm toán đánh giá hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán. Việc đánh giá phải được thực hiện tại một thời điểm nhất định và lặp lại ít nhất mỗi năm một lần (xem hướng dẫn tại đoạn A187 - A189 Chuẩn mực này).

54. Dựa trên việc đánh giá, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng phải thay mặt doanh nghiệp kiểm toán để đưa ra một trong các kết luận sau (xem hướng dẫn tại đoạn A190, A195 Chuẩn mực này):

- (a) Hệ thống quản lý chất lượng cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A191 Chuẩn mực này);
- (b) Ngoại trừ các vấn đề liên quan đến các khiếm khuyết đã được xác định là có ảnh hưởng trọng yếu, nhưng không ảnh hưởng lan tỏa, về việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A192 Chuẩn mực này); hoặc
- (c) Hệ thống quản lý chất lượng không cung cấp được cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A192 đến A194 Chuẩn mực này).

55. Nếu (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng đưa ra kết luận được mô tả tại đoạn 54(b) hoặc 54(c) Chuẩn mực này, thì doanh nghiệp kiểm toán phải (xem hướng dẫn tại đoạn A196 Chuẩn mực này):
- (a) Thực hiện các hành động nhanh chóng và phù hợp; và
 - (b) Trao đổi với:
 - (i) Các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và các cá nhân được phân công thực hiện các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng trong phạm vi phù hợp với trách nhiệm của họ (xem hướng dẫn tại đoạn A197 Chuẩn mực này); và
 - (ii) Các đối tượng bên ngoài theo các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán được quy định tại đoạn 34(e) Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A198 Chuẩn mực này).
56. Doanh nghiệp kiểm toán phải đánh giá thực hiện công việc định kỳ đối với (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng và (các) cá nhân được phân công trách nhiệm vận hành đối với hệ thống quản lý chất lượng. Khi thực hiện, doanh nghiệp kiểm toán phải xem xét đến việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (xem hướng dẫn tại đoạn A199 - A201 Chuẩn mực này).

Tài liệu, hồ sơ

57. Doanh nghiệp kiểm toán phải lập các tài liệu, hồ sơ của hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán đủ để (xem hướng dẫn tại đoạn A202 - A204 Chuẩn mực này):
- (a) Hỗ trợ các nhân sự có hiểu biết nhất quán về hệ thống quản lý chất lượng, bao gồm sự hiểu biết về vai trò và trách nhiệm của những nhân sự này đối với hệ thống quản lý chất lượng và việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ;
 - (b) Hỗ trợ việc thực hiện và vận hành nhất quán của các biện pháp xử lý;
 - (c) Cung cấp bằng chứng về việc thiết kế, thực hiện và vận hành của các biện pháp xử lý nhằm hỗ trợ việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng của (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng.
58. Các tài liệu, hồ sơ cần phải lập bao gồm:
- (a) Việc xác định (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm vận hành đối với hệ thống quản lý chất lượng;
 - (b) Các mục tiêu chất lượng và rủi ro chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A205 Chuẩn mực này);

- (c) Bảng mô tả các biện pháp xử lý và cách thức các biện pháp xử lý của doanh nghiệp kiểm toán giải quyết các rủi ro chất lượng;
 - (d) Về quy trình giám sát và khắc phục:
 - (i) Bảng chứng về các hoạt động giám sát đã thực hiện;
 - (ii) Việc đánh giá các phát hiện, và các khiếm khuyết đã xác định và (các) nguyên nhân gốc liên quan đến các khiếm khuyết đó;
 - (iii) Các hành động khắc phục để xử lý các khiếm khuyết đã xác định và đánh giá việc thiết kế và thực hiện các hành động khắc phục đó;
 - (iv) Các trao đổi về việc giám sát và khắc phục;
 - (e) Cơ sở cho việc đưa ra kết luận theo đoạn 54 Chuẩn mực này.
59. Doanh nghiệp kiểm toán phải ghi chép, lưu lại tài liệu, hồ sơ về các vấn đề tại đoạn 58 Chuẩn mực này vì các vấn đề này liên quan đến các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới và việc đánh giá các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ mạng lưới theo quy định tại đoạn 49(b) Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A206 Chuẩn mực này).
60. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập một khoảng thời gian để lưu trữ các tài liệu, hồ sơ về hệ thống quản lý chất lượng đủ để giám sát việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoặc trong một khoảng thời gian dài hơn nếu có yêu cầu của pháp luật hoặc các quy định.

III/ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

Phạm vi áp dụng (hướng dẫn đoạn 03 - 04 Chuẩn mực này)

- A1. Các chuẩn mực khác của hệ thống chuẩn mực nghề nghiệp Việt Nam, bao gồm Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - *Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính quá khứ* và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 - *Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ*, cũng thiết lập các yêu cầu đối với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đối với việc quản lý chất lượng ở cấp độ hợp đồng dịch vụ.
- A2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) bao gồm các yêu cầu và hướng dẫn áp dụng cho các kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp cho phép các kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp đáp ứng trách nhiệm của họ trong việc hành động vì lợi ích công chúng. Như đã nêu tại đoạn 15 Chuẩn mực này, trong bối cảnh thực hiện hợp đồng dịch vụ như được mô tả trong Chuẩn mực này, việc thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng là một phần trách nhiệm của kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp trong việc hành động vì lợi ích công chúng.

Hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 06 - 09 Chuẩn mực này)

- A3. Doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng các thuật ngữ hoặc khuôn khổ khác nhau để mô tả các thành phần của hệ thống quản lý chất lượng của mình.
- A4. Ví dụ về tính chất liên kết lẫn nhau của các thành phần bao gồm:
- (1) Quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán thiết lập quy trình mà doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ để thực hiện phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong toàn hệ thống quản lý chất lượng;
 - (2) Thành phần quản trị và lãnh đạo thiết lập môi trường hỗ trợ hệ thống quản lý chất lượng;
 - (3) Các thành phần nguồn lực và thông tin và truyền thông cho phép thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng;
 - (4) Quy trình giám sát và khắc phục là một quy trình được thiết kế để giám sát toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng. Kết quả của quy trình giám sát và khắc phục cung cấp thông tin có liên quan đến quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán;
 - (5) Có thể có mối quan hệ giữa các vấn đề cụ thể, ví dụ, các khía cạnh nhất định của chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan đến việc chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể.
- A5. Sự đảm bảo hợp lý đạt được khi hệ thống quản lý chất lượng giảm thiểu rủi ro không đạt được mục tiêu nêu tại đoạn 14 (a) và (b) Chuẩn mực này đến mức thấp có thể chấp nhận được. Sự đảm bảo hợp lý không phải là sự đảm bảo tuyệt đối, do có các hạn chế vốn có của hệ thống quản lý chất lượng. Những hạn chế đó bao gồm khả năng xét đoán của con người trong việc ra quyết định có thể bị sai sót và hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán có thể xảy ra sự cố, ví dụ, do sai sót hoặc hành vi của con người hoặc do lỗi trong các ứng dụng công nghệ thông tin.

Cơ sở áp dụng (hướng dẫn đoạn 12 Chuẩn mực này)

- A6. Mục tiêu của Chuẩn mực này cung cấp bối cảnh mà các quy định của Chuẩn mực này được xây dựng, thiết lập kết quả muốn đạt được của Chuẩn mực này và nhằm hỗ trợ doanh nghiệp kiểm toán hiểu rõ các công việc cần phải hoàn thành và các phương tiện phù hợp để thực hiện các công việc đó (khi cần thiết).
- A7. Những yêu cầu bắt buộc trong Chuẩn mực này được quy định bằng từ “phải”.
- A8. Khi cần thiết, phần hướng dẫn áp dụng đưa ra các giải thích rõ hơn về các quy định và hướng dẫn để thực hiện các quy định đó, cụ thể là:
- (1) Giải thích chi tiết hơn về ý nghĩa hoặc chủ ý của các quy định;

(2) Bao gồm các ví dụ minh họa cách thức mà các quy định có thể được áp dụng.

Bản thân các hướng dẫn không phải là quy định, tuy vậy hướng dẫn đưa ra cách thức áp dụng các quy định một cách phù hợp. Hướng dẫn áp dụng có thể cung cấp thông tin nền tảng để giúp cho việc hiểu các quy định của chuẩn mực. Khi thích hợp, hướng dẫn áp dụng cũng đưa ra các lưu ý đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán trong lĩnh vực công. Các lưu ý này hỗ trợ việc áp dụng các quy định của Chuẩn mực này, tuy nhiên không giới hạn hoặc giảm bớt trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán trong việc áp dụng và tuân thủ các quy định của Chuẩn mực này.

A9. Phần “Giải thích thuật ngữ” giải thích ý nghĩa của các thuật ngữ khi được sử dụng trong Chuẩn mực này. Các thuật ngữ được giải thích để giúp hiểu và áp dụng nhất quán Chuẩn mực này và không thay thế các thuật ngữ được xây dựng cho các mục đích khác, như trong pháp luật và các quy định. Danh mục thuật ngữ của các chuẩn mực nghề nghiệp Việt Nam về kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính hoặc dịch vụ đảm bảo khác và dịch vụ liên quan bao gồm cả các thuật ngữ trong Chuẩn mực này. Danh mục thuật ngữ cũng giải thích các thuật ngữ khác trong các chuẩn mực quản lý chất lượng để giúp hiểu và áp dụng các chuẩn mực một cách nhất quán.

Giải thích thuật ngữ

Khiếm khuyết (hướng dẫn đoạn 16(a) Chuẩn mực này)

A10. Doanh nghiệp kiểm toán xác định các khiếm khuyết thông qua đánh giá các phát hiện. Khiếm khuyết có thể phát sinh từ một phát hiện hoặc kết hợp nhiều phát hiện.

A11. Khi khiếm khuyết được xác định như là kết quả của việc một rủi ro chất lượng hoặc sự kết hợp của các rủi ro chất lượng không được xác định hoặc đánh giá đúng, thì (các) biện pháp để xử lý (các) rủi ro chất lượng đó cũng có thể không có, hoặc không được thiết kế hoặc không được thực hiện một cách phù hợp.

A12. Các khía cạnh khác trong hệ thống quản lý chất lượng bao gồm các yêu cầu trong Chuẩn mực này đề cập đến các vấn đề sau:

- (1) Phân công trách nhiệm (theo quy định tại đoạn 20 - 22 Chuẩn mực này);
- (2) Quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán;
- (3) Quy trình giám sát và khắc phục;
- (4) Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng.

Ví dụ về các khiếm khuyết liên quan đến các khía cạnh khác của hệ thống quản lý chất lượng

- (1) Quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán không xác

định được các thông tin chỉ ra sự thay đổi trong đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán cũng như các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán và sự cần thiết phải thiết lập bổ sung các mục tiêu chất lượng hoặc sửa đổi các rủi ro chất lượng hoặc các biện pháp xử lý.

- (2) Quy trình giám sát và khắc phục của doanh nghiệp kiểm toán không được thiết kế hoặc thực hiện theo cách mà:
- Cung cấp những thông tin phù hợp, tin cậy và kịp thời về việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng.
 - Cho phép doanh nghiệp kiểm toán thực hiện các hành động phù hợp để xử lý các khiếm khuyết đã được xác định nhằm khắc phục kịp thời các khiếm khuyết đó.
- (3) (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng không thực hiện các đánh giá hàng năm đối với hệ thống quản lý chất lượng.

Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 16(f) Chuẩn mực này)

A13. Đoạn A15-A26 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 cung cấp các hướng dẫn khi áp dụng thuật ngữ nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trong bối cảnh cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.

Kiểm tra từ bên ngoài (hướng dẫn đoạn 16(g) Chuẩn mực này)

A14. Trong một số trường hợp, cơ quan giám sát từ bên ngoài có thể thực hiện các hình thức kiểm tra khác, ví dụ, đối với doanh nghiệp kiểm toán được lựa chọn, soát xét theo chủ đề tập trung vào các khía cạnh cụ thể của các hợp đồng kiểm toán hoặc các thông lệ áp dụng ở cấp độ toàn doanh nghiệp kiểm toán.

Các phát hiện (hướng dẫn đoạn 16(h) Chuẩn mực này)

A15. Như một phần của quá trình tổng hợp các phát hiện từ các hoạt động giám sát, các cuộc kiểm tra từ bên ngoài và các nguồn liên quan khác, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định các quan sát khác về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, như các kết quả tích cực hoặc các cơ hội để doanh nghiệp kiểm toán cải tiến hoặc nâng cao hơn nữa hệ thống quản lý chất lượng. Đoạn A158 Chuẩn mực này giải thích cách thức doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng các quan sát khác trong hệ thống quản lý chất lượng.

A16. Đoạn A148 Chuẩn mực này cung cấp các ví dụ về thông tin từ các nguồn liên quan khác.

A17. Các hoạt động giám sát bao gồm giám sát ở cấp độ hợp đồng dịch vụ, như kiểm tra các hợp đồng dịch vụ. Ngoài ra, các cuộc kiểm tra từ bên ngoài

và các nguồn liên quan khác có thể bao gồm thông tin liên quan đến các hợp đồng dịch vụ cụ thể. Do đó, thông tin về việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng bao gồm các phát hiện ở cấp độ hợp đồng dịch vụ có thể chỉ ra những phát hiện liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng.

Doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 16(i) Chuẩn mực này)

A18. Định nghĩa thuật ngữ “doanh nghiệp kiểm toán” đưa ra trong các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể khác với định nghĩa “doanh nghiệp kiểm toán” được quy định trong Chuẩn mực này.

Mạng lưới (hướng dẫn đoạn 16(l), 48 Chuẩn mực này)

A19. Mạng lưới và các doanh nghiệp kiểm toán trong mạng lưới có thể được liên kết theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ, trong việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng:

- (1) Mạng lưới có thể thiết lập các yêu cầu đối với doanh nghiệp kiểm toán liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng hoặc cung cấp các dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ;
- (2) Các doanh nghiệp kiểm toán khác trong mạng lưới có thể cung cấp các dịch vụ (ví dụ, các nguồn lực) được doanh nghiệp kiểm toán sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ; hoặc
- (3) Các cấu trúc hoặc tổ chức khác trong mạng lưới có thể thiết lập các yêu cầu đối với doanh nghiệp kiểm toán liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng hoặc cung cấp các dịch vụ.

Cho mục đích của Chuẩn mực này, bất kỳ yêu cầu nào của mạng lưới hoặc dịch vụ nào của mạng lưới nhận được từ mạng lưới, từ các doanh nghiệp kiểm toán khác trong cùng mạng lưới hoặc từ những cấu trúc hoặc tổ chức khác trong mạng lưới thì được xem là “yêu cầu của mạng lưới hay dịch vụ của mạng lưới.”

Nhân sự (hướng dẫn đoạn 16(n) Chuẩn mực này)

A20. Ngoài nhân sự (là các cá nhân trong doanh nghiệp kiểm toán), doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng các cá nhân từ bên ngoài để thực hiện các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, các cá nhân bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán bao gồm cá nhân từ doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới (ví dụ, các cá nhân trong trung tâm cung cấp dịch vụ của một doanh nghiệp trong cùng mạng lưới) hoặc các cá nhân do nhà cung cấp dịch vụ tuyển dụng (ví dụ, kiểm toán viên đơn vị thành viên từ một doanh nghiệp kiểm toán khác không thuộc cùng mạng lưới với doanh nghiệp kiểm toán).

A21. Nhân sự cũng bao gồm thành viên Ban Giám đốc và cán bộ, nhân viên trong các cấu trúc khác của doanh nghiệp kiểm toán, như trung tâm cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp kiểm toán.

Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan (hướng dẫn đoạn 16(t), đoạn 29 Chuẩn mực này)

A22. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan được áp dụng trong bối cảnh của một hệ thống quản lý chất lượng có thể khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán. Thuật ngữ “kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp” có thể được định nghĩa trong chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan. Ví dụ, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) định nghĩa thuật ngữ “kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp” và giải thích thêm phạm vi của các quy định trong Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) áp dụng cho các kế toán viên, kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán.

A23. Các đoạn R100.7-100.7A1 của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) có đề cập tới các trường hợp cụ thể khi pháp luật hoặc các quy định ngăn cản kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp tuân thủ các phần nhất định của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập). Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) cũng thừa nhận rằng có thể có các điều khoản trong pháp luật hoặc các quy định khác biệt với, hoặc vượt ra ngoài những quy định được đặt ra trong Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) và các kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp cần nhận thức được những khác biệt đó và tuân thủ các quy định nghiêm ngặt hơn, trừ khi bị cấm theo pháp luật hoặc các quy định.

A24. Có nhiều quy định khác nhau trong chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể chỉ áp dụng đối với cá nhân trong bối cảnh thực hiện các hợp đồng dịch vụ, chứ không áp dụng cho doanh nghiệp kiểm toán. Ví dụ:

- (1) Phần 2 của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) áp dụng cho các cá nhân là kế toán viên, kiểm toán viên hành nghề khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp theo mối quan hệ của họ với doanh nghiệp kiểm toán, cho dù là theo hợp đồng, nhân viên hay chủ sở hữu và có thể có liên quan trong bối cảnh thực hiện các hợp đồng dịch vụ;
- (2) Một số yêu cầu nhất định trong Phần 3 và 4 của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) cũng áp dụng cho các cá nhân là kế toán viên, kiểm toán

viên hành nghề khi họ đang thực hiện các hoạt động nghề nghiệp cho khách hàng.

Việc tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan của các cá nhân có thể cần được xử lý thông qua hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.

Ví dụ về chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan chỉ áp dụng cho các cá nhân chứ không áp dụng cho doanh nghiệp kiểm toán.

Phần 2, đoạn R270.3 của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) đề cập đến áp lực dẫn đến vi phạm các nguyên tắc cơ bản và các yêu cầu rằng một cá nhân không được:

- (1) Cho phép áp lực từ đối tượng khác dẫn đến việc vi phạm các nguyên tắc cơ bản; hoặc
- (2) Gây áp lực lên những cá nhân khác mà kế toán viên, kiểm toán viên biết, hoặc có lý do để tin rằng, áp lực đó sẽ dẫn đến việc những cá nhân này vi phạm các nguyên tắc cơ bản.

Ví dụ, trong khi thực hiện một hợp đồng dịch vụ, có thể phát sinh các trường hợp một cá nhân cho rằng thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ hoặc thành viên cấp cao khác của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đã gây áp lực buộc họ vi phạm các nguyên tắc cơ bản.

Biện pháp xử lý (hướng dẫn đoạn 16(u) Chuẩn mực này)

- A25. Các chính sách được thực hiện thông qua những hành động của nhân sự và của các cá nhân khác mà hành động của họ chịu sự điều chỉnh của các chính sách đó (bao gồm các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ), hoặc thông qua việc họ không được thực hiện các hành động có thể mâu thuẫn với chính sách của doanh nghiệp kiểm toán.
- A26. Các thủ tục có thể được quy định bắt buộc thông qua những tài liệu chính thức hoặc cách thức trao đổi khác, hoặc có thể xuất phát từ những hành vi không bắt buộc nhưng được điều chỉnh bởi văn hóa doanh nghiệp kiểm toán. Các thủ tục có thể được thực thi thông qua những hành động được cho phép bởi các ứng dụng công nghệ thông tin hoặc khía cạnh khác của môi trường công nghệ thông tin của doanh nghiệp kiểm toán.
- A27. Nếu doanh nghiệp kiểm toán sử dụng các cá nhân bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán trong hệ thống quản lý chất lượng hoặc để thực hiện các hợp đồng dịch vụ, thì doanh nghiệp kiểm toán có thể cần thiết kế các chính sách hoặc thủ tục khác để xử lý các hành động của các cá nhân đó. Đoạn A24-A26 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 hướng dẫn các trường

hợp doanh nghiệp kiểm toán cần thiết kể các chính sách hoặc thủ tục khác để xử lý các hành động của các cá nhân bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán trong bối cảnh của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.

Nhà cung cấp dịch vụ (hướng dẫn đoạn 16(v) Chuẩn mực này)

A28. Nhà cung cấp dịch vụ bao gồm các kiểm toán viên đơn vị thành viên từ những doanh nghiệp kiểm toán khác không phải trong cùng mạng lưới với doanh nghiệp kiểm toán.

Áp dụng và tuân thủ các quy định có liên quan (hướng dẫn đoạn 17 Chuẩn mực này)

A29. *Ví dụ về trường hợp một yêu cầu của Chuẩn mực này có thể không phù hợp với doanh nghiệp kiểm toán:*

Doanh nghiệp kiểm toán chỉ thực hiện các hợp đồng dịch vụ là các hợp đồng dịch vụ liên quan. Ví dụ, nếu doanh nghiệp kiểm toán không bắt buộc phải duy trì tính độc lập đối với các hợp đồng dịch vụ liên quan, thì những yêu cầu phải có xác nhận bằng văn bản từ tất cả các nhân sự về việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập sẽ không phù hợp.

Hệ thống quản lý chất lượng

Thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng (hướng dẫn đoạn 19 Chuẩn mực này)

A30. Quản lý chất lượng không phải là một chức năng riêng biệt của doanh nghiệp kiểm toán; đó là sự tích hợp một văn hóa thể hiện sự cam kết về chất lượng với chiến lược, các hoạt động vận hành và các quy trình kinh doanh của doanh nghiệp kiểm toán. Do đó, việc thiết kế hệ thống quản lý chất lượng cùng với các hoạt động vận hành và quy trình kinh doanh của doanh nghiệp kiểm toán theo hình thức tích hợp có thể thúc đẩy một phương pháp tiếp cận hài hòa để quản lý doanh nghiệp kiểm toán và nâng cao hiệu quả của việc quản lý chất lượng.

A31. Chất lượng của các xét đoán chuyên môn do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện sẽ được nâng cao khi các cá nhân đưa ra các xét đoán đó có thể hiện thái độ, ý thức tìm hiểu, bao gồm:

- (1) Xem xét nguồn, tính phù hợp và tính đầy đủ của thông tin thu thập được về hệ thống quản lý chất lượng, bao gồm những thông tin liên quan đến đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán;
- (2) Cởi mở và cảnh giác đối với sự cần thiết phải thực hiện điều tra sâu hơn hoặc những hành động khác.

Trách nhiệm (hướng dẫn đoạn 20 - 21, 28(d) Chuẩn mực này)

- A32. Thành phần quản trị và lãnh đạo gồm có một mục tiêu chất lượng là doanh nghiệp kiểm toán cần có một cơ cấu tổ chức và phân công vai trò, trách nhiệm, và quyền hạn phù hợp nhằm hỗ trợ việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.
- A33. Mặc dù có sự phân công trách nhiệm liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu tại đoạn 20 Chuẩn mực này, doanh nghiệp kiểm toán vẫn phải chịu trách nhiệm cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng và việc yêu cầu (các) cá nhân chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình về vai trò mà họ được phân công. Ví dụ, theo đoạn 53 và 54 Chuẩn mực này, mặc dù doanh nghiệp kiểm toán phân công việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và đưa ra kết luận về việc đánh giá đó cho (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng, nhưng doanh nghiệp kiểm toán vẫn phải chịu trách nhiệm đối với đánh giá và kết luận này.
- A34. (Các) cá nhân được phân công chịu trách nhiệm cho những vấn đề được nêu tại đoạn 20 Chuẩn mực này thường là thành viên Ban Giám đốc của doanh nghiệp kiểm toán để họ có ảnh hưởng và thẩm quyền phù hợp trong doanh nghiệp kiểm toán theo yêu cầu tại đoạn 21 Chuẩn mực này. Tuy nhiên, dựa trên cấu trúc pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán, có thể có một số trường hợp (các) cá nhân không phải là thành viên Ban Giám đốc của doanh nghiệp kiểm toán nhưng vẫn có ảnh hưởng và thẩm quyền phù hợp trong doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện vai trò được phân công theo các sắp xếp chính thức của doanh nghiệp kiểm toán hoặc mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán.
- A35. Cách thức doanh nghiệp kiểm toán phân công vai trò, trách nhiệm và quyền hạn trong doanh nghiệp kiểm toán có thể khác nhau, pháp luật và các quy định có thể đặt ra các yêu cầu cho doanh nghiệp kiểm toán gây ảnh hưởng đến cơ cấu Ban quản trị và Ban Giám đốc hoặc các trách nhiệm được phân công cho họ. (Các) cá nhân được phân công chịu trách nhiệm đối với các vấn đề được quy định tại đoạn 20 Chuẩn mực này có thể tiếp tục phân công cho các cá nhân khác nhiệm vụ, thủ tục, tác vụ hoặc yêu cầu thực hiện các hành động để hỗ trợ họ hoàn thành trách nhiệm của mình. Tuy nhiên, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm đối với các vấn đề quy định tại đoạn 20 Chuẩn mực này vẫn là người chịu trách nhiệm và giải trình về các trách nhiệm mà họ được phân công.

Ví dụ về khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp để minh họa cách thức phân công vai trò và trách nhiệm

- (1) Trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng về hệ thống quản lý chất lượng có thể được phân công cho một thành viên Ban Giám đốc duy nhất chịu trách nhiệm đối với việc giám sát của doanh nghiệp kiểm

toán. Cá nhân này cũng có thể chịu trách nhiệm về tất cả các khía cạnh của hệ thống quản lý chất lượng, bao gồm trách nhiệm vận hành đối với hệ thống quản lý chất lượng, việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập và quy trình giám sát và khắc phục.

- (2) Trong một doanh nghiệp kiểm toán phức tạp, có thể có nhiều cấp lãnh đạo phản ánh cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp kiểm toán, và doanh nghiệp kiểm toán có thể có một bộ phận quản trị độc lập có quyền giám sát không điều hành, có thể gồm các cá nhân bên ngoài *doanh nghiệp kiểm toán*. Ngoài ra, doanh nghiệp kiểm toán có thể phân công trách nhiệm vận hành đối với các khía cạnh cụ thể của hệ thống quản lý chất lượng ngoài các khía cạnh quy định tại đoạn 20 (c), như trách nhiệm vận hành đối với việc tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp hoặc trách nhiệm vận hành đối với việc quản lý một mảng dịch vụ.

- A36. Việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập là điều cần thiết đối với các cuộc kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính hoặc các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác, đồng thời là kỳ vọng của các bên có lợi ích liên quan đối với báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán. (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm vận hành đối với việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập thường chịu trách nhiệm giám sát tất cả các vấn đề liên quan đến tính độc lập sao cho doanh nghiệp kiểm toán có thể thiết kế và thực hiện một phương pháp tiếp cận nhất quán và vững mạnh trong việc xử lý các yêu cầu về tính độc lập.
- A37. Pháp luật và các quy định hoặc các chuẩn mực nghề nghiệp có thể thiết lập các yêu cầu bổ sung đối với một cá nhân được phân công trách nhiệm đối với (các) vấn đề trong đoạn 20 Chuẩn mực này, như các yêu cầu về cấp phép hành nghề, đào tạo chuyên môn hoặc cập nhật kiến thức.
- A38. Kinh nghiệm và kiến thức phù hợp của (các) cá nhân được phân công chịu trách nhiệm vận hành hệ thống quản lý chất lượng thường bao gồm sự hiểu biết về các quyết định và hành động mang tính chiến lược của doanh nghiệp kiểm toán cũng như kinh nghiệm đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kiểm toán.

Quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 23 Chuẩn mực này)

- A39. Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm cả cấu trúc và tổ chức trong doanh nghiệp kiểm toán có thể ảnh hưởng đến cách doanh nghiệp kiểm toán thiết kế quy trình đánh giá rủi ro.

Ví dụ về khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp để minh họa quy trình đánh giá rủi ro ở các doanh nghiệp kiểm toán có thể khác nhau

- (1) Trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, (các) cá nhân chịu trách nhiệm vận hành hệ thống quản lý chất lượng có thể có hiểu

biết đầy đủ về doanh nghiệp kiểm toán cũng như hợp đồng dịch vụ để tiến hành quy trình đánh giá rủi ro. Ngoài ra, tài liệu, hồ sơ về mục tiêu chất lượng, rủi ro chất lượng và biện pháp xử lý có thể không có cùng quy mô như những doanh nghiệp kiểm toán phức tạp (ví dụ, tất cả nội dung trên đều được thể hiện trong một tài liệu duy nhất).

- (2) Trong một doanh nghiệp kiểm toán phức tạp, có thể có một quy trình đánh giá rủi ro chính thức, có sự tham gia của nhiều cá nhân và nhiều hoạt động. Đó có thể là quy trình tập trung (ví dụ, các mục tiêu chất lượng, rủi ro chất lượng và biện pháp xử lý được thiết lập tập trung cho tất cả các đơn vị kinh doanh, chức năng và mảng dịch vụ) hoặc phi tập trung (ví dụ, các mục tiêu chất lượng, rủi ro chất lượng và biện pháp xử lý được thiết lập ở cấp độ đơn vị kinh doanh, chức năng hoặc mảng dịch vụ, còn các kết quả đầu ra được kết hợp ở cấp độ doanh nghiệp kiểm toán). Mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán cũng có thể cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán các mục tiêu chất lượng, rủi ro chất lượng và các biện pháp xử lý để đưa vào hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.

A40. Quy trình thiết lập các mục tiêu chất lượng, xác định và đánh giá rủi ro chất lượng cũng như thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý là một công tác lặp đi lặp lại và những yêu cầu của Chuẩn mực này không được chủ định để giải quyết theo một cách tuyến tính. Ví dụ:

- (1) Khi xác định và đánh giá rủi ro chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định rằng cần thiết lập (các) mục tiêu chất lượng bổ sung;
- (2) Khi thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định rằng một rủi ro chất lượng đã không được xác định và đánh giá.

A41. Các nguồn thông tin cho phép doanh nghiệp kiểm toán thiết lập các mục tiêu chất lượng, xác định và đánh giá rủi ro chất lượng cũng như thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý là một bộ phận của thành phần thông tin và truyền thông của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm:

- (1) Kết quả của quy trình giám sát và khắc phục của doanh nghiệp kiểm toán (xem đoạn 42 và A171 Chuẩn mực này);
- (2) Thông tin từ mạng lưới hoặc các nhà cung cấp dịch vụ, bao gồm:
 - Thông tin về các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới (xem đoạn 48 Chuẩn mực này);
 - Thông tin khác từ mạng lưới, bao gồm thông tin về kết quả của các hoạt động giám sát do mạng lưới thực hiện đối với các doanh nghiệp mạng lưới (xem đoạn 50 - 51 Chuẩn mực này).

Các thông tin khác, cả thông tin nội bộ hoặc bên ngoài, cũng có thể liên quan đến quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán, như:

- (1) Thông tin liên quan đến các phản nàn và cáo buộc về việc không thực hiện công việc theo các chuẩn mực nghề nghiệp, yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng hoặc hành vi không tuân thủ các chính sách, thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán được thiết lập theo Chuẩn mực này;
- (2) Các kết quả kiểm tra từ bên ngoài;
- (3) Thông tin từ các cơ quan quản lý về những đơn vị mà doanh nghiệp kiểm toán cung cấp các hợp đồng dịch vụ, như thông tin từ cơ quan quản lý chứng khoán về một đơn vị mà doanh nghiệp kiểm toán cung cấp các hợp đồng dịch vụ (ví dụ, các sai phạm trong báo cáo tài chính của đơn vị hoặc hành vi không tuân thủ với quy định về chứng khoán);
- (4) Các thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng ảnh hưởng đến các khía cạnh khác của hệ thống, ví dụ, những thay đổi về nguồn lực của doanh nghiệp kiểm toán;
- (5) Các nguồn bên ngoài khác, như các hành động của cơ quan quản lý và những vụ kiện đối với doanh nghiệp kiểm toán hoặc những doanh nghiệp kiểm toán khác có thể làm nổi bật các nội dung mà doanh nghiệp kiểm toán cần xem xét.

Thiết lập các mục tiêu chất lượng (hướng dẫn đoạn 24 Chuẩn mực này)

- A42. Pháp luật, các quy định hoặc các chuẩn mực nghề nghiệp có thể thiết lập những yêu cầu làm phát sinh mục tiêu chất lượng bổ sung. Ví dụ, pháp luật và các quy định có thể yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán bổ nhiệm những cá nhân không điều hành vào cơ cấu quản trị của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán thấy cần thiết phải thiết lập những mục tiêu chất lượng bổ sung để đáp ứng được những yêu cầu này.
- A43. Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán cũng như các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán có thể làm cho doanh nghiệp kiểm toán thấy không cần thiết phải thiết lập các mục tiêu chất lượng bổ sung.
- A44. Doanh nghiệp kiểm toán có thể xây dựng các mục tiêu phụ để nâng cao việc xác định và đánh giá rủi ro chất lượng, cũng như thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý.

Xác định và đánh giá các rủi ro chất lượng (hướng dẫn đoạn 25 Chuẩn mực này)

- A45. Có thể có các điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động khác không được trình bày ở đoạn 25(a) mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đạt được mục tiêu chất lượng.
- A46. Một rủi ro sẽ phát sinh từ cách thức và mức độ mà một điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện hành động có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đạt được một mục tiêu chất lượng. Không phải tất

cả các rủi ro đều đáp ứng định nghĩa của rủi ro chất lượng. Xét đoán chuyên môn giúp doanh nghiệp kiểm toán xác định liệu rủi ro đó có phải là rủi ro chất lượng hay không, dựa trên xem xét của doanh nghiệp kiểm toán về việc liệu có khả năng hợp lý xảy ra rủi ro hay không, và khi xét riêng lẻ hoặc kết hợp với những rủi ro khác có ảnh hưởng bất lợi đến việc đạt được một hoặc nhiều mục tiêu chất lượng không.

<i>Ví dụ về hiểu biết của doanh nghiệp kiểm toán về điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đạt được các mục tiêu chất lượng</i>	<i>Ví dụ về rủi ro chất lượng có thể phát sinh</i>
(1) Các quyết định và hành động mang tính chiến lược và vận hành, các quy trình kinh doanh và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp kiểm toán: Các mục tiêu tài chính tổng thể của doanh nghiệp kiểm toán phụ thuộc quá nhiều vào mức độ mà các dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán cung cấp không nằm trong phạm vi của Chuẩn mực này.	Trong bối cảnh quản trị và lãnh đạo, điều này có thể làm phát sinh một số rủi ro chất lượng như: (1) Các nguồn lực được phân bổ hoặc chỉ định theo cách thức ưu tiên các dịch vụ không thuộc phạm vi của Chuẩn mực này và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng của các hợp đồng dịch vụ thuộc phạm vi của Chuẩn mực này. (2) Các quyết định ưu tiên về tài chính và vận hành không xem xét đầy đủ hoặc thích hợp tầm quan trọng của chất lượng trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ thuộc phạm vi của Chuẩn mực này.
(2) Các đặc điểm và phong cách quản lý của lãnh đạo: Doanh nghiệp kiểm toán là doanh nghiệp kiểm toán nhỏ với một vài thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ chia sẻ thẩm quyền.	Trong bối cảnh quản trị và lãnh đạo, điều này có thể phát sinh một số rủi ro chất lượng như sau: (1) Trách nhiệm của lãnh đạo và trách nhiệm giải trình về chất lượng không được xác định và phân công rõ ràng. (2) Những hành động và hành vi của lãnh đạo mà không thúc đẩy chất lượng không bị đặt

	câu hỏi.
(3) Sự phức tạp và đặc điểm về hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán: Doanh nghiệp kiểm toán vừa hoàn thành việc sáp nhập với doanh nghiệp kiểm toán khác.	Trong bối cảnh nguồn lực, điều này có thể phát sinh một số rủi ro chất lượng như: (1) Nguồn lực công nghệ hai doanh nghiệp kiểm toán sáp nhập sử dụng có thể không tương thích. (2) Các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể sử dụng các nguồn lực trí tuệ do một doanh nghiệp kiểm toán xây dựng trước khi sáp nhập nay không còn nhất quán với phương pháp luận mới đang được doanh nghiệp kiểm toán mới được sáp nhập sử dụng.

A47. Với tính chất ngày càng phát triển của hệ thống quản lý chất lượng, các biện pháp xử lý do doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện có thể làm phát sinh các điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động dẫn đến rủi ro chất lượng tiếp theo. Ví dụ, doanh nghiệp kiểm toán có thể triển khai một nguồn lực (ví dụ, nguồn lực công nghệ) để giải quyết rủi ro chất lượng và rủi ro chất lượng có thể phát sinh từ việc sử dụng nguồn lực đó.

A48. Mức độ mà rủi ro, khi xét riêng lẻ hoặc kết hợp với các rủi ro khác có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đạt được (các) mục tiêu chất lượng có thể thay đổi dựa trên các điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động làm phát sinh rủi ro, có tính đến, ví dụ:

- (1) Điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện hành động sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc đạt được mục tiêu chất lượng.
- (2) Mức độ thường xuyên xảy ra điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện hành động.
- (3) Khoảng thời gian sau khi điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện hành động phát sinh đến khi có ảnh hưởng kéo dài bao lâu và liệu trong khoảng thời gian đó, doanh nghiệp kiểm toán có cơ hội nào xử lý để giảm thiểu ảnh hưởng của điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện một số hành động hay không thực hiện một số hành động hay không.

- (4) Điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện hành động sẽ ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu chất lượng trong bao lâu khi nó đã xảy ra.

Việc đánh giá rủi ro chất lượng không nhất thiết phải bao gồm xếp thứ hạng hoặc chấm điểm số chính thức, mặc dù các doanh nghiệp kiểm toán không bị cấm sử dụng *các phương thức này*.

Thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý để giải quyết các rủi ro chất lượng (hướng dẫn đoạn 16(u), 26 Chuẩn mực này)

- A49. Nội dung, lịch trình và phạm vi của các biện pháp xử lý được xác định dựa trên những lý do của việc đánh giá rủi ro về chất lượng, cụ thể là khả năng xảy ra rủi ro về chất lượng và ảnh hưởng đến việc đạt được một hoặc nhiều mục tiêu chất lượng đã được cân nhắc.
- A50. Các biện pháp xử lý do doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện có thể vận hành ở cấp độ doanh nghiệp kiểm toán hoặc cấp độ hợp đồng dịch vụ hoặc có thể có sự kết hợp giữa các trách nhiệm đối với các hành động được thực hiện ở cấp độ doanh nghiệp kiểm toán và cấp độ hợp đồng dịch vụ.

Ví dụ về biện pháp xử lý được doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện để vận hành ở cả cấp độ doanh nghiệp kiểm toán và cấp độ hợp đồng dịch vụ:

Doanh nghiệp kiểm toán thiết lập các chính sách hoặc thủ tục đối với việc tham khảo ý kiến tư vấn bao gồm việc nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ phải thực hiện tham khảo ý kiến với ai và các vấn đề cụ thể cần tham khảo ý kiến tư vấn. Doanh nghiệp kiểm toán chỉ định các cá nhân có đủ năng lực và kinh nghiệm phù hợp để cung cấp các tư vấn. Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ chịu trách nhiệm xác định khi nào các vấn đề cần tham khảo ý kiến tư vấn phát sinh, thực hiện tham khảo ý kiến tư vấn và thực hiện các kết luận từ việc tham khảo ý kiến tư vấn theo đoạn 35 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220.

- A51. Việc các chính sách hoặc thủ tục được lập thành văn bản chính thức có thể cần thiết hơn đối với các doanh nghiệp kiểm toán có nhiều nhân sự hoặc phân tán về mặt địa lý, để đạt được sự nhất quán trong toàn doanh nghiệp kiểm toán.

Các thay đổi trong đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán hoặc các hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 27 Chuẩn mực này)

A52. *Ví dụ về khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp để minh họa các chính sách hoặc thủ tục xác định thông tin về các thay đổi trong đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ có thể khác nhau*

- (1) Trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, doanh nghiệp kiểm

toán có thể có các chính sách hoặc thủ tục không chính thức để xác định thông tin về những thay đổi trong đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán hoặc các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán, đặc biệt khi (các) cá nhân chịu trách nhiệm thiết lập các mục tiêu chất lượng, xác định và đánh giá rủi ro chất lượng cũng như thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý có thể xác định các thông tin đó trong các hoạt động thông thường của họ.

- (2) Trong một doanh nghiệp kiểm toán phức tạp, doanh nghiệp kiểm toán có thể cần thiết lập nhiều chính sách hoặc thủ tục chính thức hơn để xác định và xem xét thông tin về những thay đổi trong đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán. Ví dụ, điều này có thể bao gồm việc xem xét định kỳ thông tin liên quan đến đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm việc theo dõi liên tục các xu hướng và sự kiện xảy ra trong môi trường bên trong và bên ngoài của doanh nghiệp kiểm toán.

A53. Các mục tiêu chất lượng bổ sung có thể cần được thiết lập hoặc các rủi ro chất lượng và các biện pháp xử lý được bổ sung hoặc sửa đổi, như một phần của các hành động khắc phục do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện để xử lý các khiếm khuyết đã xác định theo đoạn 42 Chuẩn mực này.

A54. Doanh nghiệp kiểm toán có thể đã thiết lập các mục tiêu chất lượng ngoài các mục tiêu được quy định cụ thể trong Chuẩn mực này. Doanh nghiệp kiểm toán cũng có thể xác định các thông tin cho thấy mục tiêu chất lượng bổ sung mà doanh nghiệp kiểm toán đã thiết lập không còn cần thiết hoặc cần được sửa đổi.

Quản trị và lãnh đạo

Cam kết đối với chất lượng (hướng dẫn đoạn 28(a) Chuẩn mực này)

A55. Văn hóa của doanh nghiệp kiểm toán là một yếu tố quan trọng trong việc ảnh hưởng đến hành vi của nhân sự. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan thường thiết lập các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và được đề cập chi tiết hơn trong cấu phần chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan của Chuẩn mực này. Các giá trị và thái độ nghề nghiệp có thể bao gồm:

- (1) Phong cách chuyên nghiệp, ví dụ tính kịp thời, lịch sự, tôn trọng, trách nhiệm giải trình, phản ứng nhanh và đáng tin cậy;
- (2) Cam kết đối với công việc nhóm;
- (3) Duy trì tinh thần cởi mở với các ý tưởng mới hoặc các quan điểm khác biệt trong môi trường chuyên nghiệp;
- (4) Đặt mục tiêu hướng tới sự xuất sắc;

(5) Cam kết để tiến bộ liên tục (ví dụ, đặt kỳ vọng vượt trên các yêu cầu tối thiểu và chú trọng việc học tập không ngừng nghỉ);

(6) Trách nhiệm xã hội.

A56. Quá trình ra quyết định chiến lược của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm cả việc thiết lập chiến lược kinh doanh, có thể bao gồm các vấn đề như quyết định của doanh nghiệp kiểm toán về các vấn đề tài chính và vận hành, mục tiêu tài chính của doanh nghiệp kiểm toán, cách quản lý nguồn tài chính, tăng trưởng thị phần của doanh nghiệp kiểm toán, chuyên môn hóa ngành nghề hoặc cung cấp các dịch vụ mới. Các ưu tiên về tài chính và vận hành của doanh nghiệp kiểm toán có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến cam kết về chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, ví dụ, doanh nghiệp kiểm toán có thể có các biện pháp khuyến khích tập trung vào các ưu tiên về tài chính và vận hành mà các biện pháp đó có thể không khuyến khích các hành vi thể hiện cam kết về chất lượng.

Lãnh đạo (hướng dẫn đoạn 28(b) và 28(c) Chuẩn mực này)

A57. Các biện pháp xử lý do doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện để đảm bảo lãnh đạo chịu trách nhiệm và giải trình về chất lượng bao gồm các đánh giá thực hiện công việc theo quy định tại đoạn 56 Chuẩn mực này.

A58. Mặc dù lãnh đạo thiết lập quan điểm ở cấp cao nhất thông qua các hành động và hành vi của mình, nhưng các hành động và việc trao đổi thông tin rõ ràng, nhất quán và thường xuyên ở tất cả các cấp trong doanh nghiệp kiểm toán đóng góp chung vào văn hóa của doanh nghiệp kiểm toán và thể hiện cam kết về chất lượng.

Cơ cấu tổ chức (hướng dẫn đoạn 28(d) Chuẩn mực này)

A59. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp kiểm toán có thể bao gồm các đơn vị hoạt động, quy trình vận hành, các bộ phận hoặc vị trí địa lý và các cơ cấu tổ chức khác. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể tập trung hoặc tập trung hóa các quy trình hoặc hoạt động trong một trung tâm cung cấp dịch vụ và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể bao gồm các nhân sự từ trung tâm cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán, những người thực hiện các công việc cụ thể có tính chất lặp đi lặp lại hoặc chuyên môn hóa.

Nguồn lực (hướng dẫn đoạn 28(e) Chuẩn mực này)

A60. (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng hoặc trách nhiệm vận hành đối với hệ thống quản lý chất lượng trong hầu hết các trường hợp có khả năng tác động đến nội dung và phạm vi của các nguồn lực mà doanh nghiệp kiểm toán huy động, phát triển, sử dụng và duy trì cũng như cách thức phân bổ hoặc phân công các nguồn lực này, bao gồm cả lịch trình sử dụng nguồn lực.

- A61. Vì nhu cầu nguồn lực có thể thay đổi theo thời gian nên việc dự đoán trước được tất cả các nhu cầu nguồn lực có thể không khả thi. Việc lập kế hoạch nguồn lực của doanh nghiệp kiểm toán có thể bao gồm việc xác định các nguồn lực cần thiết tại thời điểm hiện tại, dự báo nhu cầu nguồn lực trong tương lai của doanh nghiệp kiểm toán và thiết lập các quy trình để giải quyết các nhu cầu nguồn lực có thể phát sinh ngoài dự tính.

Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan (hướng dẫn đoạn 16(t), 29 Chuẩn mực này)

- A62. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) đưa ra các nguyên tắc đạo đức cơ bản thiết lập chuẩn mực hành vi được mong đợi của kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp tại Việt Nam. Các nguyên tắc cơ bản là tính chính trực, tính khách quan, năng lực chuyên môn và tính thận trọng, tính bảo mật và tư cách nghề nghiệp. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) cũng chỉ rõ phương pháp tiếp cận mà một kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp bắt buộc phải áp dụng để tuân thủ các nguyên tắc cơ bản này. Ngoài ra, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) đề cập đến các chủ đề cụ thể liên quan đến việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Pháp luật hoặc các quy định khác cũng có thể bao gồm các quy định về các yêu cầu đạo đức nghề nghiệp, bao gồm tính độc lập, như luật về quyền riêng tư ảnh hưởng đến tính bảo mật của thông tin.
- A63. Trong một số trường hợp, các vấn đề doanh nghiệp kiểm toán giải quyết trong hệ thống quản lý chất lượng của mình có thể cụ thể hơn hoặc bổ sung so với các quy định của chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Ví dụ về các vấn đề mà doanh nghiệp kiểm toán có thể đưa vào hệ thống quản lý chất lượng của mình, cụ thể hơn hoặc bổ sung so với các quy định của chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan

- (1) Doanh nghiệp kiểm toán nghiêm cấm việc nhận quà và sự tiếp đãi từ khách hàng, ngay cả khi giá trị không đáng kể và không gây hậu quả lớn.
- (2) Doanh nghiệp kiểm toán đặt ra thời hạn luân chuyển cho tất cả thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ, bao gồm cả những người thực hiện các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác hoặc dịch vụ liên quan và mở rộng thời hạn luân chuyển cho tất cả các thành viên cấp cao của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ.

- A64. Các thành phần khác của hệ thống quản lý chất lượng có thể ảnh hưởng hoặc liên quan đến thành phần chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Ví dụ về mối quan hệ giữa thành phần chuẩn mực và các quy định về

đạo đức nghề nghiệp có liên quan và các thành phần khác

- (1) Thành phần thông tin và truyền thông có thể quy định việc trao đổi các vấn đề khác nhau liên quan đến chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, bao gồm:
 - Doanh nghiệp kiểm toán trao đổi các yêu cầu về tính độc lập cho tất cả nhân sự và những người thuộc đối tượng phải tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập.
 - Nhân sự và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trao đổi thông tin liên quan cho doanh nghiệp kiểm toán mà không sợ bị trả thù, như các tình huống có thể tạo ra nguy cơ bị đe dọa đối với tính độc lập hoặc các vi phạm đối với chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.
- (2) Như một phần của thành phần nguồn lực, doanh nghiệp kiểm toán có thể:
 - Phân công các cá nhân quản lý và giám sát việc tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan hoặc cung cấp ý kiến tư vấn về các vấn đề liên quan đến chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.
 - Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để giám sát việc tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, bao gồm cả việc ghi lại và lưu trữ thông tin về tính độc lập.

A65. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan áp dụng cho những đối tượng khác phụ thuộc vào các quy định của chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan và cách thức doanh nghiệp kiểm toán sử dụng những đối tượng khác trong hệ thống quản lý chất lượng của mình hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ.

Ví dụ về chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan áp dụng cho các đối tượng khác

- (1) Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể bao gồm các yêu cầu về tính độc lập áp dụng cho các doanh nghiệp mạng lưới hoặc nhân viên của các doanh nghiệp mạng lưới, ví dụ, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) bao gồm các yêu cầu về tính độc lập áp dụng cho các doanh nghiệp mạng lưới.
- (2) Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể bao gồm định nghĩa về nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc khái niệm tương tự khác, và định nghĩa này có thể bao gồm bất kỳ cá nhân nào thực hiện các thủ tục đảm bảo cho hợp đồng dịch vụ (ví dụ, kiểm toán viên đơn vị thành viên hoặc nhà cung cấp dịch vụ

được thuê để tham gia kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại một địa điểm từ xa). Do đó, bất kỳ yêu cầu nào trong chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan áp dụng cho nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ như đã định nghĩa trong chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan hoặc khái niệm tương tự khác, cũng có thể phù hợp với các cá nhân đó.

- (3) Nguyên tắc bảo mật có thể áp dụng cho mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán, các doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới hoặc nhà cung cấp dịch vụ, khi họ có quyền truy cập vào thông tin khách hàng mà doanh nghiệp kiểm toán thu thập được.

Các lưu ý khi cung cấp dịch vụ cho đơn vị trong lĩnh vực công

A66. Để đạt được các mục tiêu chất lượng liên quan đến tính độc lập trong Chuẩn mực này, kiểm toán viên trong lĩnh vực công có thể đáp ứng yêu cầu về tính độc lập theo quy định của Kiểm toán nhà nước và các biện pháp bảo đảm độc lập theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể

Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ, tính chính trực và các giá trị đạo đức của khách hàng (hướng dẫn đoạn 30(a)(i) Chuẩn mực này)

A67. Thông tin thu thập được về đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ có thể bao gồm:

- (1) Ngành nghề của đơn vị mà hợp đồng dịch vụ được thực hiện và các yếu tố pháp lý có liên quan;
- (2) Đặc điểm của đơn vị, ví dụ, hoạt động, cơ cấu tổ chức, đặc điểm sở hữu và quản trị, mô hình kinh doanh và cách thức đơn vị huy động vốn;
- (3) Đặc điểm của đối tượng dịch vụ đảm bảo và các tiêu chí áp dụng, ví dụ, trong trường hợp báo cáo tích hợp:
 - Đối tượng dịch vụ đảm bảo có thể bao gồm thông tin xã hội, thông tin về môi trường hoặc sức khỏe và an toàn; và
 - Các tiêu chí áp dụng có thể là các thước đo hoạt động được thiết lập bởi một tổ chức chuyên gia được công nhận.

A68. Thông tin thu thập được dùng để hỗ trợ các xét đoán của doanh nghiệp kiểm toán về tính chính trực và các giá trị đạo đức của khách hàng có thể bao gồm tên tuổi và uy tín kinh doanh của các chủ sở hữu chính, các thành viên chủ chốt của Ban Giám đốc và Ban quản trị khách hàng.

Ví dụ về các yếu tố có thể ảnh hưởng đến nội dung và phạm vi thông tin thu thập được về tính chính trực và các giá trị đạo đức của khách hàng

- (1) Đặc điểm của đơn vị được thực hiện hợp đồng dịch vụ, bao gồm sự

phức tạp về hình thức sở hữu và cơ cấu quản lý.

- (2) Đặc điểm hoạt động của khách hàng, bao gồm các thông lệ kinh doanh.
- (3) Thông tin liên quan đến thái độ của các chủ sở hữu chính, các thành viên chủ chốt của Ban Giám đốc và Ban quản trị khách hàng đối với những vấn đề như diễn giải các chuẩn mực kế toán một cách thiên lệch và môi trường kiểm soát nội bộ;
- (4) Liệu khách hàng có quan tâm quá mức đến việc duy trì mức phí kiểm toán càng thấp càng tốt hay không;
- (5) Các dấu hiệu cho thấy khách hàng áp đặt giới hạn đối với phạm vi công việc của doanh nghiệp kiểm toán;
- (6) Các dấu hiệu cho thấy khách hàng có thể tham gia vào hoạt động rửa tiền hoặc các hoạt động phi pháp khác;
- (7) Lý do lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán và không tái bổ nhiệm doanh nghiệp kiểm toán tiền nhiệm;
- (8) Tên tuổi và uy tín kinh doanh của các bên liên quan.

A69. Doanh nghiệp kiểm toán có thể thu thập thông tin từ nhiều nguồn bên trong và bên ngoài, bao gồm:

- (1) Thông tin từ các hợp đồng dịch vụ hiện tại hoặc hợp đồng trước đó, nếu có, hoặc phỏng vấn các nhân sự khác đã thực hiện các hợp đồng dịch vụ khác cho khách hàng đối với các khách hàng hiện tại.
- (2) Phỏng vấn các nhà cung cấp dịch vụ kế toán chuyên nghiệp trước đây hoặc hiện tại cho khách hàng theo chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan đối với các khách hàng mới.
- (3) Thảo luận với các bên thứ ba khác, như ngân hàng, chuyên gia tư vấn pháp luật và các công ty thuộc cùng ngành nghề với khách hàng.
- (4) Tìm kiếm thông tin cơ bản từ các cơ sở dữ liệu có liên quan (có thể là tài nguyên trí tuệ). Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện tìm kiếm thông tin cơ bản về khách hàng.

A70. Thông tin thu thập được trong quy trình chấp nhận và duy trì khách hàng và hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán thường có thể cũng hữu ích đối với nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ khi lập kế hoạch và thực hiện hợp đồng dịch vụ. Các chuẩn mực nghề nghiệp có thể yêu cầu cụ thể nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ phải thu thập hoặc xem xét các thông tin đó. Ví dụ, đoạn 23 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 yêu cầu thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán lưu ý thông tin thu thập được trong quy trình chấp nhận và duy trì khách hàng và hợp đồng dịch vụ trong việc lập kế hoạch và thực hiện hợp đồng kiểm toán.

- A71. Các chuẩn mực nghề nghiệp hoặc pháp luật và các quy định được áp dụng có thể bao gồm các quy định cụ thể cần được xử lý trước khi chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể và cũng có thể yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán tiến hành phỏng vấn doanh nghiệp kiểm toán đương nhiệm hoặc doanh nghiệp kiểm toán tiền nhiệm khi chấp nhận hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, khi có sự thay đổi kiểm toán viên, đoạn số 12(b) Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 300 quy định, trước khi bắt đầu cuộc kiểm toán năm đầu tiên, kiểm toán viên phải trao đổi với kiểm toán viên tiền nhiệm, nhằm tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan. Mục 310 và các đoạn R320.4 - R320.8 của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) cũng bao gồm các yêu cầu về việc xem xét các xung đột về lợi ích trong việc chấp thuận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể và trao đổi với doanh nghiệp kiểm toán đương nhiệm hoặc tiền nhiệm khi chấp nhận một hợp đồng dịch vụ là hợp đồng kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính.

Khả năng của doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 30(a)(ii) Chuẩn mực này)

- A72. Khả năng của doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện hợp đồng dịch vụ theo các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định được áp dụng có thể bị ảnh hưởng bởi:

- (1) Sự sẵn có của các nguồn lực phù hợp để thực hiện hợp đồng dịch vụ;
- (2) Việc được tiếp cận thông tin hoặc những người cung cấp thông tin cần thiết để thực hiện hợp đồng dịch vụ;
- (3) Việc doanh nghiệp kiểm toán và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có khả năng hoàn thành trách nhiệm của mình theo chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan hay không.

Ví dụ về các yếu tố mà doanh nghiệp kiểm toán có thể cân nhắc khi xác định liệu có sẵn các nguồn lực phù hợp để thực hiện hợp đồng dịch vụ hay không:

- (1) Hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ và thời hạn báo cáo.
- (2) Sự sẵn có của các cá nhân có năng lực và khả năng thích hợp bao gồm cả việc có đủ thời gian để thực hiện hợp đồng dịch vụ. Điều này bao gồm việc có:
 - Các cá nhân chịu trách nhiệm tổng thể trong việc chỉ đạo và giám sát hợp đồng dịch vụ;
 - Các cá nhân có hiểu biết về ngành nghề hoặc đối tượng dịch vụ đảm bảo hoặc các tiêu chí được áp dụng trong việc lập thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo và kinh nghiệm về quy định pháp luật hoặc các quy định về báo cáo có liên quan;

- Các cá nhân thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với thông tin tài chính hoặc báo cáo tài chính của đơn vị thành viên cho mục đích kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn.
- (3) Sự sẵn có của các chuyên gia, nếu cần.
 - (4) Nếu việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là cần thiết, liệu có cá nhân đáp ứng các yêu cầu về tư cách hợp lệ theo Chuẩn mực quản lý chất lượng Việt Nam số 2 hay không.
 - (5) Nhu cầu về các nguồn lực công nghệ, ví dụ, các ứng dụng công nghệ thông tin cho phép nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thực hiện các thủ tục đối với dữ liệu của đơn vị.
 - (6) Nhu cầu về các nguồn lực trí tuệ, ví dụ, phương pháp luận, các hướng dẫn cụ thể về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động hoặc vấn đề có liên quan, hoặc khả năng tiếp cận các nguồn thông tin.

Các ưu tiên về tài chính và vận hành của doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 30(b) Chuẩn mực này)

- A73. Các ưu tiên về tài chính có thể tập trung vào lợi nhuận của doanh nghiệp kiểm toán và phí thu được đối với việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ có ảnh hưởng đến nguồn lực tài chính của doanh nghiệp kiểm toán. Các ưu tiên vận hành có thể bao gồm những lĩnh vực trọng tâm chiến lược, như tăng trưởng của thị phần doanh nghiệp kiểm toán, sự chuyên môn hóa ngành nghề, lĩnh vực hoặc cung cấp dịch vụ mới. Có thể có những trường hợp doanh nghiệp kiểm toán hài lòng với mức phí được xác định cho hợp đồng dịch vụ nhưng lại không thích hợp để chấp nhận hoặc duy trì hợp đồng dịch vụ hoặc quan hệ khách hàng (ví dụ, khi khách hàng thiếu tính chính trực và thiếu các giá trị đạo đức).
- A74. Có thể có những trường hợp khác khi mức phí được xác định cho hợp đồng dịch vụ là không đủ dựa trên đặc điểm và các hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ, và điều này có thể giảm khả năng doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hợp đồng dịch vụ theo các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định được áp dụng. Đoạn 330.3 A2 của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) đề cập các mức phí và các loại thù lao khác, bao gồm các trường hợp có thể tạo ra nguy cơ bị đe dọa đối với việc tuân thủ nguyên tắc cơ bản về năng lực chuyên môn và tính thận trọng nếu mức phí cho hợp đồng dịch vụ là quá thấp.

Thực hiện hợp đồng dịch vụ

Trách nhiệm của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và việc chỉ đạo, giám sát và soát xét (hướng dẫn đoạn 31(a) và 31(b) Chuẩn mực này)

- A75. Các chuẩn mực nghề nghiệp hoặc pháp luật và các quy định được áp dụng có thể bao gồm các quy định cụ thể về trách nhiệm tổng thể của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, Chuẩn

mục kiểm toán Việt Nam số 220 quy định trách nhiệm tổng thể của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán trong việc quản lý và đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán cũng như tham gia đầy đủ và thích hợp trong suốt cuộc kiểm toán, bao gồm cả trách nhiệm chỉ đạo và giám sát thích hợp đối với nhóm kiểm toán và soát xét công việc của họ.

A76. Các ví dụ về việc chỉ đạo, giám sát và soát xét

(1) Việc chỉ đạo và giám sát nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể bao gồm:

- Theo dõi tiến độ của hợp đồng dịch vụ;
- Xem xét những khía cạnh sau đối với các thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ:
 - + Liệu họ có hiểu các hướng dẫn hay không;
 - + Liệu công việc có đang được thực hiện theo phương pháp tiếp cận đã được lập kế hoạch cho hợp đồng dịch vụ không;
- Xử lý các vấn đề phát sinh trong suốt *quá trình thực hiện* hợp đồng dịch vụ, xem xét tầm quan trọng và điều chỉnh phương pháp tiếp cận đã được lập kế hoạch một cách thích hợp;
- Xác định các vấn đề cần được tham khảo ý kiến tư vấn và xem xét bởi các thành viên nhiều kinh nghiệm trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trong *quá trình thực hiện* hợp đồng dịch vụ.

(2) Việc soát xét công việc đã thực hiện có thể bao gồm việc xem xét liệu:

- Công việc đã được thực hiện theo các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán, các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định được áp dụng hay chưa;
- Các vấn đề quan trọng đã được nêu ra để xem xét thêm hay chưa;
- Việc tham khảo ý kiến tư vấn đã được tiến hành hợp lý và các kết luận từ việc tham khảo ý kiến tư vấn đã được ghi chép và thực hiện hay chưa;
- Có cần thiết phải điều chỉnh nội dung, lịch trình và phạm vi của các công việc đã được lập kế hoạch hay không;
- Các công việc đã thực hiện có hỗ trợ cho các kết luận đạt được hay không và đã được ghi chép một cách thích hợp hay chưa;
- Bằng chứng thu thập được đối với hợp đồng dịch vụ đảm bảo đã đầy đủ và thích hợp để hỗ trợ cho báo cáo của *hợp đồng dịch vụ* hay chưa;
- Mục tiêu của các thủ tục thực hiện của hợp đồng dịch vụ đã đạt

được hay chưa.

A77. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng nhân sự từ trung tâm cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp kiểm toán hoặc các cá nhân trong trung tâm cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới để thực hiện các thủ tục cho hợp đồng dịch vụ (ví dụ, nhân sự hoặc các cá nhân khác được bao gồm trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ). Trong trường hợp đó, các chính sách và thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể đề cập cụ thể đến việc chỉ đạo và giám sát các cá nhân và soát xét công việc của họ như:

- (1) Những khía cạnh nào của hợp đồng dịch vụ có thể được phân công cho các cá nhân trong trung tâm cung cấp dịch vụ;
- (2) Thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ hoặc các cá nhân được thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng phân công dự kiến sẽ chỉ đạo, giám sát và soát xét công việc của các cá nhân trong trung tâm cung cấp dịch vụ như thế nào;
- (3) Cách thức trao đổi giữa nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và các cá nhân trong trung tâm cung cấp dịch vụ.

Xét đoán chuyên môn và thái độ hoài nghi nghề nghiệp (hướng dẫn đoạn 31(c) Chuẩn mực này)

A78. Thái độ hoài nghi nghề nghiệp hỗ trợ chất lượng của các xét đoán được thực hiện đối với hợp đồng dịch vụ đảm bảo, và thông qua những xét đoán này cũng hỗ trợ hiệu quả tổng thể cho công việc của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ khi thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo một cách tổng thể. Các chuẩn mực nghề nghiệp khác có thể đề cập việc thực hiện xét đoán chuyên môn hoặc thái độ hoài nghi nghề nghiệp ở cấp độ hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, đoạn A35 - A37 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 cung cấp ví dụ về những trở ngại đối với việc thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp ở cấp độ cuộc kiểm toán, sự thiên lệch vô thức của kiểm toán viên có thể cản trở việc thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp và những hành động mà nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể thực hiện để giảm nhẹ những trở ngại đó.

Tham khảo ý kiến tư vấn (hướng dẫn đoạn 31(d) Chuẩn mực này)

A79. Tham khảo ý kiến tư vấn thường bao gồm thảo luận với các cá nhân có cấp bậc chuyên môn phù hợp ở bên trong hoặc bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán, có kiến thức chuyên môn về các vấn đề phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi. Một môi trường mà tầm quan trọng và lợi ích của việc tham khảo ý kiến tư vấn được tăng cường và các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ được khuyến khích tham khảo ý kiến tư vấn sẽ có thể góp phần hỗ trợ văn hóa thể hiện cam kết về chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.

A80. Doanh nghiệp kiểm toán có thể quy định các vấn đề phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi cần tham khảo ý kiến tư vấn hoặc nhóm thực hiện hợp đồng dịch

vụ có thể xác định các vấn đề cần tham khảo ý kiến tư vấn. Doanh nghiệp kiểm toán cũng có thể nêu cụ thể cách thức các kết luận được thống nhất và thực hiện như thế nào.

- A81. Đoạn 35 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 bao gồm các yêu cầu đối với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán liên quan đến việc tham khảo ý kiến tư vấn.

Khác biệt về quan điểm (hướng dẫn đoạn 31(e) Chuẩn mực này)

- A82. Doanh nghiệp kiểm toán có thể khuyến khích việc xác định các khác biệt về quan điểm ngay tại giai đoạn đầu của quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ, và có thể nêu rõ các bước cần thực hiện để nêu ra và giải quyết vấn đề, bao gồm cách giải quyết vấn đề và cách thức thực hiện và ghi chép lại các kết luận liên quan. Trong một số trường hợp, việc giải quyết sự khác biệt về quan điểm có thể đạt được thông qua tham khảo ý kiến tư vấn của một người hành nghề hoặc doanh nghiệp kiểm toán khác, hoặc một tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan quản lý Nhà nước.

Tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 31(f) Chuẩn mực này)

- A83. Pháp luật và các quy định hoặc các chuẩn mực nghề nghiệp có thể quy định thời hạn phải hoàn thiện hồ sơ chính thức về hợp đồng dịch vụ đối với một số hợp đồng dịch vụ cụ thể. Trường hợp pháp luật và các quy định không quy định, doanh nghiệp kiểm toán có thể tự quy định thời hạn đó. Đối với hợp đồng dịch vụ được thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hoặc chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo, thời hạn thích hợp để hoàn thiện hồ sơ chính thức về hợp đồng dịch vụ thường không quá 60 ngày sau ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ.
- A84. Việc lưu trữ và duy trì tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ có thể bao gồm quản lý việc lưu trữ an toàn, tính toàn vẹn, khả năng truy cập hoặc khả năng khôi phục tài liệu về dữ liệu cơ sở và công nghệ liên quan. Việc lưu trữ và duy trì tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ có thể liên quan đến việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin. Tính toàn vẹn của tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ có thể bị tổn hại nếu tài liệu, hồ sơ đó bị thay đổi, bổ sung hoặc bị xóa mà không được sự cho phép, hoặc nếu tài liệu, hồ sơ đó bị mất hoặc hư hỏng vĩnh viễn.
- A85. Pháp luật và các quy định hoặc các chuẩn mực nghề nghiệp có thể quy định thời gian lưu trữ tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ. Trường hợp không có quy định về thời gian lưu trữ, doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét đặc điểm của hợp đồng dịch vụ đã thực hiện và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm liệu các tài liệu, hồ sơ có cần thiết để cung cấp bằng chứng về những vấn đề tiếp tục ảnh hưởng đáng kể đến các hợp đồng dịch vụ trong tương lai hay không. Trong trường hợp hợp đồng dịch vụ được thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hoặc chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo và chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ liên quan, thời gian lưu trữ thực hiện theo quy định hiện

hành của pháp luật có liên quan và theo chính sách của doanh nghiệp kiểm toán.

Các nguồn lực (hướng dẫn đoạn 32 Chuẩn mực này)

A86. Cho mục đích về thành phần nguồn lực *trong Chuẩn mực này*, các nguồn lực bao gồm:

- (1) Nguồn nhân lực;
- (2) Nguồn lực công nghệ, ví dụ, các ứng dụng công nghệ thông tin;
- (3) Nguồn lực trí tuệ, ví dụ, các chính sách hoặc thủ tục bằng văn bản, phương pháp luận hoặc các hướng dẫn.

Nguồn lực tài chính cũng có liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng vì nguồn lực này là cần thiết để huy động, phát triển và duy trì nguồn nhân lực, nguồn lực công nghệ và nguồn lực trí tuệ của doanh nghiệp kiểm toán. Do việc quản lý và phân bổ các nguồn lực tài chính chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của lãnh đạo, nguồn lực tài chính sẽ được đề cập thông qua các mục tiêu chất lượng của thành phần quản trị và lãnh đạo của hệ thống quản lý chất lượng, ví dụ đề cập thông qua các ưu tiên về tài chính và vận hành của doanh nghiệp kiểm toán.

A87. Các nguồn lực có thể là nội bộ của doanh nghiệp kiểm toán hoặc có thể huy động từ bên ngoài từ mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Các nguồn lực có thể được sử dụng để thực hiện các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ như một phần của việc vận hành hệ thống quản lý chất lượng. Trong trường hợp nguồn lực được huy động từ mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán hoặc doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới, đoạn 48 - 52 Chuẩn mực này là một phần của các biện pháp xử lý được doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu trong thành phần này.

Nguồn nhân lực

Tuyển dụng, phát triển, giữ nhân sự và năng lực, khả năng của nhân sự (hướng dẫn đoạn 32(a), 32(d) Chuẩn mực này)

A88. Năng lực là khả năng của cá nhân để thực hiện vai trò của mình và không bị giới hạn bởi kiến thức về các nguyên tắc, chuẩn mực, khái niệm, thực tế và thủ tục; là sự tích hợp và áp dụng của năng lực kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp, các giá trị và thái độ. Năng lực có thể được phát triển bằng nhiều phương pháp khác nhau, bao gồm bằng cấp chuyên môn, cập nhật kiến thức thường xuyên, đào tạo, kinh nghiệm làm việc hoặc sự hướng dẫn của các thành viên có nhiều kinh nghiệm hơn đối với các thành viên ít kinh nghiệm hơn trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ.

A89. Pháp luật và các quy định hoặc các chuẩn mực nghề nghiệp có thể thiết lập các yêu cầu liên quan đến năng lực và khả năng, như các yêu cầu đối với việc cấp giấy phép hành nghề của các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ, bao gồm các yêu cầu về bằng cấp chuyên môn và cập nhật kiến thức thường xuyên.

A90. Ví dụ về các chính sách hoặc thủ tục liên quan đến tuyển dụng, phát triển và giữ nhân sự

Các chính sách hoặc thủ tục doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện liên quan đến tuyển dụng, phát triển và giữ nhân sự có thể đề cập đến các nội dung:

- (1) Tuyển dụng các cá nhân có năng lực hoặc có khả năng phát triển năng lực thích hợp;
- (2) Chương trình đào tạo tập trung vào phát triển năng lực của nhân sự và cập nhật kiến thức thường xuyên;
- (3) Các cơ chế đánh giá được thực hiện theo chu kỳ thích hợp và bao gồm cả các lĩnh vực chuyên môn và các đo lường hiệu quả công việc khác;
- (4) Các khoản thu nhập, cơ hội thăng tiến và các biện pháp khuyến khích khác cho toàn bộ nhân sự bao gồm cả các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ và các cá nhân được phân công vai trò và trách nhiệm liên quan hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.

Cam kết của nhân sự đối với chất lượng và trách nhiệm giải trình và sự công nhận về cam kết đối với chất lượng (hướng dẫn đoạn 32(b) Chuẩn mực này)

A91. Các đánh giá và phản hồi kịp thời giúp hỗ trợ và thúc đẩy việc duy trì phát triển liên tục năng lực của nhân sự. Doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng các phương pháp đánh giá và phản hồi không chính thức, ví dụ trong trường hợp các doanh nghiệp kiểm toán có ít nhân sự.

A92. Những hành động hoặc hành vi tích cực do nhân sự đã thể hiện có thể được công nhận thông qua nhiều hình thức khác nhau, như các khoản thu nhập, cơ hội thăng tiến, hoặc các biện pháp khuyến khích khác. Trong một số trường hợp, các biện pháp khuyến khích đơn giản hoặc không chính thức, không dựa trên phần thưởng bằng tiền có thể là phù hợp.

A93. Cách thức để doanh nghiệp kiểm toán quy trách nhiệm cho nhân sự về hành động hoặc hành vi ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng, như thất bại trong việc thể hiện cam kết về chất lượng, nâng cao và duy trì năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc thực hiện các biện pháp xử lý của doanh nghiệp kiểm toán như đã thiết kế, có thể tùy thuộc vào bản chất của hành động hoặc hành vi, bao gồm mức độ nghiêm trọng và tần suất xuất hiện của hành động hoặc hành vi. Các biện pháp xử lý mà doanh nghiệp

kiểm toán có thể thực hiện khi nhân sự thể hiện các hành động hoặc hành vi ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng có thể bao gồm:

- (1) Đào tạo hoặc các biện pháp phát triển chuyên môn khác;
- (2) Xem xét ảnh hưởng của vấn đề này đối với việc đánh giá nhân sự, các khoản thu nhập, cơ hội thăng tiến hoặc các biện pháp khuyến khích khác của những cá nhân liên quan;
- (3) Biện pháp kỷ luật, nếu thích hợp.

Các cá nhân huy động từ nguồn bên ngoài (hướng dẫn đoạn 32(c) Chuẩn mực này)

A94. Các chuẩn mực nghề nghiệp có thể bao gồm trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đối với sự thích hợp của các nguồn lực. Ví dụ, đoạn 25 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 đề cập đến trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán trong việc xác định rằng các nguồn lực đầy đủ và thích hợp để thực hiện cuộc kiểm toán được phân công hoặc cung cấp kịp thời cho nhóm kiểm toán theo các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán.

Các thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ được phân công cho mỗi hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 32(d) Chuẩn mực này)

A95. Các thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể được phân công cho các hợp đồng dịch vụ bởi:

- (1) Doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm việc phân công nhân sự từ trung tâm cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp kiểm toán;
- (2) Mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán hoặc doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới khi doanh nghiệp kiểm toán sử dụng các cá nhân từ mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán hoặc doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới để thực hiện các thủ tục cho hợp đồng dịch vụ (ví dụ, kiểm toán viên đơn vị thành viên hoặc trung tâm cung cấp dịch vụ của mạng lưới hoặc doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới);
- (3) Nhà cung cấp dịch vụ khi doanh nghiệp kiểm toán sử dụng các cá nhân từ nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện các thủ tục cho hợp đồng dịch vụ (ví dụ, kiểm toán viên đơn vị thành viên từ doanh nghiệp kiểm toán không thuộc mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán).

A96. Đoạn 26 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 đề cập đến trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán trong việc xác định các thành viên nhóm kiểm toán và bất kỳ chuyên gia bên ngoài nào của doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên nội bộ cung cấp sự hỗ trợ trực tiếp mà không phải là thành viên nhóm kiểm toán, có năng lực và khả năng thích hợp, bao gồm có đủ thời gian thực hiện cuộc kiểm toán. Đoạn 19 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600 mở rộng cách áp dụng Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 liên quan đến kiểm toán báo

cáo tài chính tập đoàn. Các biện pháp xử lý được doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện liên quan tới năng lực và khả năng của các thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ được phân công thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể bao gồm các chính sách hoặc thủ tục đề cập đến:

- (1) Thông tin mà thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ có thể thu thập được và các yếu tố cần xem xét để xác định rằng thành viên trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ được phân công tham gia hợp đồng dịch vụ, bao gồm các cá nhân được phân công bởi mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới hoặc nhà cung cấp dịch vụ, có năng lực và khả năng để thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- (2) Cách thức có thể giải quyết vấn đề về năng lực và khả năng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, đặc biệt là các cá nhân được phân công bởi mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

A97. Các yêu cầu trong đoạn 48 - 52 Chuẩn mực này cũng áp dụng khi doanh nghiệp kiểm toán sử dụng các cá nhân trong mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán hoặc doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới cho hợp đồng dịch vụ, bao gồm kiểm toán viên đơn vị thành viên (ví dụ, xem đoạn A179 Chuẩn mực này).

Nguồn lực công nghệ (hướng dẫn đoạn 32(f) Chuẩn mực này)

A98. Các nguồn lực công nghệ, thường là các ứng dụng công nghệ thông tin, là một phần của môi trường công nghệ thông tin của doanh nghiệp kiểm toán. Môi trường công nghệ thông tin của doanh nghiệp kiểm toán cũng bao gồm hạ tầng công nghệ thông tin, các quy trình công nghệ thông tin và nguồn nhân lực tham gia vào các quy trình đó:

- (1) Ứng dụng công nghệ thông tin là một chương trình hoặc tập hợp các chương trình được thiết kế để thực hiện một chức năng cụ thể trực tiếp cho người dùng, hoặc trong một số trường hợp, cho một chương trình ứng dụng khác;
- (2) Hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm mạng lưới công nghệ thông tin, hệ thống vận hành, cơ sở dữ liệu, và phần cứng và phần mềm liên quan;
- (3) Các quy trình công nghệ thông tin là các quy trình của doanh nghiệp kiểm toán để quản lý truy cập vào môi trường công nghệ thông tin, quản lý các thay đổi của chương trình hoặc các thay đổi đối với môi trường công nghệ thông tin và quản lý các vận hành công nghệ thông tin, bao gồm giám sát môi trường công nghệ thông tin.

A99. Nguồn lực công nghệ có thể phục vụ nhiều mục đích trong doanh nghiệp kiểm toán và một số mục đích có thể không liên quan đến hệ thống quản

lý chất lượng. Nguồn lực công nghệ phù hợp cho các mục đích của Chuẩn mực này là:

- (1) Nguồn lực công nghệ được sử dụng trực tiếp để thiết kế, thực hiện hoặc vận hành hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán;
- (2) Nguồn lực công nghệ được các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trực tiếp sử dụng khi thực hiện hợp đồng dịch vụ;
- (3) Nguồn lực công nghệ được coi là cần thiết để các nguồn lực nêu trên hoạt động hiệu quả, như đối với ứng dụng công nghệ thông tin là hạ tầng và các quy trình công nghệ thông tin hỗ trợ ứng dụng đó.

Các ví dụ về khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp để minh họa các nguồn lực công nghệ phù hợp cho các mục đích của Chuẩn mực này có thể khác nhau như thế nào

- (1) Trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, các nguồn lực công nghệ có thể bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin thương mại mà nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ sử dụng được mua từ nhà cung cấp dịch vụ. Các quy trình công nghệ thông tin hỗ trợ cho các hoạt động của ứng dụng công nghệ thông tin cũng có thể được coi là nguồn lực công nghệ, mặc dù các quy trình này có thể đơn giản (ví dụ, các quy trình phê duyệt truy cập vào ứng dụng công nghệ thông tin và xử lý các bản cập nhật cho ứng dụng công nghệ thông tin);
- (2) Trong một doanh nghiệp kiểm toán phức tạp, các nguồn lực công nghệ có thể phức tạp hơn và có thể bao gồm:
 - Nhiều ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm các ứng dụng được phát triển tùy chỉnh hoặc các ứng dụng được phát triển bởi mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán, như:
 - Các ứng dụng công nghệ thông tin mà nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ sử dụng (ví dụ, phần mềm hợp đồng dịch vụ và công cụ kiểm toán tự động);
 - Các ứng dụng công nghệ thông tin được doanh nghiệp kiểm toán phát triển và sử dụng để quản lý các khía cạnh của hệ thống quản lý chất lượng (ví dụ, các ứng dụng công nghệ thông tin để giám sát tính độc lập hoặc phân công nhân sự tham gia hợp đồng dịch vụ);
 - Các quy trình công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động của các ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm các cá nhân chịu trách nhiệm quản lý hạ tầng công nghệ thông tin và các quy trình công nghệ thông tin và các quy trình của doanh nghiệp kiểm toán để quản lý các thay đổi chương trình đối với ứng dụng công nghệ thông tin.

A100. Doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét các vấn đề sau trong việc thu thập, phát triển, thực hiện và duy trì một ứng dụng công nghệ thông tin:

- (1) Các đầu vào dữ liệu là đầy đủ và thích hợp;
- (2) Tính bảo mật của dữ liệu được duy trì;
- (3) Ứng dụng công nghệ thông tin hoạt động như thiết kế và đạt được mục đích dự kiến;
- (4) Đầu ra của ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với mục đích sử dụng;
- (5) Các kiểm soát chung về công nghệ thông tin cần thiết là phù hợp để hỗ trợ cho ứng dụng thông tin hoạt động liên tục đúng theo thiết kế;
- (6) Sự cần thiết của các kỹ năng chuyên môn để sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả, bao gồm đào tạo các cá nhân sẽ sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin;
- (7) Sự cần thiết phát triển các thủ tục để thiết lập cách thức vận hành các ứng dụng công nghệ thông tin.

A101. Doanh nghiệp kiểm toán có thể cấm cụ thể việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các tính năng của các ứng dụng công nghệ thông tin cho tới khi các ứng dụng hoặc tính năng này được xác định là hoạt động phù hợp và được doanh nghiệp kiểm toán phê duyệt để sử dụng. Hoặc doanh nghiệp kiểm toán cũng có thể thiết lập các chính sách hoặc thủ tục để xử lý các trường hợp khi nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ sử dụng một ứng dụng công nghệ thông tin chưa được doanh nghiệp kiểm toán phê duyệt. Các chính sách hoặc thủ tục này có thể yêu cầu nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đánh giá việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin là phù hợp trước khi thực sự sử dụng ứng dụng này cho hợp đồng dịch vụ, thông qua việc xem xét các vấn đề nêu tại đoạn A100 Chuẩn mực này. Đoạn 25 - 28 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 đề cập đến trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán đối với nguồn lực thực hiện cuộc kiểm toán.

Nguồn lực trí tuệ (hướng dẫn đoạn 32(g) Chuẩn mực này)

A102. Các nguồn lực trí tuệ bao gồm các thông tin mà doanh nghiệp kiểm toán sử dụng để có thể vận hành hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo sự nhất quán trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ.

Ví dụ về nguồn lực trí tuệ

Các chính sách và quy trình bằng văn bản, phương pháp luận, hướng dẫn riêng cho từng ngành nghề hoặc các vấn đề cụ thể, các hướng dẫn kế toán, các tài liệu đã được chuẩn hóa hoặc quyền truy cập vào các

nguồn thông tin (ví dụ, đăng ký trang thông tin điện tử cung cấp các thông tin chuyên sâu về các đơn vị hoặc các thông tin khác thường được sử dụng trong việc thực hiện hợp đồng dịch vụ).

- A103. Nguồn lực trí tuệ có thể được cung cấp thông qua các nguồn lực công nghệ, ví dụ, phương pháp luận của doanh nghiệp kiểm toán có thể đã được tích hợp vào ứng dụng công nghệ thông tin dùng trong lập kế hoạch và thực hiện hợp đồng dịch vụ.

Sử dụng nguồn lực công nghệ và nguồn lực trí tuệ (hướng dẫn đoạn 32(f) - 32(g) Chuẩn mực này)

- A104. Doanh nghiệp kiểm toán có thể thiết lập các chính sách và các thủ tục liên quan đến việc sử dụng nguồn lực công nghệ và nguồn lực trí tuệ của doanh nghiệp kiểm toán. Các chính sách và thủ tục đó có thể:

- (1) Yêu cầu việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin hoặc nguồn lực trí tuệ nhất định trong việc thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc liên quan đến các khía cạnh khác của hợp đồng dịch vụ, như lưu trữ hồ sơ hợp đồng dịch vụ;
- (2) Quy định cụ thể các bằng cấp hoặc kinh nghiệm mà các cá nhân cần có để sử dụng nguồn lực, bao gồm sự cần thiết của chuyên gia, hay đào tạo, ví dụ, doanh nghiệp kiểm toán có thể chỉ rõ bằng cấp hoặc chuyên môn cần thiết để sử dụng một ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích dữ liệu, cụ thể là các kỹ năng chuyên môn có thể cần thiết để giải thích được các kết quả *phân tích*;
- (3) Quy định cụ thể trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ liên quan đến việc sử dụng nguồn lực công nghệ và nguồn lực trí tuệ;
- (4) Thiết lập cách sử dụng các nguồn lực công nghệ và nguồn lực trí tuệ, bao gồm cách thức các cá nhân sẽ tương tác với một ứng dụng công nghệ thông tin hoặc cách áp dụng nguồn lực trí tuệ, và sự sẵn có của các hỗ trợ hoặc trợ giúp trong việc sử dụng nguồn lực công nghệ và nguồn lực trí tuệ.

Các nhà cung cấp dịch vụ (hướng dẫn đoạn 16(v), 32(h) Chuẩn mực này)

- A105. Trong một số trường hợp, cụ thể là trường hợp doanh nghiệp kiểm toán không có đủ các nguồn lực nội bộ phù hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng các nguồn lực được cung cấp bởi một nhà cung cấp dịch vụ. Mặc dù một doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng các nguồn lực từ một nhà cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp kiểm toán vẫn phải chịu trách nhiệm về hệ thống quản lý chất lượng của mình.

Các ví dụ về các nguồn lực từ nhà cung cấp dịch vụ

- (1) Các cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động giám sát hoặc soát

xét chất lượng hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán, hoặc cung cấp ý kiến tư vấn về các vấn đề chuyên môn;

- (2) Một ứng dụng công nghệ thông tin thương mại sử dụng để thực hiện các hợp đồng kiểm toán;
- (3) Các cá nhân thực hiện các thủ tục cho hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán, ví dụ, kiểm toán viên đơn vị thành viên từ các doanh nghiệp kiểm toán khác không trong cùng mạng lưới, hoặc các cá nhân được thuê để tham gia kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại một địa điểm từ xa;
- (4) Chuyên gia bên ngoài của doanh nghiệp kiểm toán được doanh nghiệp kiểm toán sử dụng để hỗ trợ nhóm kiểm toán trong việc thu thập bằng chứng kiểm toán.

A106. Khi xác định và đánh giá các rủi ro chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán được yêu cầu phải tìm hiểu về các điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động có thể ảnh hưởng bất lợi đến các việc đạt được các mục tiêu chất lượng, mà bao gồm các điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động liên quan đến các nhà cung cấp dịch vụ. Khi làm như vậy, doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét đặc điểm của các nguồn lực do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp, cách thức và mức độ doanh nghiệp kiểm toán sử dụng *các nguồn lực này*, và các đặc điểm chung của các nhà cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán sử dụng (ví dụ, các loại doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp khác nhau được sử dụng) để xác định và đánh giá rủi ro chất lượng liên quan đến việc sử dụng các nguồn lực này.

A107. Khi xác định liệu nguồn lực từ nhà cung cấp dịch vụ có thích hợp để sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoặc trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ hay không, doanh nghiệp kiểm toán có thể tìm hiểu về nhà cung cấp dịch vụ và nguồn lực mà họ cung cấp từ một số nguồn. Các vấn đề mà doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét bao gồm:

- (1) Mục tiêu chất lượng và rủi ro chất lượng có liên quan. Ví dụ, trong trường hợp phương pháp luận từ nhà cung cấp dịch vụ, có thể có rủi ro chất lượng liên quan đến mục tiêu chất lượng trong đoạn 32(g) Chuẩn mực này, như rủi ro chất lượng do nhà cung cấp dịch vụ không cập nhật phương pháp luận để phản ánh những thay đổi trong các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định được áp dụng;
- (2) Bản chất và phạm vi của các nguồn lực và các điều kiện của dịch vụ (ví dụ, liên quan đến một ứng dụng công nghệ thông tin, tần suất cung cấp các cập nhật sẽ được thực hiện, các giới hạn trong

việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin và cách nhà cung cấp dịch vụ xử lý tính bảo mật của dữ liệu);

- (3) Mức độ sử dụng nguồn lực trong toàn doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán sẽ sử dụng nguồn lực như thế nào và liệu có phù hợp với mục đích đó hay không;
- (4) Mức độ tùy chỉnh của nguồn lực theo doanh nghiệp kiểm toán;
- (5) Kinh nghiệm trước đây khi sử dụng nhà cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán;
- (6) Kinh nghiệm trong ngành nghề và danh tiếng trên thị trường của nhà cung cấp dịch vụ.

A108. Doanh nghiệp kiểm toán có thể có trách nhiệm thực hiện thêm các hành động bổ sung khi sử dụng nguồn lực từ nhà cung cấp dịch vụ để nguồn lực hoạt động hiệu quả. Ví dụ, doanh nghiệp kiểm toán có thể cần trao đổi thông tin cho nhà cung cấp dịch vụ để nguồn lực hoạt động hiệu quả, hoặc liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, doanh nghiệp kiểm toán có thể cần có sẵn cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình công nghệ thông tin hỗ trợ.

Thông tin và truyền thông (hướng dẫn đoạn 33 Chuẩn mực này)

A109. Thu thập, tạo ra hoặc trao đổi thông tin nói chung là một quá trình liên tục có sự tham gia của tất cả nhân sự và bao gồm việc phổ biến thông tin trong doanh nghiệp kiểm toán và ra bên ngoài. Thông tin và truyền thông lan tỏa đến tất cả các thành phần của hệ thống quản lý chất lượng.

Hệ thống thông tin của doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 33(a) Chuẩn mực này)

A110. Thông tin đáng tin cậy và phù hợp bao gồm các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời và hợp lệ để cho phép hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoạt động đúng và hỗ trợ các quyết định liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng.

A111. Hệ thống thông tin có thể bao gồm việc sử dụng các yếu tố thủ công hoặc công nghệ thông tin, các yếu tố này ảnh hưởng đến cách thức mà thông tin được xác định, thu thập, xử lý, duy trì và trao đổi. Các thủ tục xác định, thu thập, xử lý, duy trì và trao đổi thông tin có thể được thực thi thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin và trong một số trường hợp có thể được gắn trong các biện pháp xử lý của doanh nghiệp kiểm toán đối với các thành phần khác. Ngoài ra, các bản ghi kỹ thuật số có thể thay thế hoặc bổ sung cho các bản ghi vật lý.

Ví dụ về khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp để minh họa cách hệ thống thông tin có thể được thiết kế trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp

Các doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp với ít nhân sự và có sự tham gia trực tiếp của lãnh đạo có thể không cần các chính sách và thủ tục nghiêm ngặt quy định cách xác định, thu thập, xử lý và duy trì thông tin.

Trao đổi trong doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 33(b), 33(c) Chuẩn mực này)

A112. Doanh nghiệp kiểm toán có thể ghi nhận và củng cố trách nhiệm của nhân sự và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trong việc trao đổi thông tin trong doanh nghiệp kiểm toán và cá nhân khác bằng cách thiết lập các kênh trao đổi để tạo điều kiện trao đổi thông tin trong toàn doanh nghiệp.

Ví dụ về trao đổi giữa doanh nghiệp kiểm toán, nhân sự và các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ

- (1) Doanh nghiệp kiểm toán trao đổi trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý của doanh nghiệp kiểm toán với nhân sự và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- (2) Doanh nghiệp kiểm toán trao đổi những thay đổi đối với hệ thống quản lý chất lượng cho nhân sự và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, trong phạm vi những thay đổi đó có liên quan đến trách nhiệm của họ và hỗ trợ nhân sự và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thực hiện hành động kịp thời và thích hợp phù hợp với trách nhiệm của họ.
- (3) Doanh nghiệp kiểm toán trao đổi thông tin thu thập được trong quy trình chấp nhận và duy trì khách hàng và hợp đồng dịch vụ liên quan đến nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ khi lập kế hoạch và thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- (4) Các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trao đổi với doanh nghiệp kiểm toán các thông tin gồm:
 - Thông tin về khách hàng thu thập được trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể khiến doanh nghiệp kiểm toán từ chối quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể nếu thông tin đó được biết trước khi chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể.
 - Thông tin về việc vận hành các biện pháp xử lý của doanh nghiệp kiểm toán (ví dụ, lo ngại về các quy trình phân công nhân sự tham gia các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán), trong một số trường hợp, có thể chỉ ra khiếm khuyết trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.

- (5) Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trao đổi các thông tin với người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hoặc các cá nhân cung cấp tư vấn.
- (6) Nhóm kiểm toán tập đoàn trao đổi các vấn đề với kiểm toán viên đơn vị thành viên theo các chính sách và thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng ở cấp độ hợp đồng dịch vụ.
- (7) (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm vận hành về việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập trao đổi với nhân sự liên quan và các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ những thay đổi trong các yêu cầu về tính độc lập và các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán để xử lý những thay đổi đó.

Trao đổi với các đối tượng bên ngoài

Trao đổi trong mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán hoặc với nhà cung cấp dịch vụ (hướng dẫn đoạn 33(d)(i) Chuẩn mực này)

A113. Bên cạnh việc doanh nghiệp kiểm toán trao đổi thông tin trong mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán hoặc với nhà cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp kiểm toán có thể cần thu thập thông tin từ mạng lưới, một doanh nghiệp mạng lưới hoặc nhà cung cấp dịch vụ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp kiểm toán trong việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng.

Ví dụ về thông tin doanh nghiệp kiểm toán thu thập được từ trong mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán

Doanh nghiệp kiểm toán thu thập thông tin từ mạng lưới hoặc các doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới về khách hàng của các doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới, khi có các yêu cầu về tính độc lập ảnh hưởng đến doanh nghiệp kiểm toán.

Trao đổi với đối tượng khác bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 33(d)(ii) Chuẩn mực này)

A114. *Ví dụ khi pháp luật và các quy định hoặc chuẩn mực nghề nghiệp có thể yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải trao đổi thông tin với các đối tượng bên ngoài*

- (1) Doanh nghiệp kiểm toán nhận biết được việc khách hàng không tuân thủ pháp luật và các quy định; chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải báo cáo hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định cho một cơ quan có thẩm quyền thích hợp bên ngoài đơn vị khách hàng, hoặc xem xét liệu việc báo cáo đó có phải là một

hành động phù hợp trong hoàn cảnh đó không.

- (2) Pháp luật hoặc các quy định yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải công bố báo cáo minh bạch và chỉ định nội dung của thông tin được yêu cầu đưa vào báo cáo minh bạch.
- (3) Các quy định hoặc pháp luật về chứng khoán yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải trao đổi một số vấn đề nhất định với Ban quản trị.

A115. Trong một số trường hợp, pháp luật hoặc các quy định có thể ngăn cản doanh nghiệp kiểm toán trao đổi thông tin liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng của mình ra bên ngoài.

Ví dụ về việc doanh nghiệp kiểm toán có thể bị ngăn cản trao đổi thông tin ra bên ngoài

- (1) Pháp luật hoặc các quy định về quyền riêng tư hoặc bí mật nghiêm cấm tiết lộ một số thông tin.
- (2) Pháp luật, các quy định hoặc chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan bao gồm các điều khoản đề cập đến nghĩa vụ bảo mật.

Biện pháp xử lý cụ thể (hướng dẫn đoạn 34 Chuẩn mực này)

A116. Các biện pháp xử lý cụ thể có thể xử lý nhiều rủi ro chất lượng liên quan đến nhiều hơn một mục tiêu chất lượng trên các thành phần khác nhau. Ví dụ, các chính sách hoặc thủ tục đối với các phản nàn và cáo buộc có thể xử lý các rủi ro chất lượng liên quan đến các mục tiêu chất lượng của nguồn lực (ví dụ, cam kết của nhân sự đối với chất lượng), chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, quản trị và lãnh đạo. Chỉ các biện pháp xử lý cụ thể là không đủ để đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng.

Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan (hướng dẫn đoạn 34(a) Chuẩn mực này)

A117. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể bao gồm các điều khoản về việc xác định và đánh giá các nguy cơ bị đe dọa cũng như cách xử lý các nguy cơ này. Ví dụ, Mục 120 Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) cung cấp khuôn khổ khái niệm cho mục đích này và khi áp dụng khuôn khổ khái niệm, yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán sử dụng kiểm tra của bên thứ ba hợp lý và có đầy đủ thông tin.

A118. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể quy định cụ thể cách thức doanh nghiệp kiểm toán phải có biện pháp xử lý với một vi phạm. Ví dụ, các đoạn R100.8, R400.80 đến R400.89 và đoạn R900.50 đến R900.55 Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán,

kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) đặt ra các yêu cầu đối với doanh nghiệp kiểm toán trong trường hợp vi phạm Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam và bao gồm các yêu cầu cụ thể xử lý các hành vi vi phạm chuẩn mực về tính độc lập, bao gồm các yêu cầu về trao đổi với các đối tượng bên ngoài.

A119. Các vấn đề mà doanh nghiệp kiểm toán có thể xử lý liên quan đến việc vi phạm chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan bao gồm:

- (1) Thông báo về các vi phạm chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan cho nhân sự thích hợp;
- (2) Việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của một vi phạm và ảnh hưởng của vi phạm đối với việc tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan;
- (3) Các hành động được thực hiện để xử lý thỏa đáng các hậu quả của vi phạm, bao gồm việc thực hiện các hành động đó càng sớm càng tốt;
- (4) Xác định xem có nên báo cáo vi phạm cho đối tượng bên ngoài hay không, như Ban quản trị của đơn vị có liên quan đến vi phạm hoặc cơ quan bên ngoài có thẩm quyền giám sát;
- (5) Xác định các hành động thích hợp được thực hiện liên quan đến (các) cá nhân chịu trách nhiệm về vi phạm.

Phản nàn và cáo buộc (hướng dẫn đoạn 34 (c) Chuẩn mực này)

A120. Thiết lập các chính sách hoặc thủ tục để giải quyết các phản nàn và cáo buộc có thể hỗ trợ doanh nghiệp kiểm toán trong việc ngăn chặn việc phát hành không phù hợp các báo cáo của các hợp đồng dịch vụ. Điều này cũng có thể hỗ trợ doanh nghiệp kiểm toán trong việc:

- (1) Xác định và xử lý các cá nhân, bao gồm cả lãnh đạo, những người không hành động hoặc không hành xử theo cách thể hiện các cam kết về chất lượng và hỗ trợ doanh nghiệp kiểm toán cam kết về chất lượng; hoặc
- (2) Xác định các khiếm khuyết trong hệ thống quản lý chất lượng.

A121. Phản nàn và cáo buộc có thể do nhân sự của doanh nghiệp kiểm toán đưa ra, hoặc từ những người khác bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán (ví dụ, khách hàng, kiểm toán viên đơn vị thành viên hoặc cá nhân ở trong mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán).

Thông tin được biết đến sau khi chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể (hướng dẫn đoạn 34 (d) Chuẩn mực này)

A122. Thông tin được biết đến sau khi chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể có thể:

- (1) Tồn tại tại thời điểm doanh nghiệp kiểm toán quyết định chấp nhận

hoặc duy trì quan hệ với khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể và doanh nghiệp kiểm toán không biết đến những thông tin đó; hoặc

- (2) Liên quan đến những thông tin phát sinh kể từ khi quyết định chấp nhận hay duy trì quan hệ với khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể.

Ví dụ về các cách xử lý trong các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán cho các trường hợp khi thông tin được biết đến sau khi chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng dịch vụ cụ thể có thể ảnh hưởng đến quyết định của doanh nghiệp kiểm toán về việc chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng hoặc hợp đồng cụ thể

- Thực hiện tham khảo ý kiến tư vấn trong doanh nghiệp kiểm toán hoặc với chuyên gia tư vấn pháp luật;
- Xem xét liệu có yêu cầu về chuyên môn, pháp luật hoặc các quy định đối với doanh nghiệp kiểm toán để phải tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ hay không;
- Thảo luận với cấp quản lý thích hợp và với Ban quản trị của khách hàng hoặc bên tham gia hợp đồng dịch vụ về hành động mà doanh nghiệp kiểm toán có thể thực hiện dựa trên các sự kiện và hoàn cảnh phù hợp;
- Khi xác định việc rút khỏi hợp đồng dịch vụ là hành động thích hợp:
 - Thông báo cho Ban Giám đốc và Ban quản trị của khách hàng hoặc bên tham gia hợp đồng dịch vụ về quyết định này và lý do rút khỏi hợp đồng dịch vụ;
 - Xem xét liệu có yêu cầu về chuyên môn, pháp luật hoặc các quy định đối với doanh nghiệp kiểm toán phải báo cáo việc rút khỏi hợp đồng, hoặc rút khỏi cả hợp đồng và quan hệ với khách hàng, cùng với lý do cho các cơ quan quản lý có thẩm quyền hay không.

A123. Trong một số trường hợp, pháp luật hoặc các quy định có thể đặt ra nghĩa vụ đối với doanh nghiệp kiểm toán trong việc chấp nhận hoặc duy trì khách hàng, hoặc trong trường hợp ở lĩnh vực công, doanh nghiệp kiểm toán có thể được chỉ định theo quy định của pháp luật.

Ví dụ về các cách xử lý trong các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán có nghĩa vụ phải chấp nhận hoặc duy trì hợp đồng dịch vụ hoặc doanh nghiệp kiểm toán không thể rút khỏi hợp đồng dịch vụ và doanh nghiệp kiểm

toán biết được thông tin có thể khiến doanh nghiệp kiểm toán từ chối hoặc không duy trì hợp đồng dịch vụ

- (1) Doanh nghiệp kiểm toán xem xét ảnh hưởng của thông tin đó đến việc thực hiện hợp đồng dịch vụ;
- (2) Doanh nghiệp kiểm toán trao đổi thông tin với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ và yêu cầu thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ tăng mức độ và tần suất chỉ đạo và giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và soát xét công việc của họ;
- (3) Doanh nghiệp kiểm toán phân công nhiều nhân sự có kinh nghiệm tham gia hợp đồng dịch vụ;
- (4) Doanh nghiệp kiểm toán xác định phải thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

Trao đổi với các đối tượng bên ngoài (hướng dẫn đoạn 34 (e) Chuẩn mực này)

- A124. Doanh nghiệp kiểm toán có thể nâng cao khả năng duy trì niềm tin của các bên liên quan vào chất lượng hợp đồng dịch vụ của mình thông qua việc trao đổi thông tin phù hợp, đáng tin cậy và minh bạch về các hoạt động mà doanh nghiệp kiểm toán đã thực hiện để quản lý chất lượng và hiệu quả của các hoạt động đó.
- A125. Các đối tượng bên ngoài có thể sử dụng thông tin về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, và mức độ quan tâm của họ đối với hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, có thể khác nhau tùy theo đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán.

Ví dụ về các đối tượng bên ngoài có thể sử dụng thông tin về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán

- (1) Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị của khách hàng có thể sử dụng thông tin này để xác định xem có nên chỉ định doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một hợp đồng dịch vụ hay không.
- (2) Các cơ quan giám sát bên ngoài có thể mong muốn thông tin về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán để hỗ trợ trách nhiệm của họ trong việc giám sát chất lượng của các hợp đồng dịch vụ trong phạm vi quyền hạn và để hiểu biết về công việc của các doanh nghiệp kiểm toán;
- (3) Các doanh nghiệp kiểm toán khác sử dụng công việc của doanh nghiệp kiểm toán trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ (ví dụ, liên quan đến cuộc kiểm toán tập đoàn) có thể yêu cầu những thông tin về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán;

- (4) Các đối tượng khác sử dụng báo cáo của hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán, như các nhà đầu tư sử dụng báo cáo của hợp đồng dịch vụ trong quá trình ra quyết định của họ, có thể mong muốn thông tin về *hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán*.

A126. Thông tin về hệ thống quản lý chất lượng được cung cấp cho các đối tượng bên ngoài, bao gồm thông tin được trao đổi với Ban quản trị về cách hệ thống quản lý chất lượng hỗ trợ việc thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng, có thể đề cập các vấn đề như:

- (1) Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán, như cơ cấu tổ chức, mô hình kinh doanh, chiến lược và môi trường hoạt động;
- (2) Về lãnh đạo và quản trị của doanh nghiệp kiểm toán, như văn hóa của doanh nghiệp kiểm toán, cách thể hiện cam kết về chất lượng cũng như phân công các vai trò, trách nhiệm và quyền hạn được giao đối với hệ thống quản lý chất lượng;
- (3) Cách doanh nghiệp kiểm toán thực hiện các trách nhiệm của mình phù hợp với chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, bao gồm cả những yêu cầu liên quan đến tính độc lập;
- (4) Các yếu tố góp phần vào hợp đồng dịch vụ có chất lượng, ví dụ, những thông tin đó có thể được trình bày dưới dạng các chỉ số chất lượng của hợp đồng với các mô tả để giải thích các chỉ số;
- (5) Kết quả của các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán và các cuộc kiểm tra thực hiện bởi các cơ quan giám sát bên ngoài và cách thức doanh nghiệp kiểm toán khắc phục các khiếm khuyết đã xác định hoặc đang xử lý các khiếm khuyết đó;
- (6) Việc đánh giá được thực hiện theo quy định tại đoạn 53 - 54 Chuẩn mực này về việc hệ thống quản lý chất lượng có cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý rằng các mục tiêu của hệ thống đang đạt được và kết luận sau đó, bao gồm cả cơ sở cho các xét đoán được đưa ra khi tiến hành đánh giá và kết luận;
- (7) Cách doanh nghiệp kiểm toán đã thích ứng với sự phát triển và những thay đổi mới nổi trong hoàn cảnh của doanh nghiệp kiểm toán hoặc các hợp đồng dịch vụ, bao gồm cách thức hệ thống quản lý chất lượng đã được điều chỉnh để thích ứng những thay đổi đó;
- (8) Mối quan hệ giữa doanh nghiệp kiểm toán và mạng lưới, cấu trúc tổng thể của mạng lưới, mô tả các yêu cầu và dịch vụ của mạng lưới, trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán và mạng lưới (bao gồm cả việc doanh nghiệp kiểm toán chịu trách nhiệm cao nhất đối với hệ thống quản lý chất lượng), và thông tin về phạm vi tổng thể

và kết quả của các hoạt động giám sát của mạng lưới thực hiện trên các doanh nghiệp mạng lưới.

Trao đổi với Ban quản trị (hướng dẫn đoạn 34 (e)(i) Chuẩn mực này)

A127. Cách thức thực hiện trao đổi với Ban quản trị (ví dụ, bởi doanh nghiệp kiểm toán hoặc nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ) có thể phụ thuộc vào các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán và hoàn cảnh của hợp đồng dịch vụ.

A128. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 260 quy định và hướng dẫn trách nhiệm của kiểm toán viên và *doanh nghiệp kiểm toán* trong việc trao đổi các vấn đề liên quan đến cuộc kiểm toán báo cáo tài chính với Ban quản trị đơn vị được kiểm toán và quy định việc kiểm toán viên phải xác định thành viên nào phù hợp trong Ban quản trị đơn vị được kiểm toán mà kiểm toán viên cần trao đổi thông tin khi thực hiện kiểm toán theo quy định tại đoạn 11-13 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 260 và quá trình trao đổi theo quy định tại đoạn 19-23 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 260. Trong một số trường hợp, có thể cần trao đổi với Ban quản trị của các đơn vị không phải là tổ chức niêm yết, *tổ chức đăng ký giao dịch* (hoặc khi thực hiện các cuộc kiểm toán khác), ví dụ, các đơn vị có thể có lợi ích công chúng hoặc có trách nhiệm giải trình công khai, như:

- (1) Các đơn vị nắm giữ một lượng tài sản đáng kể có khả năng ủy thác cho nhiều bên có lợi ích liên quan bao gồm các tổ chức tài chính, như một số ngân hàng, doanh nghiệp bảo hiểm và quỹ hưu trí.
- (2) Các đơn vị được công chúng quan tâm cao, hoặc Ban Giám đốc hoặc chủ sở hữu của đơn vị được công chúng quan tâm cao.
- (3) Các đơn vị có số lượng lớn và nhiều bên có lợi ích liên quan.

Các lưu ý khi cung cấp dịch vụ cho đơn vị trong lĩnh vực công

A129. Doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định trao đổi phù hợp với Ban quản trị của đơn vị trong lĩnh vực công về cách hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hỗ trợ việc thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng, có tính đến quy mô và mức độ phức tạp của đơn vị trong lĩnh vực công, phạm vi của các bên có lợi ích liên quan, bản chất của các dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán cung cấp, vai trò và trách nhiệm của Ban quản trị.

Xác định thời điểm thích hợp để trao đổi với các đối tượng bên ngoài (hướng dẫn tại đoạn 34(e)(ii) Chuẩn mực này)

A130. Việc xác định thời điểm thích hợp để trao đổi với các đối tượng bên ngoài về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán là vấn đề thuộc xét đoán chuyên môn và có thể bị ảnh hưởng bởi các vấn đề như:

- (1) Các loại hợp đồng dịch vụ được thực hiện bởi doanh nghiệp kiểm toán và các loại hình doanh nghiệp, tổ chức mà các hợp đồng dịch

vụ đó được thực hiện.

- (2) Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán.
- (3) Đặc điểm của môi trường hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán, như tập quán kinh doanh thông thường trong khu vực pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán và các đặc điểm của thị trường tài chính mà doanh nghiệp kiểm toán hoạt động.
- (4) Mức độ mà doanh nghiệp kiểm toán đã trao đổi với các đối tượng bên ngoài theo yêu cầu của pháp luật và các quy định (liệu rằng có cần trao đổi thêm hay không và nếu có, những vấn đề cần trao đổi là gì).
- (5) Kỳ vọng của các bên có lợi ích liên quan, bao gồm sự hiểu biết và quan tâm mà đối tượng bên ngoài thể hiện về các hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện và các quy trình của doanh nghiệp kiểm toán trong việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ.
- (6) Xu hướng pháp lý.
- (7) Thông tin đã có sẵn cho các đối tượng bên ngoài.
- (8) Cách các đối tượng bên ngoài có thể sử dụng thông tin và sự hiểu biết chung của họ về các vấn đề liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng và các dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính, hoặc các dịch vụ đảm bảo khác hoặc các dịch vụ liên quan của doanh nghiệp kiểm toán.
- (9) Lợi ích công chúng mang lại từ việc trao đổi với các đối tượng bên ngoài và liệu có thể kỳ vọng một cách hợp lý rằng lợi ích sẽ lớn hơn chi phí của việc trao đổi đó hay không (lợi ích bằng tiền hoặc bằng hình thức khác).

Những vấn đề nêu trên cũng có thể ảnh hưởng đến thông tin mà doanh nghiệp kiểm toán cung cấp trong cuộc trao đổi cũng như nội dung, lịch trình, phạm vi và hình thức trao đổi thích hợp.

Nội dung, lịch trình, phạm vi và hình thức trao đổi thích hợp với các đối tượng bên ngoài (hướng dẫn đoạn 34(e)(iii) Chuẩn mực này)

A131. Khi chuẩn bị thông tin để trao đổi với các đối tượng bên ngoài, doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét các đặc điểm sau:

- (1) Thông tin là cụ thể đối với hoàn cảnh của doanh nghiệp kiểm toán. Các vấn đề trong cuộc trao đổi của doanh nghiệp kiểm toán được liên hệ trực tiếp với hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán có thể giúp giảm thiểu khả năng thông tin đó trở nên quá khuôn mẫu và giảm tính hữu ích theo thời gian.
- (2) Thông tin được trình bày một cách rõ ràng và dễ hiểu, và cách trình bày không gây hiểu lầm hoặc ảnh hưởng không phù hợp đến những

người sử dụng thông tin (ví dụ, thông tin được trình bày hài hòa phù hợp giữa các khía cạnh tích cực và tiêu cực của vấn đề được trao đổi).

- (3) Thông tin chính xác và đầy đủ trên tất cả khía cạnh trọng yếu và không chứa thông tin gây hiểu nhầm.
- (4) Thông tin hướng đến nhu cầu thông tin của những người sử dụng. Khi xem xét nhu cầu thông tin của người sử dụng, doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét các vấn đề như mức độ chi tiết có ý nghĩa đối với người sử dụng và liệu người sử dụng có quyền truy cập các thông tin liên quan thông qua các nguồn khác (ví dụ, trang thông tin điện tử của doanh nghiệp kiểm toán).

A132. Trong từng hoàn cảnh cụ thể, doanh nghiệp kiểm toán sử dụng xét đoán chuyên môn để xác định hình thức trao đổi thích hợp với đối tượng bên ngoài, bao gồm cả việc trao đổi với Ban quản trị khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết, *tổ chức đăng ký giao dịch* có thể được thực hiện bằng lời nói hoặc văn bản. Theo đó, hình thức trao đổi có thể khác nhau.

Ví dụ về hình thức trao đổi với các đối tượng bên ngoài

- (1) Một công bố như báo cáo minh bạch hoặc báo cáo chất lượng kiểm toán.
- (2) Trao đổi bằng văn bản nhằm hướng tới các bên có lợi ích liên quan cụ thể (ví dụ, thông tin về kết quả của quy trình giám sát và khắc phục của doanh nghiệp kiểm toán).
- (3) Các cuộc thảo luận và tương tác trực tiếp với đối tượng bên ngoài (ví dụ, các cuộc thảo luận giữa nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và Ban quản trị).
- (4) Trang thông tin điện tử.
- (5) Các dạng phương tiện truyền thông kỹ thuật số khác, như phương tiện truyền thông mạng xã hội, các cuộc phỏng vấn hoặc thuyết trình qua webcast hoặc video.

Các hợp đồng dịch vụ phải được soát xét chất lượng

Soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định (hướng dẫn đoạn 34(f)(ii) Chuẩn mực này)

A133. Pháp luật hoặc các quy định có thể yêu cầu thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, ví dụ, đối với các hợp đồng kiểm toán cho:

- (1) Các đơn vị có lợi ích công chúng;
- (2) Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công hoặc các đơn vị có vốn nhà nước, hoặc các đơn vị có trách nhiệm giải trình công khai;

- (3) Các đơn vị hoạt động trong một số ngành nghề nhất định (ví dụ, các tổ chức tài chính như ngân hàng, doanh nghiệp bảo hiểm và quỹ hưu trí);
- (4) Các đơn vị đáp ứng một ngưỡng tài sản cụ thể; hoặc
- (5) Các đơn vị đang chịu sự quản lý của tòa án hoặc quy trình pháp luật (ví dụ, thanh lý).

Soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ như một biện pháp xử lý một hoặc nhiều rủi ro chất lượng (hướng dẫn đoạn 34(f)(iii) của Chuẩn mực này)

A134. Sự hiểu biết của doanh nghiệp kiểm toán về các điều kiện, sự kiện, tình huống, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động có thể ảnh hưởng xấu đến việc đạt được các mục tiêu chất lượng, theo yêu cầu tại đoạn 25 (a)(ii) Chuẩn mực này, liên quan đến đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của các hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện. Khi thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý một hoặc nhiều rủi ro chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định rằng việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là một biện pháp thích hợp dựa trên các lý do cho các đánh giá đã được đưa ra về rủi ro chất lượng.

Ví dụ về các điều kiện, sự kiện, tình huống, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động làm phát sinh một hoặc nhiều rủi ro chất lượng mà việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể là một biện pháp xử lý thích hợp

Những vấn đề liên quan đến các loại hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện và các báo cáo sẽ phát hành:

- (1) Các hợp đồng dịch vụ có mức độ phức tạp hoặc xét đoán cao, như:
 - Kiểm toán báo cáo tài chính cho các đơn vị hoạt động trong một ngành nghề thường có các ước tính kế toán với mức độ không chắc chắn cao (ví dụ, một số tổ chức tài chính lớn hoặc đơn vị khai khoáng) hoặc cho các đơn vị tồn tại sự không chắc chắn liên quan đến các sự kiện hoặc điều kiện có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục.
 - Các hợp đồng dịch vụ đảm bảo yêu cầu các kỹ năng và kiến thức chuyên môn trong việc đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo dựa trên các tiêu chí áp dụng (ví dụ, báo cáo về khí thải nhà kính trong đó có sự không chắc chắn đáng kể liên quan đến các số liệu được báo cáo).
- (2) Các hợp đồng dịch vụ đã gặp phải các vấn đề, như các cuộc kiểm toán có những phát hiện lặp lại thông qua các cuộc kiểm tra nội bộ hoặc kiểm tra bên ngoài, các khiếm khuyết nghiêm trọng chưa được khắc phục trong kiểm soát nội bộ hoặc trình bày lại thông tin so sánh trọng yếu trong báo cáo tài chính.

- (3) Các hợp đồng dịch vụ mà trong quy trình chấp nhận và duy trì khách hàng và hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán đã xác định các tình huống bất thường (ví dụ, khách hàng mới có sự bất đồng với kiểm toán viên hoặc người hành nghề dịch vụ đảm bảo tiền nhiệm).
- (4) Các hợp đồng dịch vụ liên quan đến việc báo cáo về thông tin tài chính hoặc phi tài chính dự kiến sẽ được đưa vào hồ sơ theo quy định và có thể đòi hỏi mức độ xét đoán cao hơn, như thông tin tài chính theo quy ước được đưa vào bản cáo bạch.

Những vấn đề liên quan đến các loại hình doanh nghiệp mà các hợp đồng dịch vụ được thực hiện:

- (1) Các đơn vị trong các ngành nghề mới nổi hoặc các đơn vị mà doanh nghiệp kiểm toán chưa có kinh nghiệm trước đó.
- (2) Các đơn vị mà các cơ quan quản lý thị trường chứng khoán hoặc cơ quan giám sát tài chính bày tỏ quan ngại.
- (3) Các đơn vị không phải tổ chức niêm yết, *tổ chức đăng ký giao dịch* nhưng có lợi ích công chúng hoặc trách nhiệm giải trình công khai, ví dụ:
 - Các đơn vị nắm giữ một lượng tài sản đáng kể có khả năng ủy thác cho nhiều bên có lợi ích liên quan, bao gồm các tổ chức tài chính, như một số ngân hàng, doanh nghiệp bảo hiểm và quỹ hưu trí mà pháp luật hoặc các quy định không yêu cầu soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.
 - Các đơn vị được công chúng quan tâm cao, hoặc các đơn vị có Ban Giám đốc hoặc chủ sở hữu của đơn vị được công chúng quan tâm cao.
 - Các đơn vị có số lượng lớn và nhiều các bên có lợi ích liên quan.

A135. Các biện pháp của doanh nghiệp kiểm toán để xử lý các rủi ro chất lượng có thể bao gồm các hình thức soát xét khác không phải là soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, các biện pháp xử lý của doanh nghiệp kiểm toán có thể bao gồm việc soát xét các thủ tục của nhóm kiểm toán liên quan đến rủi ro đáng kể hoặc soát xét các xét đoán quan trọng, được thực hiện bởi nhân sự có chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành. Trong một số trường hợp, các loại soát xét khác có thể được thực hiện cùng với soát xét chất lượng cuộc kiểm toán.

A136. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định rằng không có cuộc kiểm toán hoặc hợp đồng dịch vụ nào khác mà việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hoặc một hình thức soát xét khác là biện pháp thích hợp để xử lý (các) rủi ro chất lượng.

Các lưu ý khi cung cấp dịch vụ cho đơn vị trong lĩnh vực công

A137. Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của các đơn vị trong lĩnh vực công (ví dụ, do quy mô và mức độ phức tạp của các đơn vị này, sự đa dạng các bên có lợi ích liên quan hoặc bản chất của các dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp) có thể làm phát sinh rủi ro chất lượng. Trong những trường hợp này, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định rằng việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là một biện pháp thích hợp để xử lý các rủi ro chất lượng đó. Pháp luật hoặc các quy định có thể thiết lập các yêu cầu báo cáo bổ sung đối với kiểm toán viên của các đơn vị trong lĩnh vực công (ví dụ, báo cáo riêng về hành vi không tuân thủ pháp luật hoặc các quy định cho cơ quan lập pháp hoặc cơ quan quản lý khác hoặc thông báo những trường hợp đó trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính). Trong những trường hợp như vậy, để xác định xem việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có phải là biện pháp xử lý thích hợp hay không, doanh nghiệp kiểm toán cũng có thể xem xét mức độ phức tạp của báo cáo đó và tầm quan trọng của báo cáo đó đối với người sử dụng.

Quy trình giám sát và khắc phục (hướng dẫn đoạn 35 - 47 Chuẩn mực này)

A138. Ngoài việc cho phép đánh giá hệ thống quản lý chất lượng, quy trình giám sát và khắc phục còn hỗ trợ cho việc cải tiến chất lượng hợp đồng dịch vụ và hệ thống quản lý chất lượng diễn ra chủ động và liên tục. Ví dụ:

- (1) Do những hạn chế vốn có của hệ thống quản lý chất lượng, việc doanh nghiệp kiểm toán xác định được các khiếm khuyết không phải là không bình thường và đây là một khía cạnh quan trọng của hệ thống quản lý chất lượng, bởi vì việc xác định kịp thời các khiếm khuyết cho phép doanh nghiệp kiểm toán khắc phục kịp thời và hiệu quả, và đóng góp vào văn hóa cải tiến không ngừng.
- (2) Các hoạt động giám sát có thể cung cấp thông tin giúp doanh nghiệp kiểm toán ngăn ngừa khiếm khuyết thông qua biện pháp xử lý các phát hiện mà các phát hiện này, qua một khoảng thời gian, có thể dẫn đến một khiếm khuyết.

Thiết kế và thực hiện các hoạt động giám sát (hướng dẫn đoạn 37 - 38 Chuẩn mực này)

A139. Hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán có thể bao gồm sự kết hợp giữa các hoạt động giám sát liên tục và các hoạt động giám sát định kỳ. Các hoạt động giám sát liên tục thường là các hoạt động thường xuyên, được xây dựng trong các quy trình của doanh nghiệp kiểm toán và được thực hiện trên cơ sở thời gian thực tế, phản ứng với các điều kiện thay đổi. Các hoạt động giám sát định kỳ được doanh nghiệp kiểm toán thực hiện trong những khoảng thời gian nhất định. Trong hầu hết các trường hợp, các hoạt động giám sát liên tục cung cấp thông tin về hệ thống quản lý chất lượng một cách kịp thời hơn.

A140. Các hoạt động giám sát có thể bao gồm việc kiểm tra các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện. Việc kiểm tra các hợp đồng dịch vụ được thiết kế để giám sát xem một khía cạnh của hệ thống quản lý chất lượng có được thiết kế, thực hiện và hoạt động theo cách thức dự kiến hay không. Trong một số trường hợp, hệ thống quản lý chất lượng có thể bao gồm các biện pháp xử lý được thiết kế để soát xét các hợp đồng dịch vụ đang trong quá trình thực hiện mà có vẻ tương tự như việc kiểm tra các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện (ví dụ, việc soát xét được thiết kế để phát hiện các thất bại hoặc thiếu sót trong hệ thống quản lý chất lượng để có thể ngăn ngừa rủi ro chất lượng xảy ra). Mục đích của hoạt động này là hướng dẫn việc thiết kế và thực hiện biện pháp xử lý, và chỉ ra biện pháp xử lý này phù hợp với khu vực nào trong hệ thống quản lý chất lượng (ví dụ, biện pháp xử lý là một cuộc kiểm tra hợp đồng dịch vụ đang tiến hành là một hoạt động giám sát hay là việc soát xét hợp đồng dịch vụ nhằm xử lý rủi ro chất lượng).

A141. Nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát cũng có thể bị ảnh hưởng bởi các vấn đề khác, bao gồm:

- (1) Quy mô, cấu trúc và tổ chức của doanh nghiệp kiểm toán.
- (2) Sự tham gia của mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán vào các hoạt động giám sát.
- (3) Các nguồn lực mà doanh nghiệp kiểm toán dự định sử dụng để thực hiện các hoạt động giám sát, như việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin.

A142. Khi thực hiện các hoạt động giám sát, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định rằng cần có những thay đổi về nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát, như khi các phát hiện cho thấy sự cần phải giám sát sâu rộng hơn.

Thiết kế quy trình đánh giá rủi ro và quy trình giám sát và khắc phục của doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 37(c) Chuẩn mực này)

A143. Cách thiết kế quy trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán (ví dụ, quy trình tập trung hoặc phân tán, hay tần suất đánh giá) có thể ảnh hưởng đến nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát, bao gồm cả các hoạt động giám sát quá trình đánh giá rủi ro của doanh nghiệp kiểm toán.

A144. Cách thiết kế quy trình giám sát và khắc phục của doanh nghiệp kiểm toán (ví dụ, nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát và khắc phục, có xem xét đến đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán) có thể ảnh hưởng đến các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán để xác định liệu quy trình giám sát và khắc phục có đạt được mục đích dự kiến như được mô tả trong đoạn 35 Chuẩn mực này.

Ví dụ về khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp để minh họa các hoạt động giám sát cho quy trình giám sát và khắc phục

- (1) Trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, các hoạt động giám sát có thể đơn giản. Dựa trên sự tương tác thường xuyên của lãnh đạo với hệ thống quản lý chất lượng, thông tin về quy trình giám sát và khắc phục có thể có sẵn trong hiểu biết của họ về nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát đã thực hiện, kết quả của các hoạt động giám sát và các hành động của doanh nghiệp kiểm toán để xử lý các kết quả đó.
- (2) Trong một doanh nghiệp kiểm toán phức tạp, các hoạt động giám sát đối với quy trình giám sát và khắc phục có thể được thiết kế đặc biệt để xác định xem quy trình giám sát và khắc phục có đang cung cấp thông tin liên quan, đáng tin cậy và kịp thời về hệ thống quản lý chất lượng và biện pháp xử lý thích hợp với những khiếm khuyết đã xác định không.

Những thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng (hướng dẫn đoạn 37(d) Chuẩn mực này)

A145. Những thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng có thể bao gồm:

- (1) Các thay đổi để xử lý các khiếm khuyết đã xác định trong hệ thống quản lý chất lượng.
- (2) Những thay đổi đối với mục tiêu chất lượng, rủi ro chất lượng hoặc các biện pháp xử lý do những thay đổi về đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ.

Khi các thay đổi xảy ra, các hoạt động giám sát trước đây do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện có thể không còn cung cấp thông tin để hỗ trợ việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng, do đó, các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán có thể bao gồm việc giám sát các thay đổi đó.

Các hoạt động giám sát trước đây (hướng dẫn đoạn 37(e) Chuẩn mực này)

A146. Kết quả của các hoạt động giám sát trước đây của doanh nghiệp kiểm toán có thể chỉ ra các khu vực trong hệ thống có thể phát sinh khiếm khuyết, đặc biệt là các khu vực có lịch sử đã phát hiện các khiếm khuyết.

A147. Các hoạt động giám sát trước đây do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện có thể không còn cung cấp thông tin để hỗ trợ việc đánh giá hệ thống, bao gồm cả các khu vực của hệ thống quản lý chất lượng không thay đổi, đặc biệt khi thời gian đã trôi qua kể từ khi hoạt động giám sát được thực hiện.

Thông tin liên quan khác (hướng dẫn đoạn 37(f) Chuẩn mực này)

A148. Ngoài các nguồn thông tin nêu trong đoạn 37(f) Chuẩn mực này, các thông tin liên quan khác có thể bao gồm:

- (1) Thông tin được mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán trao đổi theo quy định tại đoạn 50(c) và 51(b) Chuẩn mực này về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, bao gồm các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới mà doanh nghiệp kiểm toán đã đưa vào hệ thống quản lý chất lượng của mình.
 - (2) Thông tin được nhà cung cấp dịch vụ trao đổi về các nguồn lực mà doanh nghiệp kiểm toán sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng của mình.
 - (3) Thông tin về các đơn vị mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện các hợp đồng dịch vụ được cung cấp từ các cơ quan quản lý, như thông tin từ cơ quan quản lý chứng khoán về một đơn vị mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hợp đồng dịch vụ (ví dụ, các điểm bất thường trong báo cáo tài chính của đơn vị).
- A149. Kết quả của các cuộc kiểm tra thực hiện bởi cơ quan giám sát bên ngoài hoặc các thông tin liên quan khác, cả nội bộ và từ bên ngoài, có thể cho thấy rằng các hoạt động giám sát trước đây do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện đã thất bại trong việc xác định khiếm khuyết trong hệ thống quản lý chất lượng. Thông tin này có thể ảnh hưởng đến việc xem xét của doanh nghiệp kiểm toán về nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát.
- A150. Kiểm tra thực hiện bởi cơ quan giám sát bên ngoài không thay thế cho các hoạt động giám sát nội bộ của doanh nghiệp kiểm toán. Tuy nhiên, kết quả của các cuộc kiểm tra này cho biết nội dung, lịch trình và phạm vi của các hoạt động giám sát.

Kiểm tra hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 38 Chuẩn mực này)

A151. Ví dụ về các vấn đề quy định tại đoạn 38 Chuẩn mực này mà doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét khi lựa chọn các hợp đồng dịch vụ đã hoàn thành để kiểm tra

- (1) Liên quan đến các điều kiện, sự kiện, tình huống, việc thực hiện hay không thực hiện các hành động làm phát sinh rủi ro chất lượng:
 - Các loại hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện và mức độ kinh nghiệm của doanh nghiệp kiểm toán trong việc thực hiện loại hợp đồng đó.
 - Các loại hình doanh nghiệp, tổ chức mà các hợp đồng dịch vụ được thực hiện, ví dụ:
 - Các tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.
 - Các đơn vị hoạt động trong các ngành nghề mới nổi.
 - Các đơn vị hoạt động trong các ngành nghề có mức độ phức tạp hoặc xét đoán cao.

- Các đơn vị hoạt động trong ngành nghề mới đối với doanh nghiệp kiểm toán.
 - Thời gian công tác và kinh nghiệm của các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ.
- (2) Kết quả của các cuộc kiểm tra trước đây đối với các hợp đồng đã hoàn thành đối với từng thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ.
- (3) Liên quan đến các thông tin liên quan khác:
- Các phản nản hay cáo buộc đối với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ.
 - Kết quả của các cuộc kiểm tra bởi cơ quan giám sát bên ngoài đối với từng thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ.
 - Kết quả đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán về cam kết đối với chất lượng của từng thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ.

A152. Doanh nghiệp kiểm toán có thể thực hiện nhiều hoạt động giám sát, ngoài việc kiểm tra các hợp đồng đã hoàn thành, tập trung vào việc xác định xem các hợp đồng đã tuân thủ các chính sách hoặc thủ tục hay chưa. Các hoạt động giám sát này có thể được thực hiện đối với một số hợp đồng dịch vụ hoặc thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ nhất định. Nội dung và phạm vi của các hoạt động giám sát này, và kết quả giám sát, có thể được doanh nghiệp kiểm toán sử dụng để xác định:

- (1) Những hợp đồng dịch vụ đã hoàn thành được lựa chọn để kiểm tra;
- (2) Những thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ được lựa chọn để kiểm tra;
- (3) Tần suất chọn một thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ để kiểm tra; hoặc
- (4) Các khía cạnh của hợp đồng dịch vụ cần được xem xét khi thực hiện kiểm tra các hợp đồng đã hoàn thành.

A153. Việc kiểm tra theo chu kỳ các hợp đồng đã hoàn thành của các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ có thể hỗ trợ doanh nghiệp kiểm toán giám sát liệu các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ có hoàn thành trách nhiệm tổng thể của mình trong việc quản lý và đạt được chất lượng trong các hợp đồng dịch vụ mà họ được phân công hay không.

Ví dụ về cách doanh nghiệp kiểm toán có thể áp dụng để kiểm tra theo

chu kỳ các hợp đồng đã hoàn thành đối với từng thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ:

Doanh nghiệp kiểm toán có thể thiết lập các chính sách hoặc thủ tục liên quan đến việc kiểm tra các hợp đồng dịch vụ đã hoàn thành như sau:

- (1) Quy định giai đoạn tiêu chuẩn của chu kỳ kiểm tra, như kiểm tra một hợp đồng đã hoàn thành của mỗi thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán báo cáo tài chính là ba năm một lần, và đối với tất cả các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ khác là năm năm một lần;
- (2) Đưa ra các tiêu chí lựa chọn các hợp đồng đã hoàn thành, bao gồm cả tiêu chí đối với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, (các) hợp đồng được chọn bao gồm cả hợp đồng kiểm toán;
- (3) Lựa chọn thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ để kiểm tra theo cách không thể dự đoán trước;
- (4) Khi nào cần thiết hoặc thích hợp để lựa chọn các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ thường xuyên hơn, hoặc ít thường xuyên hơn so với giai đoạn tiêu chuẩn trong chính sách, chẳng hạn:

- Doanh nghiệp kiểm toán có thể lựa chọn các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ thường xuyên hơn so với giai đoạn tiêu chuẩn được quy định trong chính sách của doanh nghiệp kiểm toán khi:

- Doanh nghiệp kiểm toán phát hiện nhiều khiếm khuyết được đánh giá là nghiêm trọng và xác định rằng cần phải kiểm tra theo chu kỳ thường xuyên hơn đối với tất cả các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ.
- Thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ thực hiện hợp đồng cho các đơn vị hoạt động trong một số ngành nghề có mức độ phức tạp hoặc xét đoán cao.
- Một hợp đồng dịch vụ thực hiện bởi thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đã phải thực hiện các hoạt động giám sát khác và kết quả không đạt yêu cầu.
- Thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ thực hiện hợp đồng cho đơn vị hoạt động trong ngành nghề mà thành viên Ban Giám đốc đó còn hạn chế về kinh nghiệm.
- Thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ mới được bổ nhiệm hoặc mới gia nhập doanh nghiệp kiểm toán thời gian gần đây từ một doanh nghiệp

kiểm toán khác hoặc khu vực pháp lý khác.

- Doanh nghiệp kiểm toán có thể trì hoãn việc lựa chọn thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ để kiểm tra (ví dụ, trì hoãn một năm so với khoảng thời gian tiêu chuẩn được quy định trong chính sách của doanh nghiệp kiểm toán) khi:
 - Các hợp đồng dịch vụ thực hiện bởi thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đã phải thực hiện các hoạt động giám sát khác trong giai đoạn tiêu chuẩn được quy định trong chính sách của doanh nghiệp kiểm toán;
 - Kết quả của các hoạt động giám sát khác đã cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đó (ví dụ, việc kiểm tra các hợp đồng đã hoàn thành sẽ không cung cấp thêm cho doanh nghiệp kiểm toán thông tin về thành viên Ban Giám đốc đó).

A154. Các vấn đề cần xem xét khi kiểm tra một hợp đồng phụ thuộc vào cách mà cuộc kiểm tra sẽ được sử dụng để giám sát hệ thống quản lý chất lượng. Thông thường, việc kiểm tra hợp đồng dịch vụ bao gồm việc xác định xem các biện pháp xử lý được thực hiện ở cấp độ hợp đồng dịch vụ (ví dụ, các chính sách và thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán liên quan đến việc thực hiện hợp đồng dịch vụ) có được thực hiện như đã thiết kế, và đang hoạt động hiệu quả hay không.

Cá nhân thực hiện các hoạt động giám sát (hướng dẫn đoạn 39(b) Chuẩn mực này)

A155. Các quy định của các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan đến việc thiết kế các chính sách hoặc thủ tục để đảm bảo tính khách quan của các cá nhân thực hiện các hoạt động giám sát. Nguy cơ tự kiểm tra có thể phát sinh khi một cá nhân thực hiện:

(1) Việc kiểm tra một hợp đồng dịch vụ:

- Trong trường hợp kiểm toán báo cáo tài chính, là thành viên nhóm kiểm toán hoặc người soát xét chất lượng của cuộc kiểm toán đó hoặc cuộc kiểm toán trong năm tài chính tiếp theo; hoặc
- Trong trường hợp các hợp đồng dịch vụ khác, là thành viên nhóm thực hiện hoặc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đó.

(2) Một loại hoạt động giám sát khác mà cá nhân đó đã tham gia vào việc thiết kế, thực hiện hoặc thi hành một biện pháp xử lý trong phạm vi được giám sát.

A156. Trong một số trường hợp, ví dụ, đối với một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, có thể không có nhân sự đủ năng lực, khả năng, thời gian hoặc tính khách quan để thực hiện các hoạt động giám sát. Trong những trường hợp này, doanh nghiệp kiểm toán có thể sử dụng các dịch vụ của mạng lưới hoặc một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện các hoạt động giám sát.

Đánh giá những phát hiện và xác định các khiếm khuyết (hướng dẫn đoạn 16(a), 40 - 41 Chuẩn mực này)

A157. Doanh nghiệp kiểm toán tích lũy những phát hiện từ việc thực hiện các hoạt động giám sát, các cuộc kiểm tra bởi cơ quan giám sát bên ngoài và các nguồn thông tin liên quan khác.

A158. Thông tin mà doanh nghiệp kiểm toán tích lũy được từ các hoạt động giám sát, các cuộc kiểm tra bởi cơ quan giám sát bên ngoài và các nguồn thông tin liên quan khác có thể cho thấy những quan sát khác về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, như:

- (1) Các hành động, hành vi hoặc điều kiện đã đem lại kết quả tích cực đối với chất lượng hay hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng; hoặc
- (2) Các trường hợp tương tự khi không có phát hiện nào được ghi nhận (ví dụ, các hợp đồng dịch vụ không có phát hiện nào được ghi nhận, các hợp đồng dịch vụ có bản chất tương tự như các hợp đồng dịch vụ có các phát hiện được ghi nhận).

Các quan sát khác có thể hữu ích cho doanh nghiệp kiểm toán vì chúng có thể hỗ trợ doanh nghiệp kiểm toán điều tra (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đã xác định, chỉ ra các cách làm thông thường mà doanh nghiệp kiểm toán có thể hỗ trợ hoặc áp dụng rộng rãi hơn (ví dụ, cho tất cả các hợp đồng dịch vụ), hoặc nêu bật lên các cơ hội cho doanh nghiệp kiểm toán để nâng cao hệ thống quản lý chất lượng.

A159. Doanh nghiệp kiểm toán thực hiện xét đoán chuyên môn để xác định xem liệu các phát hiện, khi xét riêng lẻ hoặc kết hợp với các phát hiện khác, có dẫn đến một khiếm khuyết trong hệ thống quản lý chất lượng hay không. Khi thực hiện xét đoán, doanh nghiệp kiểm toán có thể cần xem xét tầm quan trọng tương đối của các phát hiện trong bối cảnh của các mục tiêu chất lượng, rủi ro chất lượng, biện pháp xử lý hoặc các khía cạnh khác của hệ thống quản lý chất lượng mà các phát hiện này có liên quan. Xét đoán của doanh nghiệp kiểm toán có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố định lượng và định tính liên quan đến các phát hiện. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể quyết định cần phải thu thập thêm thông tin về các phát hiện để xác định xem có tồn tại một khiếm khuyết hay không. Không phải tất cả các phát hiện, bao gồm cả các phát hiện của hợp đồng dịch vụ, đều là khiếm khuyết.

A160. Ví dụ về các yếu tố định lượng và định tính mà doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét để xác định xem liệu các phát hiện có dẫn đến khiếm khuyết hay không

Rủi ro chất lượng và biện pháp xử lý

(1) Nếu phát hiện có liên quan đến một biện pháp xử lý:

- Cách biện pháp xử lý được thiết kế, ví dụ, bản chất của biện pháp xử lý, tần suất xuất hiện (nếu có) và tầm quan trọng tương đối của biện pháp xử lý hướng đến (các) rủi ro chất lượng và đạt được (các) mục tiêu chất lượng có liên quan.
- Bản chất của rủi ro chất lượng có liên quan đến biện pháp xử lý và phạm vi mà các phát hiện chỉ ra rằng rủi ro chất lượng chưa được xử lý.
- Có những biện pháp khác để xử lý rủi ro chất lượng đó không và liệu có những phát hiện liên quan đến những biện pháp xử lý đó hay không.

Bản chất của các phát hiện và tính chất lan tỏa của chúng

- (2) Bản chất của các phát hiện. Ví dụ, các phát hiện liên quan đến các hành động và hành vi của lãnh đạo có thể có ý nghĩa quan trọng về mặt định tính, do tác động lan tỏa mà chúng có thể có đối với toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng.
- (3) Liệu các phát hiện, kết hợp với các phát hiện khác, có chỉ ra một xu hướng hoặc vấn đề mang tính hệ thống hay không. Ví dụ, các phát hiện giống nhau trên nhiều hợp đồng dịch vụ có thể chỉ ra một vấn đề mang tính hệ thống.

Phạm vi hoạt động giám sát và phạm vi của các phát hiện

- (4) Phạm vi hoạt động giám sát mà từ đó tìm ra các phát hiện, bao gồm số lượng hoặc quy mô mẫu được chọn.
- (5) Phạm vi của các phát hiện trên các mẫu chịu sự giám sát của hoạt động giám sát, và so với tỷ lệ sai lệch dự kiến. Ví dụ, trong trường hợp kiểm tra các hợp đồng dịch vụ, số lượng hợp đồng được lựa chọn phát sinh các phát hiện, trên tổng số hợp đồng dịch vụ được lựa chọn và tỷ lệ sai lệch dự kiến do doanh nghiệp kiểm toán đặt ra.

A161. Việc đánh giá các phát hiện và xác định các khiếm khuyết và đánh giá mức độ nghiêm trọng và tính chất lan tỏa của khiếm khuyết đã được phát hiện, bao gồm điều tra (các) nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã được phát hiện, là một phần của quá trình lặp đi lặp lại và phi tuyến tính.

Ví dụ cách thức thực hiện quy trình đánh giá các phát hiện và xác định các khiếm khuyết, đánh giá các khiếm khuyết đã xác định, bao gồm cả

việc điều tra (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đã xác định, là lập đi lập lại và phi tuyến tính

- (1) Khi điều tra (các) nguyên nhân gốc của một khiếm khuyết đã xác định, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định một tình huống tương tự các tình huống khác mà những phát hiện đã không được xác định là khiếm khuyết. Từ đó, doanh nghiệp kiểm toán điều chỉnh đánh giá của mình về các phát hiện khác và phân loại chúng là khiếm khuyết.
- (2) Khi đánh giá mức độ nghiêm trọng và tính chất lan tỏa của một khiếm khuyết đã xác định, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định một xu hướng hoặc một vấn đề mang tính hệ thống liên quan đến các phát hiện khác đã không được xác định là khiếm khuyết. Từ đó, doanh nghiệp kiểm toán điều chỉnh đánh giá của mình về các phát hiện khác và xác định chúng là khiếm khuyết.

A162. Kết quả của các hoạt động giám sát, kết quả của các cuộc kiểm tra từ bên ngoài và các thông tin liên quan khác (ví dụ, các hoạt động giám sát của mạng lưới hoặc các phân nân và cáo buộc) có thể cho thấy thông tin về hiệu quả của quy trình giám sát và khắc phục. Ví dụ, kết quả của các cuộc kiểm tra từ bên ngoài có thể cung cấp thông tin về hệ thống quản lý chất lượng mà quy trình giám sát và khắc phục của doanh nghiệp kiểm toán chưa xác định được, điều này có thể chỉ ra một khiếm khuyết trong quá trình đó.

Đánh giá các khiếm khuyết đã xác định (hướng dẫn đoạn 41 Chuẩn mực này)

A163. Các yếu tố mà doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét khi đánh giá mức độ nghiêm trọng và tính chất lan tỏa của một khiếm khuyết đã xác định bao gồm:

- (1) Bản chất của khiếm khuyết đã xác định, bao gồm khía cạnh của hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán có liên quan đến khiếm khuyết và khiếm khuyết đó nằm ở khâu thiết kế, thực hiện hay vận hành hệ thống quản lý chất lượng;
- (2) Trong trường hợp các khiếm khuyết đã xác định có liên quan đến các biện pháp xử lý, liệu có các biện pháp xử lý thay thế để xử lý rủi ro chất lượng mà biện pháp xử lý có liên quan hay không;
- (3) (Các) nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định;
- (4) Tần suất xảy ra vấn đề làm phát sinh khiếm khuyết đã xác định; và
- (5) Mức độ của khiếm khuyết được xác định, tốc độ xảy ra khiếm khuyết và khoảng thời gian khiếm khuyết đó tồn tại và ảnh hưởng của nó đến hệ thống quản lý chất lượng.

A164. Mức độ nghiêm trọng và tính chất lan tỏa của các khiếm khuyết được phát hiện ảnh hưởng đến việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng do

(các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng thực hiện.

(Các) nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định (hướng dẫn đoạn 41(a) Chuẩn mực này)

A165. Mục tiêu của việc điều tra (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đã được phát hiện là để hiểu rõ các tình huống cơ bản là nguyên nhân gây ra các khiếm khuyết, giúp doanh nghiệp kiểm toán:

- (1) Đánh giá mức độ nghiêm trọng và tính chất lan tỏa của khiếm khuyết đã được phát hiện; và
- (2) Khắc phục khiếm khuyết đã được phát hiện một cách thích hợp.

Việc thực hiện phân tích nguyên nhân gốc đòi hỏi những người thực hiện đánh giá phải sử dụng xét đoán chuyên môn dựa trên bằng chứng có sẵn.

A166. Nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục được thực hiện để tìm hiểu (các) nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định cũng có thể bị ảnh hưởng bởi đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán, như:

- (1) Mức độ phức tạp và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán.
- (2) Quy mô của doanh nghiệp kiểm toán.
- (3) Sự phân tán về địa lý của doanh nghiệp kiểm toán.
- (4) Cấu trúc của doanh nghiệp kiểm toán hoặc mức độ doanh nghiệp kiểm toán tập trung hóa các quy trình hay hoạt động.

Ví dụ về bản chất của các khiếm khuyết đã xác định và mức độ nghiêm trọng có thể có của các khiếm khuyết này, cũng như đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán có thể ảnh hưởng đến nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục tìm hiểu (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đã xác định

- (1) Bản chất của khiếm khuyết đã xác định: Các thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán để tìm hiểu (các) nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định có thể khác hơn trong trường hợp báo cáo của hợp đồng dịch vụ liên quan đến cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của một tổ chức niêm yết, *tổ chức đăng ký giao dịch* được phát hành không phù hợp, hoặc khi khiếm khuyết có liên quan đến các hành động và hành vi của lãnh đạo về chất lượng.
- (2) Mức độ nghiêm trọng có thể có của khiếm khuyết đã được phát hiện: Các thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán để tìm hiểu (các) nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định có thể khác hơn trong các trường hợp khiếm khuyết được xác định ở nhiều hợp đồng dịch vụ, hoặc có dấu hiệu cho thấy các chính sách hoặc thủ

tục không được tuân thủ với tỷ lệ cao.

(3) Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán:

- Đối với các doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp với một địa điểm hoạt động, các thủ tục để tìm hiểu (các) nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định có thể đơn giản, vì thông tin giúp tìm hiểu có thể sẵn có và tập trung, và nguyên nhân gốc có thể được phát hiện dễ dàng.
- Đối với doanh nghiệp kiểm toán phức tạp hoạt động tại nhiều địa điểm, các thủ tục để tìm hiểu (các) nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định có thể bao gồm việc sử dụng những cá nhân được đào tạo chuyên sâu để điều tra (các) nguyên nhân gốc của những khiếm khuyết đã xác định và phát triển một phương pháp với các thủ tục chính thức hơn để xác định (các) nguyên nhân gốc.

A167. Khi điều tra (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đã được xác định, doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét tại sao các khiếm khuyết không xảy ra trong các trường hợp khác có tính chất tương tự với vấn đề mà khiếm khuyết đã được xác định có liên quan. Các thông tin này có thể hữu ích trong việc xác định cách khắc phục các khiếm khuyết đã được phát hiện.

Ví dụ khi khiếm khuyết không phát sinh trong các trường hợp khác có đặc điểm tương tự, và cách thức thông tin này hỗ trợ doanh nghiệp kiểm toán điều tra (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đã được phát hiện

Doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định rằng có sự tồn tại của một khiếm khuyết vì các phát hiện tương tự đã xảy ra trong nhiều hợp đồng dịch vụ. Tuy nhiên, các phát hiện này lại không xuất hiện ở một số hợp đồng khác trong cùng một tổng thể đang được kiểm tra. Bằng cách đối chiếu các hợp đồng dịch vụ, doanh nghiệp kiểm toán kết luận rằng nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định là do thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đã không tham gia một cách phù hợp vào các giai đoạn chính của hợp đồng dịch vụ.

A168. Việc xác định cụ thể (các) nguyên nhân gốc một cách thích hợp có thể hỗ trợ quy trình doanh nghiệp kiểm toán khắc phục những khiếm khuyết đã xác định.

Ví dụ về việc xác định cụ thể (các) nguyên nhân gốc một cách thích hợp

Doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định nhóm kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính thất bại trong việc thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các ước tính kế toán mà các giả định của Ban Giám đốc có mức độ chủ quan cao. Mặc dù doanh nghiệp

kiểm toán nhận thấy các nhóm kiểm toán này không thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp phù hợp, nhưng nguyên nhân gốc có thể liên quan đến vấn đề khác, như môi trường văn hóa của doanh nghiệp kiểm toán không khuyến khích các thành viên nhóm kiểm toán chất vấn những cá nhân có thẩm quyền cao hơn hoặc thiếu sự chỉ đạo, giám sát và soát xét các công việc được thực hiện trong hợp đồng.

A169. Ngoài việc điều tra (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết đã xác định, doanh nghiệp kiểm toán cũng có thể điều tra (các) nguyên nhân gốc của các kết quả tích cực, vì như vậy có thể chỉ ra những cơ hội để doanh nghiệp kiểm toán hoàn thiện hay nâng cao hơn nữa hệ thống quản lý chất lượng.

Biện pháp xử lý đối với khiếm khuyết đã xác định (hướng dẫn đoạn 42 Chuẩn mực này)

A170. Nội dung, lịch trình và phạm vi của các hành động có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm:

- (1) (Các) nguyên nhân gốc.
- (2) Mức độ nghiêm trọng và tính chất lan tỏa của khiếm khuyết đã xác định, và từ đó, mức độ khẩn cấp cần được xử lý.
- (3) Hiệu quả của các biện pháp khắc phục trong việc xử lý (các) nguyên nhân gốc, như liệu doanh nghiệp kiểm toán có cần thực hiện nhiều hơn một biện pháp khắc phục để xử lý một cách hiệu quả (các) nguyên nhân gốc, hay cần thực hiện các biện pháp tạm thời cho đến khi doanh nghiệp kiểm toán có thể thực hiện các biện pháp khắc phục hiệu quả hơn.

A171. Trong một số trường hợp, hành động khắc phục có thể bao gồm việc thiết lập các mục tiêu chất lượng bổ sung, hoặc các rủi ro chất lượng, hoặc các biện pháp xử lý có thể cần bổ sung, sửa đổi vì chúng được xác định là không còn phù hợp.

A172. Trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán xác định rằng nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định có liên quan đến một nguồn lực được cung cấp bởi một nhà cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp kiểm toán có thể:

- (1) Cân nhắc có nên tiếp tục sử dụng nguồn lực của nhà cung cấp dịch vụ đó hay không.
- (2) Trao đổi vấn đề với nhà cung cấp dịch vụ.

Doanh nghiệp kiểm toán chịu trách nhiệm xử lý ảnh hưởng của khiếm khuyết đã xác định liên quan đến nguồn lực được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ trong hệ thống quản lý chất lượng, và thực hiện các hành động để ngăn chặn khiếm khuyết tái diễn, liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán. Tuy nhiên, doanh nghiệp kiểm toán thông thường không chịu trách nhiệm khắc phục khiếm khuyết đã

xác định thay cho nhà cung cấp dịch vụ, hay điều tra thêm về nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định tại nhà cung cấp dịch vụ.

Những phát hiện về một hợp đồng dịch vụ cụ thể (hướng dẫn đoạn 45 Chuẩn mực này)

A173. Trong trường hợp các thủ tục bị bỏ qua hoặc báo cáo được ban hành không phù hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể thực hiện hành động bao gồm:

- (1) Tham khảo ý kiến của các cá nhân phù hợp về cách khắc phục thích hợp;
- (2) Thảo luận vấn đề với Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị đơn vị được cung cấp dịch vụ;
- (3) Thực hiện các thủ tục còn thiếu.

Các hành động do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện không làm giảm bớt trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán trong việc thực hiện thêm các hành động liên quan đến phát hiện trong bối cảnh của hệ thống quản lý chất lượng, bao gồm đánh giá các phát hiện để xác định khiếm khuyết và khi có khiếm khuyết tồn tại, điều tra các nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã xác định.

Trao đổi liên tục liên quan đến quy trình giám sát và khắc phục (hướng dẫn đoạn 46 Chuẩn mực này)

A174. Các thông tin về quy trình giám sát và khắc phục được trao đổi với (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng có thể được trao đổi thường xuyên hoặc định kỳ. (Các) cá nhân có thể sử dụng thông tin theo nhiều cách, ví dụ:

- (1) Là cơ sở để trao đổi thêm với nhân sự về tầm quan trọng của chất lượng.
- (2) Yêu cầu các cá nhân phải chịu trách nhiệm về những vai trò được phân công.
- (3) Xác định các vấn đề chính về hệ thống quản lý chất lượng một cách kịp thời.

Thông tin này cũng cung cấp cơ sở cho việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và kết luận về hệ thống, theo yêu cầu tại đoạn 53 - 54 Chuẩn mực này.

Yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới (hướng dẫn đoạn 48 Chuẩn mực này)

A175. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể là thành viên của một mạng lưới. Mạng lưới có thể thiết lập các yêu cầu liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán hoặc có thể cung cấp các dịch vụ hoặc nguồn lực mà doanh nghiệp kiểm toán có thể

lựa chọn để thực hiện hoặc sử dụng trong việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng của mình. Các yêu cầu hoặc dịch vụ như vậy có thể nhằm đẩy mạnh việc thực hiện nhất quán của các hợp đồng dịch vụ có chất lượng giữa các doanh nghiệp kiểm toán trong cùng mạng lưới. Mức độ mà mạng lưới sẽ cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán các mục tiêu chất lượng, các rủi ro chất lượng và các biện pháp xử lý phổ biến trên toàn mạng lưới sẽ phụ thuộc vào các thỏa thuận của doanh nghiệp kiểm toán với mạng lưới.

Ví dụ về các yêu cầu của mạng lưới

- (1) Các yêu cầu đối với doanh nghiệp kiểm toán phải đưa vào hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán các mục tiêu chất lượng hoặc rủi ro chất lượng bổ sung mà *các mục tiêu và rủi ro này là phổ biến* tại các doanh nghiệp mạng lưới.
- (2) Các yêu cầu đối với doanh nghiệp kiểm toán phải đưa vào hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán các biện pháp xử lý mà *các biện pháp này là phổ biến* tại các doanh nghiệp mạng lưới. Các biện pháp xử lý do mạng lưới thiết kế có thể bao gồm các chính sách hoặc thủ tục áp dụng toàn mạng lưới quy định rõ vai trò và trách nhiệm của lãnh đạo, bao gồm cả cách thức dự kiến phân công quyền hạn và trách nhiệm trong doanh nghiệp kiểm toán, hoặc các nguồn lực, như các phương pháp do mạng lưới phát triển để thực hiện các hợp đồng hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin.
- (3) Các yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải chịu các hoạt động giám sát của mạng lưới. Các hoạt động giám sát này có thể liên quan đến các yêu cầu của mạng lưới (ví dụ, giám sát việc doanh nghiệp kiểm toán đã triển khai phương pháp luận của mạng lưới một cách phù hợp), hoặc liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán nói chung.

Ví dụ về các dịch vụ của mạng lưới

- (1) Các dịch vụ hoặc nguồn lực doanh nghiệp kiểm toán có thể lựa chọn sử dụng cho hệ thống quản lý chất lượng của mình hoặc cho việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ, như các chương trình đào tạo tự nguyện, sử dụng kiểm toán viên đơn vị thành viên hoặc chuyên gia trong nội bộ mạng lưới, hoặc sử dụng trung tâm cung cấp dịch vụ được thành lập ở cấp độ toàn mạng lưới, hoặc bởi một doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới hoặc nhóm các doanh nghiệp trong cùng mạng lưới.

A176. Mạng lưới có thể quy định trách nhiệm đối với doanh nghiệp kiểm toán trong việc thực hiện các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới.

Ví dụ về các trách nhiệm đối với doanh nghiệp kiểm toán trong việc thực hiện các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới

- (1) Doanh nghiệp kiểm toán phải có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và quy trình công nghệ thông tin nhất định để hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin do mạng lưới cung cấp mà doanh nghiệp kiểm toán sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng.
- (2) Doanh nghiệp kiểm toán phải thực hiện đào tạo toàn doanh nghiệp về phương pháp luận do mạng lưới cung cấp, bao gồm cả việc cập nhật phương pháp luận khi phát sinh.

A177. Doanh nghiệp kiểm toán có thể tìm hiểu về các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới cũng như về trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán liên quan đến việc triển khai chúng thông qua việc yêu cầu hoặc nhận tài liệu do mạng lưới cung cấp về các vấn đề như:

- (1) Quản trị và lãnh đạo của mạng lưới.
- (2) Các thủ tục do mạng lưới thực hiện trong việc thiết kế, triển khai và (khi thích hợp) vận hành các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới.
- (3) Cách mạng lưới xác định và xử lý với những thay đổi ảnh hưởng đến yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới hoặc các thông tin khác, như những thay đổi trong chuẩn mực nghề nghiệp hoặc thông tin chỉ ra sự khiếm khuyết trong các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới.

Cách mạng lưới giám sát sự phù hợp của các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới, có thể bao gồm việc thông qua các hoạt động giám sát của doanh nghiệp mạng lưới và các quy trình của mạng lưới để khắc phục các khiếm khuyết đã được xác định.

Yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 49 Chuẩn mực này)

A178. Đặc điểm của các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới là điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện hành động trong việc xác định và đánh giá rủi ro chất lượng.

Ví dụ về yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới làm phát sinh rủi ro chất lượng

Mạng lưới có thể yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán sử dụng một ứng dụng công nghệ thông tin để chấp nhận và duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể được tiêu chuẩn hóa trên toàn mạng lưới. Điều này có thể làm phát sinh rủi ro chất lượng khi ứng dụng công nghệ thông tin không giải quyết được các vấn đề theo pháp luật hoặc các quy định nước sở tại mà doanh nghiệp kiểm toán cần phải xem xét

trong việc chấp nhận và duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể.

- A179. Mục đích của các yêu cầu của cầu mạng lưới có thể bao gồm thúc đẩy việc thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ có chất lượng ở các doanh nghiệp mạng lưới. Doanh nghiệp kiểm toán có thể được kỳ vọng thực hiện các yêu cầu của mạng lưới, tuy nhiên, doanh nghiệp kiểm toán có thể cần phải điều chỉnh hoặc bổ sung các yêu cầu của mạng lưới cho phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ.

<i>Ví dụ về cách thức các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới có thể cần phải được điều chỉnh hoặc bổ sung</i>	
Yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới	Cách thức doanh nghiệp kiểm toán điều chỉnh hoặc bổ sung yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới
Mạng lưới yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải đưa các rủi ro chất lượng nhất định vào hệ thống quản lý chất lượng, để tất cả các doanh nghiệp trong mạng lưới xử lý các rủi ro chất lượng này.	Là một phần của việc xác định và đánh giá rủi ro chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán đưa các rủi ro chất lượng vào hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của mạng lưới. Doanh nghiệp kiểm toán cũng thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý các rủi ro chất lượng theo yêu cầu của mạng lưới.
Mạng lưới yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện một số biện pháp xử lý nhất định.	Là một phần của việc thiết kế và thực hiện các biện pháp xử lý, doanh nghiệp kiểm toán xác định: (1) Những rủi ro chất lượng mà biện pháp xử lý sẽ giải quyết. (2) Cách thức đưa các biện pháp xử lý theo yêu cầu của mạng lưới vào hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, tùy theo đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán. Điều này có thể bao gồm việc điều chỉnh biện pháp xử lý để phản ánh đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán và các hợp đồng dịch vụ của

	doanh nghiệp kiểm toán (ví dụ, điều chỉnh phương pháp luận để bao gồm các vấn đề liên quan đến pháp luật và các quy định ở nước sở tại).
Doanh nghiệp kiểm toán sử dụng kiểm toán viên của các doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới làm thành viên nhóm kiểm toán đơn vị thành viên. Các yêu cầu của mạng lưới được đưa ra nhằm thúc đẩy mức độ đồng nhất cao trong các hệ thống quản lý chất lượng của các doanh nghiệp mạng lưới. Các yêu cầu của mạng lưới bao gồm các tiêu chí cụ thể áp dụng cho các cá nhân được giao kiểm toán một đơn vị thành viên trong một cuộc kiểm toán tập đoàn.	Doanh nghiệp kiểm toán thiết lập các chính sách hoặc thủ tục yêu cầu nhóm kiểm toán xác nhận với kiểm toán viên đơn vị thành viên (doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới) về việc các cá nhân được phân công đến đơn vị thành viên đáp ứng các tiêu chí cụ thể đặt ra theo các yêu cầu của mạng lưới.

A180. Trong một số trường hợp, khi điều chỉnh hoặc bổ sung các yêu cầu của mạng lưới hoặc các dịch vụ của mạng lưới, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định những cải tiến có thể có đối với các yêu cầu của mạng lưới hoặc các dịch vụ của mạng lưới và có thể thông báo những cải tiến này cho các doanh nghiệp mạng lưới.

Các hoạt động giám sát của mạng lưới về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 50(c) Chuẩn mực này)

A181. Kết quả của các hoạt động giám sát của mạng lưới về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán có thể bao gồm thông tin như sau:

- (1) Một bản mô tả hoạt động giám sát, bao gồm nội dung, lịch trình và phạm vi;
- (2) Các phát hiện, khiếm khuyết và các quan sát khác về hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán (ví dụ: kết quả tích cực hoặc cơ hội cho doanh nghiệp kiểm toán để cải tiến, hoặc nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng); và

- (3) Đánh giá của mạng lưới về (các) nguyên nhân gốc của các khiếm khuyết được phát hiện, ảnh hưởng của các khiếm khuyết đã xác định và các khuyến nghị về hành động khắc phục.

Các hoạt động giám sát do mạng lưới thực hiện đối với các doanh nghiệp mạng lưới (hướng dẫn đoạn 51(b) Chuẩn mực này)

A182. Thông tin từ mạng lưới về kết quả tổng thể của các hoạt động giám sát của mạng lưới được thực hiện đối với hệ thống quản lý chất lượng của các doanh nghiệp mạng lưới có thể là sự tổng hợp hoặc tóm tắt thông tin được mô tả ở đoạn A181 Chuẩn mực này, bao gồm xu hướng và các khu vực thường phát sinh khiếm khuyết, hoặc kết quả tích cực có thể lan tỏa toàn mạng lưới. Những thông tin như vậy có thể:

- (1) Được sử dụng trong doanh nghiệp kiểm toán:
 - Trong việc xác định và đánh giá rủi ro chất lượng.
 - Là một phần thông tin liên quan khác do doanh nghiệp kiểm toán xem xét trong việc xác định có tồn tại các khiếm khuyết trong các yêu cầu của mạng lưới hoặc các dịch vụ của mạng lưới được doanh nghiệp kiểm toán sử dụng trong hệ thống quản lý chất lượng của mình hay không.
- (2) Được trao đổi với các thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán tập đoàn, trong bối cảnh về xem xét năng lực và khả năng của kiểm toán viên đơn vị thành viên từ một doanh nghiệp mạng lưới, phải tuân thủ các yêu cầu chung của mạng lưới (ví dụ, cùng chung mục tiêu chất lượng, rủi ro chất lượng và biện pháp xử lý).

A183. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể thu thập thông tin từ mạng lưới về những khiếm khuyết phát hiện trong hệ thống quản lý chất lượng của một doanh nghiệp mạng lưới mà ảnh hưởng đến doanh nghiệp kiểm toán đó. Mạng lưới cũng có thể thu thập thông tin từ các doanh nghiệp mạng lưới về kết quả của những cuộc kiểm tra từ bên ngoài về hệ thống quản lý chất lượng của các doanh nghiệp mạng lưới. Trong một số trường hợp, pháp luật hoặc các quy định tại những khu vực pháp lý cụ thể có thể không cho phép mạng lưới chia sẻ thông tin với các doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới hoặc hạn chế việc cung cấp chi tiết thông tin đó.

A184. Trong trường hợp mạng lưới không cung cấp thông tin về kết quả tổng thể của hoạt động giám sát của mạng lưới đối với các doanh nghiệp mạng lưới, doanh nghiệp kiểm toán có thể thực hiện thêm các hành động, như:

- (1) Thảo luận vấn đề với mạng lưới;

- (2) Xác định ảnh hưởng đối với các hợp đồng dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán và trao đổi ảnh hưởng đến các thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ.

Các khiếm khuyết trong các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới do doanh nghiệp kiểm toán xác định (hướng dẫn đoạn 52 Chuẩn mực này)

- A185. Vì các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới được doanh nghiệp kiểm toán sử dụng là một phần của hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán, các yêu cầu hoặc dịch vụ này cũng phải tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực này liên quan đến giám sát và khắc phục. Các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới có thể được giám sát bởi mạng lưới, doanh nghiệp kiểm toán, hoặc kết hợp cả hai.

Ví dụ về yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới được giám sát bởi cả mạng lưới và doanh nghiệp kiểm toán

Mạng lưới có thể thực hiện các hoạt động giám sát ở từng cấp độ mạng lưới theo phương pháp luận chung. Doanh nghiệp kiểm toán cũng giám sát việc áp dụng phương pháp luận của các thành viên trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thông qua việc kiểm tra thực hiện hợp đồng dịch vụ.

- A186. Khi thiết kế và thực hiện các hành động khắc phục để xử lý ảnh hưởng của khiếm khuyết đã xác định trong các yêu cầu của mạng lưới hoặc dịch vụ của mạng lưới, doanh nghiệp kiểm toán có thể:

- (1) Hiểu các biện pháp khắc phục đã được mạng lưới lên kế hoạch, bao gồm cả việc doanh nghiệp kiểm toán có trách nhiệm nào trong việc thực hiện các biện pháp khắc phục; và
- (2) Xem xét liệu doanh nghiệp kiểm toán có cần thực hiện các biện pháp khắc phục bổ sung để xử lý những khiếm khuyết đã xác định và (các) nguyên nhân gốc có liên quan hay không, chẳng hạn như khi:
 - Mạng lưới không thực hiện những biện pháp khắc phục phù hợp; hoặc
 - Các biện pháp khắc phục của mạng lưới sẽ tốn nhiều thời gian để xử lý hiệu quả khiếm khuyết đã xác định.

Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (hướng dẫn đoạn 53 Chuẩn mực này)

- A187. (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng cho hệ thống quản lý chất lượng có thể được hỗ trợ bởi các cá nhân khác trong việc thực hiện đánh giá. Tuy nhiên, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng cho hệ thống quản lý chất lượng vẫn chịu trách nhiệm và có trách nhiệm giải trình về việc đánh giá.

- A188. Thời điểm tiến hành đánh giá có thể phụ thuộc vào hoàn cảnh của doanh nghiệp kiểm toán, và có thể trùng với ngày kết thúc năm tài chính của doanh nghiệp kiểm toán hoặc thời điểm hoàn thành một chu kỳ giám sát hàng năm.
- A189. Thông tin cung cấp cơ sở cho việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng bao gồm thông tin được trao đổi với (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng cho hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với đoạn 46 Chuẩn mực này.

Các ví dụ về khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp để minh họa cách thông tin cung cấp cơ sở cho việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng có thể được thu thập.

- (1) Trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng có thể tham gia trực tiếp vào việc giám sát và khắc phục, do đó sẽ nhận thức được thông tin hỗ trợ việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng.
- (2) Trong một doanh nghiệp kiểm toán phức tạp, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng có thể cần thiết lập các quy trình để đối chiếu, tóm tắt và trao đổi thông tin cần thiết để đánh giá hệ thống quản lý chất lượng.

Kết luận về hệ thống quản lý chất lượng (hướng dẫn đoạn 54 Chuẩn mực này)

- A190. Trong nội dung của Chuẩn mực này, mục đích hướng tới là hoạt động của hệ thống một cách tổng thể cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý rằng các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng đang đạt được. Để kết luận về hệ thống quản lý chất lượng, cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng, khi sử dụng kết quả của quy trình giám sát và khắc phục, xem xét các điều sau:

- (1) Mức độ nghiêm trọng và tính chất lan tỏa của các khiếm khuyết đã xác định và ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng;
- (2) Doanh nghiệp kiểm toán có thiết kế và thực hiện các biện pháp khắc phục hay không, và các biện pháp khắc phục cho đến thời điểm đánh giá có đạt hiệu quả hay không;
- (3) Ảnh hưởng của khiếm khuyết đã xác định trong hệ thống quản lý chất lượng đã được sửa chữa thích hợp hay chưa, ví dụ như các hành động tiếp theo có được thực hiện theo quy định tại đoạn 45 Chuẩn mực này không.

- A191. Có thể có những trường hợp khi các khiếm khuyết đã xác định là nghiêm trọng (bao gồm cả những khiếm khuyết đã xác định là nghiêm trọng và lan tỏa) đã được khắc phục một cách thích hợp và ảnh hưởng từ các khiếm khuyết này được sửa chữa tại thời điểm đánh giá. Trong trường hợp như vậy, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng có thể kết luận rằng hệ thống quản lý chất lượng cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý về việc đang đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng.
- A192. Một khiếm khuyết đã xác định có thể ảnh hưởng lan tỏa đối với việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng khi, ví dụ:
- (1) Khiếm khuyết đó ảnh hưởng đến một số thành phần hoặc khía cạnh của hệ thống quản lý chất lượng.
 - (2) Khiếm khuyết đó chỉ giới hạn trong một thành phần hoặc khía cạnh cụ thể của hệ thống quản lý chất lượng, nhưng lại là nền tảng cơ sở của hệ thống quản lý chất lượng.
 - (3) Khiếm khuyết đó ảnh hưởng đến nhiều đơn vị kinh doanh hoặc vị trí địa lý của doanh nghiệp kiểm toán.
 - (4) Khiếm khuyết đó chỉ trong một đơn vị kinh doanh hoặc một cơ sở địa lý của doanh nghiệp kiểm toán, nhưng đơn vị kinh doanh hoặc vị trí bị ảnh hưởng đó là nền tảng của toàn doanh nghiệp kiểm toán.
 - (5) Khiếm khuyết đó ảnh hưởng đến một phần đáng kể của các hợp đồng dịch vụ cùng loại hoặc cùng đặc điểm.

Ví dụ về một khiếm khuyết đã xác định có thể coi là nghiêm trọng nhưng không lan tỏa

Doanh nghiệp kiểm toán phát hiện một khiếm khuyết tại một văn phòng tại khu vực nhỏ của doanh nghiệp kiểm toán. Khiếm khuyết này được xác định liên quan đến hành vi không tuân thủ các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán. Doanh nghiệp kiểm toán xác định rằng văn hóa tại văn phòng khu vực, đặc biệt là các hành động và cách ứng xử của lãnh đạo trong văn phòng khu vực vốn quá chú trọng vào các ưu tiên về tài chính, đã góp phần vào nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã phát hiện. Doanh nghiệp kiểm toán xác định ảnh hưởng của khiếm khuyết đã phát hiện là:

- (1) Nghiêm trọng, vì liên quan đến văn hóa của văn phòng khu vực và sự tuân thủ tổng thể đối với các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán; và
- (2) Không lan tỏa, vì nó chỉ giới hạn ở văn phòng khu vực nhỏ.

A193. (Các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng có thể kết luận rằng hệ thống quản lý chất lượng không cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý về việc đang đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng, trong các trường hợp khi các khiếm khuyết đã xác định là nghiêm trọng và lan tỏa, các hành động được thực hiện để khắc phục những khiếm khuyết đã xác định là không thích hợp, và ảnh hưởng của những khiếm khuyết đã xác định chưa được sửa chữa một cách thích hợp.

Ví dụ về một khiếm khuyết đã xác định có thể được coi là nghiêm trọng và lan tỏa

Doanh nghiệp kiểm toán phát hiện một khiếm khuyết tại văn phòng khu vực, đây là văn phòng lớn nhất của doanh nghiệp kiểm toán và cung cấp hỗ trợ tài chính, hoạt động và kỹ thuật cho toàn bộ khu vực. Khiếm khuyết đã xác định liên quan đến hành vi không tuân thủ các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán. Doanh nghiệp kiểm toán xác định rằng văn hóa tại văn phòng khu vực, đặc biệt là các hành động và cách ứng xử của lãnh đạo trong văn phòng khu vực vốn quá tập trung vào các ưu tiên về tài chính, đã góp phần vào nguyên nhân gốc của khiếm khuyết đã phát hiện. Doanh nghiệp kiểm toán xác định rằng ảnh hưởng của khiếm khuyết đã phát hiện là:

- (1) Nghiêm trọng, vì liên quan đến văn hóa của văn phòng khu vực và sự tuân thủ tổng thể đối với các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán; và
- (2) Lan tỏa, vì văn phòng khu vực là văn phòng lớn nhất và cung cấp sự hỗ trợ cho nhiều văn phòng khác và hành vi không tuân thủ các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể có ảnh hưởng rộng hơn đến các văn phòng khác.

A194. Doanh nghiệp kiểm toán có thể tốn thời gian để khắc phục các khiếm khuyết trong kiểm soát đã xác định là nghiêm trọng và lan tỏa. Khi doanh nghiệp kiểm toán tiếp tục thực hiện các hành động để khắc phục các khiếm khuyết đã xác định, tính chất lan tỏa của các khiếm khuyết đã xác định có thể giảm đi và có thể xác định rằng các khiếm khuyết đã xác định vẫn còn nghiêm trọng, nhưng không còn nghiêm trọng và lan tỏa. Trong những trường hợp như vậy, (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng có thể kết luận rằng, ngoại trừ các vấn đề liên quan đến những khiếm khuyết đã xác định có ảnh hưởng nghiêm trọng nhưng không lan tỏa đến việc thiết kế, thực hiện và vận hành của hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng cung cấp cho doanh nghiệp

kiểm toán một sự đảm bảo hợp lý về việc đang đạt được các mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng.

- A195. Chuẩn mực này không yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải có báo cáo dịch vụ đảm bảo độc lập về hệ thống quản lý chất lượng của mình hoặc ngăn cản doanh nghiệp kiểm toán làm như vậy.

Hành động kịp thời và thích hợp và các trao đổi tiếp theo (hướng dẫn đoạn 55 Chuẩn mực này)

- A196. Trong trường hợp (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng đạt được kết luận được mô tả trong đoạn 54 (b) hoặc 54 (c) Chuẩn mực này, doanh nghiệp kiểm toán có thể thực hiện hành động kịp thời và thích hợp bao gồm:

- (1) Thực hiện các biện pháp để hỗ trợ việc thực hiện hợp đồng dịch vụ thông qua việc phân công thêm nguồn lực hoặc xây dựng thêm hướng dẫn và xác nhận rằng các báo cáo do doanh nghiệp kiểm toán phát hành là phù hợp trong mọi tình huống, cho đến khi khiếm khuyết đã xác định được khắc phục và thông báo các biện pháp đó cho nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- (2) Tham khảo ý kiến tư vấn pháp luật.

- A197. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể có một bộ phận độc lập và có quyền giám sát không điều hành đối với doanh nghiệp kiểm toán. Trong những trường hợp như vậy, thông tin trao đổi có thể bao gồm việc thông báo cho cơ quan quản lý độc lập.

A198. *Ví dụ về các trường hợp có thể thích hợp để doanh nghiệp kiểm toán trao đổi với các đối tượng bên ngoài về việc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng*

- (1) Khi doanh nghiệp kiểm toán thuộc một mạng lưới.
- (2) Khi các doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới sử dụng công việc do doanh nghiệp kiểm toán đó thực hiện, ví dụ, trong trường hợp kiểm toán tập đoàn.
- (3) Khi một báo cáo do doanh nghiệp kiểm toán phát hành được doanh nghiệp kiểm toán xác định là không phù hợp do thất bại của hệ thống quản lý chất lượng, và Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị của đơn vị cần được thông báo.
- (4) Khi pháp luật hoặc các quy định yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải thông báo với cơ quan giám sát hoặc cơ quan quản lý.

Đánh giá thực hiện công việc (hướng dẫn đoạn 56 Chuẩn mực này)

A199. Đánh giá thực hiện công việc định kỳ thúc đẩy trách nhiệm giải trình. Khi xem xét hiệu quả công việc của một cá nhân, doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét:

- (1) Kết quả của các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán đối với các khía cạnh của hệ thống quản lý chất lượng có liên quan đến trách nhiệm của cá nhân đó. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp kiểm toán có thể đặt ra các mục tiêu cho cá nhân và đo lường kết quả của các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán dựa trên các mục tiêu đó.
- (2) Các hành động do cá nhân thực hiện để giải quyết các khiếm khuyết đã xác định có liên quan đến trách nhiệm của cá nhân đó, bao gồm cả tính kịp thời và hiệu quả của các hành động đó.

Các ví dụ về khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp để minh họa cách thức doanh nghiệp kiểm toán có thể thực hiện các đánh giá thực hiện công việc

- (1) Trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, doanh nghiệp kiểm toán có thể thuê một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện đánh giá, hoặc kết quả của các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán đó có thể cung cấp dấu hiệu về hiệu quả hoạt động của cá nhân đó.
- (2) Trong một doanh nghiệp kiểm toán phức tạp, việc đánh giá thực hiện công việc có thể do một thành viên độc lập thực hiện không phải là thành viên điều hành của doanh nghiệp kiểm toán hoặc một ủy ban đặc biệt được giám sát bởi cơ quan quản lý của doanh nghiệp kiểm toán.

A200. Việc đánh giá thực hiện công việc tích cực có thể được khen thưởng thông qua việc trả thưởng, thăng chức và các biện pháp khuyến khích khác mà tập trung vào cam kết của cá nhân đối với chất lượng và củng cố trách nhiệm giải trình. Mặt khác, doanh nghiệp kiểm toán có thể thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý việc đánh giá thực hiện công việc tiêu cực có thể ảnh hưởng đến việc doanh nghiệp kiểm toán đạt được các mục tiêu chất lượng.

Các lưu ý khi cung cấp dịch vụ cho đơn vị trong lĩnh vực công

A201. Trong trường hợp *cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong lĩnh vực công, doanh nghiệp kiểm toán* có thể không thực hiện được việc đánh giá thực hiện công việc của (các) cá nhân được phân công trách nhiệm cao nhất và trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hệ thống quản lý chất lượng, hoặc thực hiện các hành động để xử lý các kết quả của việc đánh giá thực hiện công việc, do đặc điểm của việc bổ nhiệm cá nhân. Tuy nhiên, việc đánh giá thực hiện công việc vẫn có thể được thực hiện đối với các

cá nhân khác trong doanh nghiệp kiểm toán được phân công trách nhiệm vận hành đối với các khía cạnh của hệ thống quản lý chất lượng.

Tài liệu, hồ sơ (hướng dẫn đoạn 57 - 59 Chuẩn mực này)

A202. Tài liệu, hồ sơ cung cấp bằng chứng cho thấy doanh nghiệp kiểm toán tuân thủ Chuẩn mực này, cũng như tuân thủ pháp luật và các quy định hoặc chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan. Tài liệu, hồ sơ đó cũng có thể hữu ích cho việc đào tạo nhân sự và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, đảm bảo duy trì kiến thức của tổ chức và cung cấp cơ sở lịch sử cho các quyết định của doanh nghiệp kiểm toán về hệ thống quản lý chất lượng của mình. Doanh nghiệp kiểm toán không cần thiết, cũng như không thể ghi lại mọi vấn đề được xem xét hoặc đánh giá về hệ thống quản lý chất lượng của mình. Hơn nữa, doanh nghiệp kiểm toán có thể chứng minh việc tuân thủ Chuẩn mực này thông qua thành phần thông tin và trao đổi thông tin, tài liệu hoặc các văn bản khác, hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin gắn liền với các thành phần của hệ thống quản lý chất lượng.

A203. Tài liệu, hồ sơ có thể ở dạng sổ tay, danh sách kiểm tra và biểu mẫu bằng văn bản, có thể lập không chính thức (ví dụ, trao đổi qua e - mail hoặc đăng trên các trang thông tin điện tử), hoặc có thể được lưu trữ trong các ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các hình thức kỹ thuật số khác (ví dụ, trong cơ sở dữ liệu). Các yếu tố có thể ảnh hưởng đến các xét đoán của doanh nghiệp kiểm toán về hình thức, nội dung và phạm vi của tài liệu, hồ sơ, bao gồm tần suất cập nhật tài liệu, hồ sơ, có thể bao gồm:

- (1) Mức độ phức tạp của doanh nghiệp kiểm toán và số lượng văn phòng;
- (2) Nội dung và mức độ phức tạp trong cơ cấu tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán;
- (3) Đặc điểm của các hợp đồng dịch vụ mà doanh nghiệp kiểm toán thực hiện và đặc điểm của các đơn vị được thực hiện các hợp đồng dịch vụ;
- (4) Nội dung và mức độ phức tạp của vấn đề được lập tài liệu, hồ sơ, chẳng hạn như liệu nó có liên quan đến một khía cạnh của hệ thống quản lý chất lượng đã thay đổi hoặc một lĩnh vực có rủi ro chất lượng cao, và mức độ phức tạp của các xét đoán liên quan đến vấn đề đó;
- (5) Tần suất và mức độ của các thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng.

Trong một doanh nghiệp kiểm toán ít phức tạp, có thể không cần trao đổi các vấn đề hỗ trợ bằng tài liệu, hồ sơ vì các phương pháp trao đổi không chính thức có thể hiệu quả. Tuy nhiên, một doanh nghiệp kiểm toán ít

phức tạp có thể xác định việc ghi lại những thông tin trao đổi như vậy là phù hợp để cung cấp bằng chứng cho thấy chúng đã xảy ra.

- A204. Trong một số trường hợp, cơ quan giám sát bên ngoài có thể thiết lập các yêu cầu về tài liệu, hồ sơ, ví dụ chính thức hoặc không chính thức, do kết quả của các phát hiện kiểm tra từ bên ngoài. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức liên quan cũng có thể bao gồm các yêu cầu cụ thể về tài liệu, hồ sơ, ví dụ, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) yêu cầu tài liệu, hồ sơ về các vấn đề cụ thể, bao gồm các tình huống nhất định liên quan đến xung đột lợi ích, hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định và tính độc lập.
- A205. Doanh nghiệp kiểm toán không bắt buộc phải ghi chép về việc xem xét mọi điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc thực hiện hay không thực hiện hành động đối với từng mục tiêu chất lượng hoặc từng rủi ro có thể làm phát sinh rủi ro chất lượng. Tuy nhiên, khi ghi chép về các rủi ro chất lượng và cách thức các biện pháp của doanh nghiệp kiểm toán để xử lý rủi ro chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán có thể ghi lại lý do đánh giá rủi ro chất lượng (nghĩa là xem xét sự xuất hiện và ảnh hưởng đến việc đạt được của một hoặc nhiều mục tiêu chất lượng), để hỗ trợ việc thực hiện và vận hành nhất quán các biện pháp xử lý.
- A206. Tài liệu, hồ sơ có thể được cung cấp bởi mạng lưới, các doanh nghiệp khác trong cùng mạng lưới, hoặc các cấu trúc hoặc tổ chức khác trong cùng mạng lưới.

Phụ lục II

*Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2026/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

**CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN VIỆT NAM VỀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SỐ 2**

SOÁT XÉT CHẤT LƯỢNG HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ (VSQM2)

NỘI DUNG

Đoạn

I/ QUY ĐỊNH CHUNG

Phạm vi áp dụng	01 - 04
Hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán và vai trò của việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.....	05 - 09
Cơ sở áp dụng	10 - 11
Mục tiêu	12
Giải thích thuật ngữ	13

II/ NỘI DUNG CHUẨN MỰC

Yêu cầu

Áp dụng và tuân thủ các quy định có liên quan	14 - 16
Việc bổ nhiệm và tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ	17 - 23
Thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.....	24 - 27
Tài liệu, hồ sơ	28 - 30

III/ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

Việc bổ nhiệm và tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ	A1 - A24
Thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ	A25 - A49
Tài liệu, hồ sơ	A50 - A53

I/ QUY ĐỊNH CHUNG

Phạm vi áp dụng

01. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 2 quy định và hướng dẫn:
 - (a) Việc bổ nhiệm và tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
 - (b) Trách nhiệm của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ liên quan đến việc thực hiện và lập tài liệu, hồ sơ về việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.
02. Chuẩn mực này áp dụng đối với tất cả các hợp đồng dịch vụ mà phải thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ theo quy định tại đoạn 34 (f) Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1. Chuẩn mực này được xây dựng trên cơ sở doanh nghiệp kiểm toán tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1. Chuẩn mực này phải được đọc cùng với chuẩn mực và các quy định đạo đức nghề nghiệp có liên quan.
03. Việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thực hiện theo Chuẩn mực này là một biện pháp xử lý cụ thể được doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện theo quy định tại đoạn 34 (f) Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1. Việc thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ ở cấp độ hợp đồng dịch vụ do người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thay mặt doanh nghiệp kiểm toán thực hiện.

Khả năng điều chỉnh theo quy mô và sự phức tạp

04. Nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ theo yêu cầu của Chuẩn mực này thay đổi tùy thuộc vào đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ hoặc của đơn vị. Ví dụ, các thủ tục của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể có phạm vi hẹp hơn đối với các hợp đồng dịch vụ mà nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đưa ra ít xét đoán quan trọng.

Hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán và vai trò của việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ

05. Đoạn 26 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1 thiết lập trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán đối với hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán và yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán thiết kế và thực hiện các biện pháp để xử lý các rủi ro chất lượng dựa trên và đáp ứng các lý do cho các đánh giá đã được đưa ra về rủi ro chất lượng. Các biện pháp xử lý cụ thể trong Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1 bao gồm việc thiết lập các chính sách và thủ tục đối với việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ theo Chuẩn mực này.
06. Doanh nghiệp kiểm toán chịu trách nhiệm đối với việc thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng. Theo đoạn 14 Chuẩn mực kiểm

toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1, mục tiêu của doanh nghiệp kiểm toán là thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống quản lý chất lượng đối với các cuộc kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác hoặc dịch vụ liên quan do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện nhằm cung cấp cho doanh nghiệp kiểm toán sự đảm bảo hợp lý rằng:

- (a) Doanh nghiệp kiểm toán và các nhân sự của doanh nghiệp kiểm toán hoàn thành trách nhiệm của mình trong việc tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, các yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng cũng như thực hiện các hợp đồng dịch vụ theo các chuẩn mực và yêu cầu đó;
 - (b) Báo cáo của hợp đồng dịch vụ do doanh nghiệp kiểm toán phát hành là phù hợp với hoàn cảnh cụ thể.
07. Như đã giải thích tại đoạn 15 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1, lợi ích công chúng được đáp ứng bằng việc thực hiện nhất quán các hợp đồng dịch vụ một cách có chất lượng. Chất lượng của các hợp đồng dịch vụ đạt được thông qua việc lập kế hoạch, thực hiện và báo cáo của các hợp đồng dịch vụ này phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp, các yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng. Việc đạt được mục tiêu của các chuẩn mực và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật hoặc các quy định được áp dụng liên quan đến việc thực hiện xét đoán chuyên môn và, tùy theo loại hợp đồng dịch vụ, thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp.
08. Việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là việc đánh giá khách quan các xét đoán quan trọng và các kết luận đã đạt được của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ. Việc đánh giá của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ về các xét đoán quan trọng được thực hiện trong khuôn khổ các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định được áp dụng. Tuy nhiên, việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ không nhằm mục đích đánh giá xem liệu toàn bộ hợp đồng dịch vụ có tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định được áp dụng, hoặc với các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán hay không.
09. Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ không phải là thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ. Việc thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ không làm thay đổi trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đối với việc quản lý và đạt được chất lượng hợp đồng dịch vụ, hoặc đối với việc chỉ đạo và giám sát các thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và việc soát xét công việc của thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ. Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ không bắt buộc phải thu thập bằng chứng để hỗ trợ cho việc đưa ra ý kiến hoặc kết luận về hợp đồng dịch vụ, nhưng nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể thu thập thêm bằng chứng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

Cơ sở áp dụng

10. Chuẩn mực kiểm toán về quản lý chất lượng này bao gồm mục tiêu của doanh nghiệp kiểm toán khi tuân thủ Chuẩn mực này và các yêu cầu được thiết kế để giúp doanh nghiệp kiểm toán và người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đạt được mục tiêu đã nêu. Ngoài ra, Chuẩn mực này còn có các hướng dẫn liên quan trong phần hướng dẫn áp dụng cung cấp bối cảnh phù hợp để hiểu đúng về Chuẩn mực này và phần giải thích thuật ngữ. Đoạn 12 và A6-A9 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1 giải thích các mục về mục tiêu, yêu cầu, hướng dẫn áp dụng và giải thích thuật ngữ.
11. *Kiểm toán viên, người thực hiện hợp đồng dịch vụ và doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ các quy định của Chuẩn mực này trong quá trình thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan.*

Đơn vị sử dụng dịch vụ, và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan (bao gồm cả đơn vị được kiểm toán, soát xét, ... nếu không phải là bên sử dụng dịch vụ) phải có những hiểu biết cần thiết về các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực này để phối hợp với kiểm toán viên, người thực hiện hợp đồng dịch vụ và doanh nghiệp kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan.

Mục tiêu

12. Mục tiêu của doanh nghiệp kiểm toán là thực hiện đánh giá khách quan các xét đoán quan trọng và các kết luận đã đạt được của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thông qua việc bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có đủ tư cách hợp lệ.

Giải thích thuật ngữ

13. Trong Chuẩn mực này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- (a) Việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ: Là việc đánh giá khách quan các xét đoán quan trọng và các kết luận đã đạt được của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, do người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thực hiện và được hoàn thành vào ngày hoặc trước ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ;
 - (b) Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ: Là thành viên Ban Giám đốc, cá nhân khác trong doanh nghiệp kiểm toán hoặc một cá nhân từ bên ngoài được doanh nghiệp kiểm toán bổ nhiệm để thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
 - (c) Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan: Là các nguyên tắc về đạo đức nghề nghiệp và các quy định về đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp khi thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan thường bao gồm

các quy định trong Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) liên quan đến dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính, hoặc dịch vụ đảm bảo khác cùng với các quy định pháp luật có liên quan yêu cầu cao hơn (xem hướng dẫn tại đoạn A12 - A15 Chuẩn mực này).

II/ NỘI DUNG CHUẨN MỰC

Yêu cầu

Áp dụng và tuân thủ các quy định có liên quan

14. Doanh nghiệp kiểm toán và người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải hiểu về Chuẩn mực này, bao gồm hướng dẫn áp dụng, để hiểu mục tiêu của Chuẩn mực này và áp dụng đúng các quy định có liên quan.
15. Doanh nghiệp kiểm toán hoặc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (nếu có), phải tuân thủ từng yêu cầu của Chuẩn mực này, trừ khi yêu cầu đó không phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ.
16. Việc áp dụng đúng các quy định được kỳ vọng sẽ cung cấp đủ cơ sở để đạt được mục tiêu của Chuẩn mực này. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp kiểm toán hoặc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ xác định rằng việc áp dụng các quy định có liên quan không cung cấp đủ cơ sở để đạt được mục tiêu của Chuẩn mực này, thì doanh nghiệp kiểm toán hoặc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (nếu có), phải thực hiện bổ sung các hành động tiếp theo để đạt được mục tiêu.

Việc bổ nhiệm và tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ

17. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục yêu cầu phân công trách nhiệm về việc bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cho (các) cá nhân có năng lực, khả năng và thẩm quyền thích hợp trong doanh nghiệp kiểm toán để hoàn thành trách nhiệm này. Các chính sách hoặc thủ tục này phải yêu cầu (các) cá nhân đó bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A1 - A3 Chuẩn mực này).
18. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục đưa ra các tiêu chí về tư cách hợp lệ để được bổ nhiệm là người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Các chính sách hoặc thủ tục đó phải yêu cầu người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ không phải là thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và (xem hướng dẫn tại đoạn A4 Chuẩn mực này):
 - (a) Có năng lực và khả năng, bao gồm có đủ thời gian và thẩm quyền thích hợp để thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A5 - A11 Chuẩn mực này);
 - (b) Tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, bao gồm các quy định liên quan đến các nguy cơ ảnh hưởng đến

- tính khách quan và tính độc lập của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A12 - A15 Chuẩn mực này);
- (c) Tuân thủ pháp luật và các quy định (nếu có), liên quan đến tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A16 Chuẩn mực này).
19. Các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán được thiết lập theo quy định tại đoạn 18(b) Chuẩn mực này cũng phải xử lý các nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan do một cá nhân được bổ nhiệm làm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ sau khi đã từng là thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ. Các chính sách hoặc thủ tục đó phải quy định khoảng thời gian ngừng tối thiểu là hai năm trước khi thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ có thể đảm nhận vai trò người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A17 - A18 Chuẩn mực này).
20. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục đưa ra các tiêu chí về tư cách hợp lệ của các cá nhân hỗ trợ người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Các chính sách hoặc thủ tục này phải yêu cầu các cá nhân đó không phải là thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và:
- (a) Có năng lực chuyên môn và khả năng, bao gồm việc có đủ thời gian để thực hiện các nhiệm vụ được giao (xem hướng dẫn tại đoạn A19 Chuẩn mực này);
- (b) Tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, bao gồm các quy định liên quan đến các nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan và tính độc lập của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ và tuân thủ pháp luật và các quy định, nếu có (xem hướng dẫn tại đoạn A20 - A21 Chuẩn mực này).
21. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục:
- (a) Yêu cầu người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ chịu trách nhiệm tổng thể đối với việc thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
- (b) Làm rõ trách nhiệm của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ trong việc xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của việc chỉ đạo và giám sát các cá nhân hỗ trợ công việc soát xét và việc soát xét công việc của các cá nhân này (xem hướng dẫn tại đoạn A22 Chuẩn mực này).

Sự suy giảm tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ khi thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ

22. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục để xử lý các trường hợp, khi người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ bị suy giảm tư cách hợp lệ để thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ và đưa ra các hành động thích hợp mà doanh nghiệp kiểm toán phải thực

hiện, bao gồm quy trình xác định và bổ nhiệm người thay thế trong những trường hợp đó (xem hướng dẫn tại đoạn A23 Chuẩn mực này).

23. Khi người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ nhận thấy các trường hợp làm ảnh hưởng đến tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải thông báo cho (các) cá nhân thích hợp trong doanh nghiệp kiểm toán và (xem hướng dẫn tại đoạn A24 Chuẩn mực này):
 - (a) Phải từ chối việc bổ nhiệm thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ nếu việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ chưa bắt đầu hoặc
 - (b) Phải dừng thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ nếu việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đã bắt đầu.

Thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ

24. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục liên quan đến việc thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ mà các chính sách và thủ tục này đề cập đến:
 - (a) Trách nhiệm của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là thực hiện các thủ tục theo quy định tại đoạn 25 - 26 Chuẩn mực này vào các thời điểm thích hợp trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ để cung cấp cơ sở thích hợp cho việc đánh giá khách quan các xét đoán quan trọng và các kết luận đạt được của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ;
 - (b) Trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đối với việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, bao gồm cả việc thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ không được xác định trước ngày và ghi ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ đến khi nhận được thông báo việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đã được hoàn thành từ người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ theo quy định tại đoạn 27 Chuẩn mực này (xem hướng dẫn tại đoạn A25 - A26 Chuẩn mực này);
 - (c) Các trường hợp khi nội dung và phạm vi các cuộc thảo luận giữa nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ với người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ về một xét đoán quan trọng dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, các hành động thích hợp cần thực hiện trong các trường hợp này (xem hướng dẫn tại đoạn A27 Chuẩn mực này).
25. Khi thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải (xem hướng dẫn tại đoạn A28 - A33 Chuẩn mực này):
 - (a) Đọc và tìm hiểu thông tin được trao đổi bởi (xem hướng dẫn tại đoạn A34 Chuẩn mực này):

- (i) Nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ về đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ và của đơn vị;
 - (ii) Doanh nghiệp kiểm toán liên quan đến quy trình giám sát và khắc phục của doanh nghiệp kiểm toán, cụ thể là những khiếm khuyết đã được xác định có thể liên quan hoặc ảnh hưởng đến các khu vực có xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ;
- (b) Thảo luận với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ và các thành viên khác của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ (khi thích hợp) về các vấn đề quan trọng và các xét đoán quan trọng được đưa ra trong việc lập kế hoạch, thực hiện và báo cáo của hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A35 - A38 Chuẩn mực này);
- (c) Dựa trên thông tin thu thập được từ việc thực hiện công việc tại mục (a) và (b) nêu trên, soát xét tài liệu được lựa chọn trong hồ sơ hợp đồng dịch vụ liên quan đến các xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và đánh giá (xem hướng dẫn tại đoạn A39 - A43 Chuẩn mực này):
- (i) Cơ sở để thực hiện các xét đoán quan trọng, bao gồm, tùy theo loại hợp đồng dịch vụ, việc nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp;
 - (ii) Liệu tài liệu, hồ sơ của hợp đồng dịch vụ có hỗ trợ cho các kết luận đã đạt được hay không;
 - (iii) Liệu các kết luận đạt được có thích hợp hay không;
- (d) Đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá cơ sở để thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán xác định rằng chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan đến tính độc lập đã được tuân thủ đầy đủ hay chưa (xem hướng dẫn tại đoạn A44 Chuẩn mực này);
- (e) Đánh giá liệu việc tham khảo ý kiến tư vấn thích hợp đã được thực hiện với các vấn đề phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi hoặc các vấn đề liên quan đến sự khác biệt về quan điểm và kết luận phát sinh từ việc tham khảo ý kiến tư vấn đó đã được thực hiện hay chưa (xem hướng dẫn tại đoạn A45 Chuẩn mực này);
- (f) Đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá cơ sở để thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán xác định rằng sự tham gia của mình là đầy đủ và thích hợp trong suốt cuộc kiểm toán để thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán có cơ sở xác định rằng các xét đoán quan trọng đã được đưa ra và kết luận đã đạt được là phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của cuộc kiểm toán (xem hướng dẫn tại đoạn A46 Chuẩn mực này);
- (g) Soát xét:

- (i) Đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính: Bộ báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán, bao gồm đoạn mô tả các vấn đề kiểm toán quan trọng (nếu có) (xem hướng dẫn tại đoạn A47 Chuẩn mực này);
 - (ii) Đối với các cuộc soát xét báo cáo tài chính hoặc thông tin tài chính: Báo cáo soát xét về *báo cáo tài chính hoặc thông tin tài chính đó*; hoặc (xem hướng dẫn tại đoạn A47 Chuẩn mực này)
 - (iii) Đối với các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác và các dịch vụ liên quan: Báo cáo của hợp đồng dịch vụ và thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo, khi thích hợp (xem hướng dẫn tại đoạn A48 Chuẩn mực này).
26. Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải thông báo cho thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ nếu người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ lo ngại rằng các xét đoán quan trọng hoặc các kết luận đạt được của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ là không thích hợp. Nếu những lo ngại đó không được giải quyết một cách thỏa đáng thì người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải thông báo cho (các) cá nhân phù hợp trong doanh nghiệp kiểm toán rằng việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ không thể hoàn thành (xem hướng dẫn tại đoạn A49 Chuẩn mực này).

Hoàn thành việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ

27. Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải xác định xem liệu các yêu cầu trong Chuẩn mực này đối với việc thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đã được tuân thủ đầy đủ hay chưa và liệu việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đã được hoàn thành hay chưa. Nếu vậy, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải thông báo cho thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ rằng việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đã hoàn thành.

Tài liệu, hồ sơ

28. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục yêu cầu người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải chịu trách nhiệm về việc lập tài liệu, hồ sơ soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (xem hướng dẫn tại đoạn A50 Chuẩn mực này).
29. Doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục yêu cầu lập tài liệu, hồ sơ về việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ theo quy định tại đoạn 30 Chuẩn mực này và các tài liệu, hồ sơ đó phải được bao gồm trong tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ.
30. Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải xác định rằng tài liệu, hồ sơ về việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là đầy đủ để hỗ trợ người hành nghề có kinh nghiệm, mà không có mối liên hệ nào trước đó với hợp đồng dịch vụ, hiểu được nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục do

người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, cũng như các cá nhân hỗ trợ người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (nếu có) đã thực hiện, và kết luận đạt được khi thực hiện việc soát xét. Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cũng phải xác định rằng tài liệu, hồ sơ về việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ bao gồm (xem hướng dẫn tại đoạn A51 - A53 Chuẩn mực này):

- (a) Tên của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ và các cá nhân đã hỗ trợ việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
- (b) Xác định tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ đã được soát xét;
- (c) Cơ sở cho việc xác định của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ theo đoạn 27 Chuẩn mực này;
- (d) Các thông báo cần thiết theo đoạn 26 và 27 Chuẩn mực này;
- (e) Ngày hoàn thành việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

III/ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

Việc bổ nhiệm và tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ

Phân công trách nhiệm đối với việc bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 17 Chuẩn mực này)

A1. Năng lực và khả năng liên quan đến khả năng hoàn thành trách nhiệm của một cá nhân đối với việc bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể bao gồm kiến thức thích hợp về:

- (1) Trách nhiệm của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
- (2) Các tiêu chí quy định tại đoạn 18 và 19 Chuẩn mực này về tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
- (3) Đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ hoặc của đơn vị là đối tượng của việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, bao gồm cơ cấu các thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ.

A2. Đối với hợp đồng phải được soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể quy định cụ thể cá nhân chịu trách nhiệm bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ không phải là thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định (ví dụ, trong trường hợp một doanh nghiệp kiểm toán nhỏ) có thể không thực hiện được việc để một cá nhân không phải là thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

A3. Doanh nghiệp kiểm toán có thể phân công cho nhiều hơn một cá nhân chịu trách nhiệm bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể quy định cụ thể một quy trình riêng đối với việc bổ nhiệm người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán cho các đơn vị niêm yết khác với các cuộc kiểm toán cho

các đơn vị không niêm yết hoặc các hợp đồng dịch vụ khác, với các cá nhân khác nhau chịu trách nhiệm cho mỗi quy trình.

Tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 18 Chuẩn mực này)

A4. Trong một số trường hợp, ví dụ, đối với một doanh nghiệp kiểm toán nhỏ, có thể không có thành viên Ban Giám đốc hoặc cá nhân khác trong doanh nghiệp kiểm toán có tư cách hợp lệ để thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Trong những trường hợp này, doanh nghiệp kiểm toán có thể ký hợp đồng với hoặc sử dụng dịch vụ của các cá nhân bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Cá nhân bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán có thể là thành viên Ban Giám đốc hoặc nhân viên của một doanh nghiệp mạng lưới, một cấu trúc hoặc tổ chức thuộc mạng lưới của doanh nghiệp kiểm toán hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Khi sử dụng cá nhân như vậy, *doanh nghiệp kiểm toán* áp dụng các quy định trong Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1 đề cập đến các yêu cầu của mạng lưới, dịch vụ của mạng lưới hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Tiêu chí về tư cách hợp lệ đối với người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ

Năng lực và khả năng, bao gồm việc có đủ thời gian (hướng dẫn đoạn 18(a) Chuẩn mực này)

A5. Đoạn A88 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1 mô tả các đặc điểm liên quan đến năng lực, bao gồm việc tích hợp và áp dụng năng lực kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp, các giá trị và thái độ. Các vấn đề mà doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét khi xác định một cá nhân có đủ năng lực cần thiết để thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ bao gồm, ví dụ:

- (1) Hiểu biết về các chuẩn mực nghề nghiệp, yêu cầu của pháp luật và các quy định được áp dụng cũng như các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán liên quan đến hợp đồng dịch vụ;
- (2) Kiến thức về ngành nghề của đơn vị;
- (3) Hiểu biết và kinh nghiệm liên quan đến hợp đồng dịch vụ có đặc điểm và mức độ phức tạp tương tự;
- (4) Hiểu biết về trách nhiệm của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ trong việc thực hiện và lập tài liệu, hồ sơ soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, có thể đạt được hoặc nâng cao bằng cách tham gia các khóa đào tạo liên quan tại doanh nghiệp kiểm toán.

A6. Các điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh, việc hành động hay không hành động được doanh nghiệp kiểm toán xem xét để xác định rằng việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là một biện pháp thích hợp để xử lý một hoặc nhiều rủi ro chất lượng (xem đoạn A134 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về quản lý chất lượng số 1) có thể là một xem xét quan trọng khi doanh

ngành kiểm toán xác định năng lực và khả năng cần thiết để thực hiện việc soát xét chất lượng đối với hợp đồng dịch vụ đó. Các xem xét khác mà doanh nghiệp kiểm toán có thể tính đến khi xác định xem liệu người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có đủ năng lực và khả năng, bao gồm thời gian cần thiết để đánh giá các xét đoán quan trọng do nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thực hiện và các kết luận đạt được dựa trên các xét đoán đó bao gồm, ví dụ:

- (1) Đặc điểm của đơn vị;
- (2) Tính chuyên môn và mức độ phức tạp của ngành nghề hoặc môi trường pháp lý mà đơn vị hoạt động;
- (3) Mức độ liên quan của hợp đồng dịch vụ đến các vấn đề đòi hỏi kiến thức chuyên môn chuyên ngành (ví dụ: liên quan đến công nghệ thông tin hoặc các lĩnh vực chuyên ngành của kế toán hoặc kiểm toán) hoặc chuyên môn về khoa học và kỹ thuật, khi có thể cần thiết cho một số hợp đồng dịch vụ đảm bảo nhất định. Xem thêm đoạn A19 Chuẩn mực này.

A7. Khi đánh giá năng lực và khả năng của một cá nhân có thể được bổ nhiệm là người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, các phát hiện từ các hoạt động giám sát của doanh nghiệp kiểm toán (ví dụ, các phát hiện từ việc kiểm tra các hợp đồng dịch vụ mà cá nhân đó là thành viên nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc là người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ) hoặc kết quả của các cuộc kiểm tra từ bên ngoài cũng có thể là những cân nhắc phù hợp.

A8. Việc thiếu năng lực và khả năng thích hợp ảnh hưởng đến khả năng của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ trong việc thực hiện xét đoán chuyên môn thích hợp khi thực hiện soát xét. Ví dụ, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thiếu kinh nghiệm trong ngành nghề liên quan có thể không có khả năng hoặc thiếu đi sự tự tin cần thiết để đánh giá và khi thích hợp, phản bác các xét đoán quan trọng và thái độ hoài nghi nghề nghiệp của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ về một vấn đề kế toán hoặc kiểm toán phức tạp theo ngành nghề cụ thể.

Thẩm quyền thích hợp (hướng dẫn đoạn 18(a) Chuẩn mực này)

A9. Các hành động ở cấp độ doanh nghiệp kiểm toán giúp thiết lập thẩm quyền của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, bằng cách tạo ra văn hóa tôn trọng vai trò của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ ít có khả năng gặp áp lực từ thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ hoặc các nhân sự khác dễ bị ảnh hưởng không phù hợp đến kết quả của việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Trong một số trường hợp, thẩm quyền của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể được nâng cao nhờ các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán để xử lý các khác biệt về quan điểm, có thể bao gồm các hành động mà người soát

xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể thực hiện khi xảy ra bất đồng giữa người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ.

A10. Thẩm quyền của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể bị giảm bớt khi:

- (1) Văn hoá của doanh nghiệp kiểm toán khuyến khích tôn trọng thẩm quyền chỉ đối với nhân sự cấp cao trong hệ thống phân cấp của doanh nghiệp kiểm toán;
- (2) Người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải báo cáo cho thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ, ví dụ, khi thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ giữ vị trí lãnh đạo trong doanh nghiệp kiểm toán hoặc chịu trách nhiệm xác định mức thù lao của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

Lưu ý khi thực hiện hợp đồng dịch vụ cho đơn vị trong lĩnh vực công

A11. Trong lĩnh vực công, một kiểm toán viên (ví dụ, Tổng Kiểm toán Nhà nước hoặc cá nhân có đủ năng lực thích hợp khác được bổ nhiệm thay mặt Tổng Kiểm toán Nhà nước) có thể đóng vai trò tương đương như thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ, chịu trách nhiệm tổng thể về hợp đồng dịch vụ cho các đơn vị trong lĩnh vực công. Trong những trường hợp như vậy, việc lựa chọn người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể bao gồm việc xem xét sự cần thiết đối với tính độc lập và khả năng của người soát xét hợp đồng dịch vụ để đưa ra đánh giá khách quan.

Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan (hướng dẫn đoạn 13(c), 18(b) Chuẩn mực này)

A12. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan được áp dụng khi thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ hoặc của đơn vị. Các quy định khác nhau của chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể chỉ áp dụng cho các cá nhân là kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp, ví dụ như người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, và không áp dụng cho chính doanh nghiệp kiểm toán đó.

A13. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể bao gồm các yêu cầu cụ thể về tính độc lập được áp dụng cho các cá nhân là kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp, như người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan cũng có thể bao gồm các quy định nhằm xử lý các nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập phát sinh do mối quan hệ lâu dài với khách hàng của dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ đảm bảo. Việc áp dụng bất kỳ quy định nào như trên liên quan đến mối quan hệ cung cấp dịch vụ nhiều năm cho khách hàng sử dụng dịch vụ đảm bảo là khác với khoảng

thời gian ngừng theo yêu cầu tại đoạn 19 Chuẩn mực này, nhưng có thể sẽ cần cân nhắc khi áp dụng.

Nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ

A14. Các nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể do một loạt các sự kiện và hoàn cảnh tạo ra. Ví dụ:

- (1) Nguy cơ tự kiểm tra có thể phát sinh khi người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ trước đó đã tham gia vào các xét đoán quan trọng do nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thực hiện, đặc biệt với vai trò là thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ hoặc thành viên khác của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ;
- (2) Nguy cơ từ sự quen thuộc hoặc nguy cơ do tư lợi có thể phát sinh khi người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ là thành viên có quan hệ gia đình gần gũi hoặc trực tiếp với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ hoặc với một thành viên khác của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, hoặc thông qua các mối quan hệ cá nhân thân thiết với các thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ;
- (3) Nguy cơ bị đe dọa có thể phát sinh khi người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ bị gây áp lực trong thực tế hoặc nhận thức được việc bị gây áp lực (ví dụ, khi thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ là một cá nhân hung hăng hoặc lấn át người khác, hoặc việc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải báo cáo cho thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ).

A15. Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan có thể bao gồm các quy định và hướng dẫn để xác định, đánh giá và xử lý các nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan. Ví dụ, Mục 325 Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam (bao gồm các yêu cầu về tính độc lập) cung cấp hướng dẫn cụ thể, bao gồm các ví dụ về:

- (1) Các trường hợp có thể tạo ra các nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan khi một kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp được bổ nhiệm là người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
- (2) Các yếu tố liên quan trong việc đánh giá mức độ của các nguy cơ này;
- (3) Các hành động, bao gồm cả các biện pháp bảo vệ, mà có thể xử lý các nguy cơ này.

Pháp luật hoặc các quy định có liên quan đến tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 18(c) Chuẩn mực này)

A16. Pháp luật hoặc các quy định có thể đưa ra các yêu cầu bổ sung liên quan đến tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể sẽ cần phải có các bằng

cấp, chứng chỉ nhất định hoặc được cấp phép để có thể thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

Thời gian ngừng đối với một cá nhân sau khi là thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 19 Chuẩn mực này)

A17. Trong các hợp đồng dịch vụ kỳ tiếp theo, các vấn đề cần có xét đoán quan trọng thường không thay đổi. Do đó, các xét đoán quan trọng đã thực hiện trong các kỳ trước có thể tiếp tục ảnh hưởng đến các xét đoán của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ trong các kỳ tiếp theo. Do đó, khả năng của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ trong việc thực hiện đánh giá đánh giá khách quan đối với các xét đoán quan trọng sẽ bị ảnh hưởng, do trước đó cá nhân này đã tham gia vào các xét đoán quan trọng với vai trò là thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ. Trong những trường hợp như vậy, điều quan trọng là phải áp dụng các biện pháp bảo vệ thích hợp để giảm thiểu các nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan, đặc biệt là nguy cơ tự kiểm tra, xuống mức có thể chấp nhận được. Theo đó, Chuẩn mực này yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải thiết lập các chính sách hoặc thủ tục nhằm quy định cụ thể khoảng thời gian ngừng mà trong thời gian đó, thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ không được bổ nhiệm làm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

A18. Các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán cũng có thể quy định liệu khoảng thời gian ngừng có phù hợp với một cá nhân không phải là thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ hay không, trước khi cá nhân này có tư cách hợp lệ để được bổ nhiệm làm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cho hợp đồng dịch vụ đó. Về vấn đề này, doanh nghiệp kiểm toán có thể xem xét bản chất vai trò cũng như sự tham gia trước đó của cá nhân đối với các xét đoán quan trọng được thực hiện trong hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, doanh nghiệp kiểm toán có thể xác định rằng thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán chịu trách nhiệm về việc thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với thông tin tài chính của một đơn vị thành viên trong cuộc kiểm toán tập đoàn có thể sẽ không có tư cách hợp lệ để được bổ nhiệm làm người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán tập đoàn, vì thành viên Ban Giám đốc đó đã tham gia vào các xét đoán quan trọng ảnh hưởng đến cuộc kiểm toán tập đoàn.

Các trường hợp khi người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ sử dụng người hỗ trợ (hướng dẫn đoạn 20 - 21 Chuẩn mực này)

A19. Trong một số trường hợp nhất định, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể được hỗ trợ bởi một cá nhân hoặc nhóm các cá nhân có chuyên môn liên quan. Ví dụ, những kiến thức, kỹ năng hoặc chuyên môn đặc biệt có thể là hữu ích trong quá trình tìm hiểu các giao dịch nhất định mà đơn vị thực hiện, từ đó nhằm giúp người soát xét chất lượng hợp đồng

dịch vụ đánh giá các xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ liên quan đến các giao dịch đó.

- A20. Hướng dẫn tại đoạn A14 Chuẩn mực này có thể hữu ích cho doanh nghiệp kiểm toán khi thiết lập các chính sách hoặc thủ tục nhằm xử lý các nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan của các cá nhân hỗ trợ người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.
- A21. Khi người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ được hỗ trợ bởi một cá nhân bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán, trách nhiệm của người hỗ trợ đó, bao gồm cả trách nhiệm liên quan đến tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, có thể được quy định trong hợp đồng hoặc các thoả thuận khác giữa doanh nghiệp kiểm toán và người hỗ trợ.
- A22. Các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể bao gồm trách nhiệm của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ để:
- (1) Xem xét liệu những người hỗ trợ có hiểu hướng dẫn của *người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ* hay không; và liệu công việc có đang được thực hiện đúng theo cách tiếp cận đã được lập kế hoạch đối với việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hay không;
 - (2) Xử lý các vấn đề do người hỗ trợ nêu ra, cân nhắc tầm quan trọng của *các vấn đề này* và sửa đổi cách tiếp cận đã được lập kế hoạch một cách thích hợp.

Sự suy giảm tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ khi thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 22 - 23 Chuẩn mực này)

- A23. Các yếu tố có thể phù hợp để doanh nghiệp kiểm toán xem xét liệu tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có bị suy giảm hay không, bao gồm:
- (1) Liệu các thay đổi trong hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ có dẫn đến việc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ không còn đủ năng lực và khả năng thích hợp để thực hiện việc soát xét hay không;
 - (2) Liệu các thay đổi trong các trách nhiệm khác của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có chỉ ra rằng cá nhân đó không có đủ thời gian để thực hiện việc soát xét hay không; hoặc
 - (3) Thông báo từ người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ theo đoạn 23 Chuẩn mực này.
- A24. Trong trường hợp tư cách hợp lệ của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ bị suy giảm, các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể đặt ra một quy trình để xác định các cá nhân khác có tư cách hợp lệ để thay thế. Các chính sách hoặc thủ tục này cũng có thể đề cập đến trách nhiệm của cá nhân được bổ nhiệm thay thế người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ nhằm thực hiện đầy đủ các thủ tục để tuân thủ

các yêu cầu của Chuẩn mực này, liên quan đến việc thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Các chính sách hoặc thủ tục này cũng có thể đề cập thêm sự cần thiết phải tham khảo ý kiến tư vấn trong những trường hợp như vậy.

Thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 24 - 27 Chuẩn mực này)

Trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ đối với việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 24(b) Chuẩn mực này)

A25. Đoạn 36 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 thiết lập các yêu cầu đối với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán trong các cuộc kiểm toán mà việc soát xét chất lượng cuộc kiểm toán là bắt buộc, bao gồm:

- (1) Xác định rằng người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán đã được bổ nhiệm;
- (2) Phối hợp với người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán và thông báo cho các thành viên khác trong nhóm kiểm toán về trách nhiệm của thành viên nhóm kiểm toán để thực hiện việc phối hợp;
- (3) Thảo luận với người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán về các vấn đề quan trọng và các xét đoán quan trọng phát sinh trong suốt cuộc kiểm toán, bao gồm cả những vấn đề được xác định trong quá trình soát xét chất lượng cuộc kiểm toán;
- (4) Không đề ngày lập báo cáo kiểm toán trước khi hoàn thành việc soát xét chất lượng cuộc kiểm toán.

A26. Đoạn 36 Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 cũng thiết lập các yêu cầu đối với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ liên quan đến việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

Các cuộc thảo luận giữa người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ và nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 24(c) Chuẩn mực này)

A27. Việc thảo luận thường xuyên giữa nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể hỗ trợ cho việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hiệu quả và kịp thời. Tuy nhiên, nguy cơ đe dọa đến tính khách quan của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể xảy ra tùy thuộc vào lịch trình và phạm vi các cuộc thảo luận với nhóm thực hiện dịch vụ về các xét đoán quan trọng. Các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể quy định các hành động mà người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hoặc nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ phải thực hiện nhằm tránh các tình huống mà người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ được, hoặc có thể được coi là, đưa ra quyết định thay cho nhóm thực

hiện hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, trong những trường hợp này, doanh nghiệp kiểm toán có thể yêu cầu tham khảo ý kiến tư vấn với các nhân sự có liên quan về các xét đoán quan trọng, theo các chính sách hoặc thủ tục tham khảo ý kiến tư vấn của doanh nghiệp kiểm toán.

Các thủ tục do người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thực hiện (hướng dẫn đoạn 25 - 27 Chuẩn mực này)

- A28. Các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể quy định cụ thể nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục do người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thực hiện và cũng có thể nhấn mạnh tầm quan trọng của việc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thực hiện các xét đoán chuyên môn khi thực hiện công việc soát xét.
- A29. Lịch trình thực hiện các thủ tục của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể tùy thuộc vào đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ hoặc của đơn vị, bao gồm cả nội dung của các vấn đề được soát xét. Việc người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thực hiện soát xét các tài liệu, hồ sơ kịp thời trong tất cả các giai đoạn của hợp đồng dịch vụ (ví dụ, lập kế hoạch, thực hiện và báo cáo) cho phép các vấn đề được giải quyết kịp thời, từ đó sự thỏa đáng của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể đạt được tại ngày, hoặc trước ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể thực hiện các thủ tục liên quan đến chiến lược tổng thể và kế hoạch thực hiện hợp đồng dịch vụ khi hoàn thành giai đoạn lập kế hoạch. Việc thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ một cách kịp thời cũng có thể củng cố việc nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thực hiện các xét đoán chuyên môn, tùy theo loại hợp đồng dịch vụ, thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp của trong việc lập kế hoạch và thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- A30. Nội dung và phạm vi các thủ tục của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đối với một hợp đồng dịch vụ cụ thể có thể phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- (1) Các lý do cho các đánh giá về rủi ro chất lượng theo quy định tại đoạn A49 Chuẩn mực quản lý chất lượng Việt Nam số 1, ví dụ, các hợp đồng dịch vụ được thực hiện cho các đơn vị trong các ngành nghề mới nổi hoặc có các giao dịch phức tạp;
 - (2) Các khiếm khuyết đã xác định và hành động khắc phục để xử lý các khiếm khuyết này, liên quan đến quy trình giám sát, khắc phục và bất kỳ hướng dẫn liên quan nào do doanh nghiệp kiểm toán ban hành, có thể chỉ ra các khu vực mà người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cần thực hiện các thủ tục với phạm vi rộng hơn;
 - (3) Mức độ phức tạp của hợp đồng dịch vụ;
 - (4) Đặc điểm và quy mô của đơn vị, bao gồm đơn vị đó có phải là một tổ chức niêm yết, *tổ chức đăng ký giao dịch* hay không;

- (5) Các phát hiện liên quan đến hợp đồng dịch vụ, như kết quả của các cuộc kiểm tra do cơ quan giám sát bên ngoài thực hiện trong giai đoạn trước, hoặc các mối lo ngại khác về chất lượng công việc của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ;
 - (6) Thông tin thu thập được từ việc chấp nhận và duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể của doanh nghiệp kiểm toán;
 - (7) Đối với các hợp đồng dịch vụ đảm bảo, các xác định, đánh giá và biện pháp xử lý của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đối với các rủi ro có sai sót trọng yếu trong hợp đồng dịch vụ;
 - (8) Liệu các thành viên của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có hợp tác với người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hay không. Các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể đưa ra các hành động mà người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ phải thực hiện trong trường hợp nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ không hợp tác với người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, ví dụ, thông báo cho một cá nhân thích hợp trong doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện hành động thích hợp nhằm giải quyết vấn đề này.
- A31. Nội dung, lịch trình và phạm vi của thủ tục soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể cần thay đổi dựa vào các hoàn cảnh gặp phải trong quá trình thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ.

Lưu ý đối với cuộc kiểm toán tập đoàn

- A32. Việc thực hiện soát xét chất lượng đối với cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn có thể bao gồm các cân nhắc bổ sung đối với cá nhân được bổ nhiệm làm người soát xét chất lượng đối với cuộc kiểm toán tập đoàn, tùy thuộc vào quy mô và mức độ phức tạp của tập đoàn. Đoạn 21(a) Chuẩn mực này yêu cầu các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán phải quy định người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ chịu trách nhiệm tổng thể đối với việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Đối với các cuộc kiểm toán tập đoàn lớn và phức tạp, để thực hiện yêu cầu này, người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán tập đoàn có thể cần thảo luận các vấn đề quan trọng và các xét đoán quan trọng với các thành viên chính của nhóm kiểm toán ngoài nhóm kiểm toán tập đoàn (ví dụ, các thành viên chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với thông tin tài chính của đơn vị thành viên). Trong những trường hợp này, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể được hỗ trợ bởi các cá nhân theo quy định tại đoạn 20 Chuẩn mực này. Hướng dẫn tại đoạn A22 Chuẩn mực này có thể hữu ích khi người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán tập đoàn sử dụng người hỗ trợ.
- A33. Trong một số trường hợp, người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán có thể được bổ nhiệm cho cuộc kiểm toán một thực thể hoặc đơn vị kinh doanh thuộc tập đoàn, ví dụ, cuộc kiểm toán được yêu cầu bởi pháp luật, các quy định hoặc lý do khác. Trong những trường hợp này, việc trao đổi

giữa người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán tập đoàn với người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán của đơn vị hoặc bộ phận kinh doanh có thể giúp người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán tập đoàn hoàn thành trách nhiệm theo đoạn 21(a) Chuẩn mực này. Ví dụ, đây có thể là trường hợp khi đơn vị hoặc bộ phận kinh doanh đã được xác định là đơn vị thành viên cho mục đích của cuộc kiểm toán tập đoàn và các xét đoán quan trọng liên quan đến cuộc kiểm toán tập đoàn đã được thực hiện ở cấp độ đơn vị thành viên.

Thông tin trao đổi giữa nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và doanh nghiệp kiểm toán (hướng dẫn đoạn 25(a) Chuẩn mực này)

A34. Việc tìm hiểu thông tin trao đổi giữa nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và doanh nghiệp kiểm toán theo đoạn 25(a) Chuẩn mực này có thể hỗ trợ người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hiểu được các xét đoán quan trọng dự kiến/kỳ vọng đối với hợp đồng dịch vụ. Hiểu biết này cũng có thể cung cấp cho người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cơ sở để thảo luận với nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ về các vấn đề quan trọng và các xét đoán quan trọng được thực hiện khi lập kế hoạch, thực hiện và báo cáo của hợp đồng dịch vụ. Ví dụ, một khiếm khuyết được doanh nghiệp kiểm toán xác định có thể liên quan đến các xét đoán quan trọng đối với các ước tính kế toán nhất định cho một ngành nghề cụ thể, do các nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ khác thực hiện. Trong trường hợp này, thông tin đó có thể là phù hợp đối với các xét đoán quan trọng được thực hiện đối với hợp đồng dịch vụ liên quan đến các ước tính kế toán và có thể cung cấp cho người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cơ sở để thảo luận với nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ theo đoạn 25(b) Chuẩn mực này.

Các vấn đề quan trọng và các xét đoán quan trọng (hướng dẫn đoạn 25(b) - 25(c) Chuẩn mực này)

A35. Đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, đoạn 31 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 yêu cầu thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán phải soát xét tài liệu, hồ sơ kiểm toán liên quan đến các vấn đề quan trọng, các xét đoán quan trọng theo quy định tại đoạn 08(c) Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 230, bao gồm cả các xét đoán liên quan đến các vấn đề phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi được xác định trong suốt cuộc kiểm toán và các kết luận đạt được.

A36. Đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, đoạn A92 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 cung cấp các ví dụ về các xét đoán quan trọng có thể do thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán xác định liên quan đến chiến lược kiểm toán tổng thể, kế hoạch kiểm toán, việc thực hiện kiểm toán và các kết luận tổng thể do nhóm kiểm toán đạt được.

A37. Đối với các hợp đồng dịch vụ ngoài dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính, các xét đoán quan trọng do nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thực hiện có

thể tùy thuộc vào đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ hoặc của đơn vị. Ví dụ, trong một hợp đồng dịch vụ đảm bảo được thực hiện theo VSAE 3000 - *Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ*, các vấn đề liên quan hoặc yêu cầu những xét đoán quan trọng có thể bao gồm việc nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ xác định liệu các tiêu chí được áp dụng để lập thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo có phù hợp với hợp đồng dịch vụ hay không.

- A38. Khi thực hiện việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể nhận thấy các khu vực khác mà nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ dự kiến/kỳ vọng sẽ thực hiện các xét đoán quan trọng, và có thể cần thêm thông tin về các thủ tục nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đã thực hiện hoặc cơ sở để đưa ra kết luận. Trong những trường hợp đó, việc thảo luận với người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể dẫn đến việc nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ kết luận rằng cần phải thực hiện các thủ tục bổ sung.
- A39. Thông tin thu thập được theo quy định tại đoạn 25(a) và 25(b) Chuẩn mực này và việc soát xét các tài liệu được lựa chọn trong hồ sơ về hợp đồng dịch vụ sẽ hỗ trợ người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ trong việc đánh giá cơ sở của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ khi thực hiện các xét đoán quan trọng. Để thực hiện đánh giá này, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể có các xem xét khác, ví dụ:
- (1) Duy trì cảnh giác đối với các thay đổi về đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ hoặc của đơn vị có thể dẫn đến các thay đổi trong các xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ;
 - (2) Áp dụng quan điểm không thiên lệch trong việc đánh giá các biện pháp xử lý từ nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ;
 - (3) Theo dõi các điểm không nhất quán được xác định khi soát xét tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ, hoặc các biện pháp xử lý không nhất quán của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ đối với các câu hỏi liên quan đến các xét đoán quan trọng được thực hiện.
- A40. Các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể quy định tài liệu cụ thể trong hồ sơ về hợp đồng dịch vụ mà người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cần soát xét. Ngoài ra, các chính sách hoặc thủ tục này cũng có thể chỉ ra rằng người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cần thực hiện xét đoán chuyên môn trong việc lựa chọn để soát xét thêm các tài liệu trong hồ sơ về hợp đồng dịch vụ có liên quan đến các xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- A41. Các cuộc thảo luận về các xét đoán quan trọng với thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ, và các thành viên khác của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, nếu có, cùng với tài liệu, hồ sơ của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có thể hỗ trợ người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đánh giá việc nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ thực

hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp, khi áp dụng đối với hợp đồng dịch vụ, liên quan đến các xét đoán quan trọng đó.

- A42. Đối với cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, đoạn A34 - A36 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 đưa ra các ví dụ về những trở ngại đối với việc thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp ở cấp độ cuộc kiểm toán, các thiên lệch vô thức của kiểm toán viên có thể cản trở việc thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp và các hành động mà nhóm kiểm toán có thể thực hiện để giảm thiểu các trở ngại đối với việc thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp ở cấp độ cuộc kiểm toán.
- A43. Đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, các yêu cầu và tài liệu hướng dẫn có liên quan trong đoạn A238 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 315, đoạn A11 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 540 và các chuẩn mực kiểm toán khác cũng đưa ra các ví dụ về các khu vực trong cuộc kiểm toán mà kiểm toán viên cần thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp, hoặc ví dụ về *các trường hợp* các tài liệu, hồ sơ thích hợp có thể giúp cung cấp bằng chứng về cách kiểm toán viên thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp. Hướng dẫn này cũng có thể hỗ trợ người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán đánh giá việc thực hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp của nhóm kiểm toán.

Đánh giá liệu chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan đến tính độc lập đã được tuân thủ đầy đủ hay chưa (hướng dẫn đoạn 25(d) Chuẩn mực này)

- A44. Đoạn 21 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 yêu cầu thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán, trước ngày lập báo cáo kiểm toán, phải chịu trách nhiệm xác định liệu chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, bao gồm các quy định liên quan đến tính độc lập, đã được tuân thủ đầy đủ hay chưa.

Đánh giá liệu việc tham khảo ý kiến tư vấn đối với các vấn đề phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi hoặc các vấn đề liên quan đến các khác biệt về quan điểm đã được thực hiện hay chưa (hướng dẫn đoạn 25(e) Chuẩn mực này)

- A45. Đoạn 31(d), 31(e) và A79 - A82 Chuẩn mực quản lý chất lượng Việt Nam số 1 đề cập đến việc tham khảo ý kiến tư vấn về các vấn đề phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi và các khác biệt về quan điểm trong nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ, hoặc giữa nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ và người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ hoặc các cá nhân thực hiện các hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp kiểm toán.

Sự tham gia đầy đủ và thích hợp của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán trong suốt cuộc kiểm toán (hướng dẫn đoạn 25(f) Chuẩn mực này)

- A46. Đoạn 40(a) Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 yêu cầu trước khi lập báo cáo kiểm toán, thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc

kiểm toán phải xác định sự tham gia đầy đủ và thích hợp của mình trong suốt cuộc kiểm toán để có cơ sở xác định các xét đoán quan trọng được đưa ra và các kết luận đạt được là phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của cuộc kiểm toán. Đoạn A118 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 cũng chỉ ra rằng tài liệu, hồ sơ về sự tham gia của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau. Các cuộc thảo luận với nhóm kiểm toán và việc soát xét tài liệu, hồ sơ kiểm toán có thể hỗ trợ đánh giá của người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán về cơ sở cho việc thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán xác định rằng sự tham gia của mình vào *cuộc kiểm toán* là đầy đủ và thích hợp.

Soát xét báo cáo tài chính và báo cáo của hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 25(g) Chuẩn mực này)

A47. Đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, việc người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán có thể bao gồm xem xét liệu việc trình bày và thuyết minh các vấn đề liên quan đến các xét đoán quan trọng của nhóm kiểm toán có phù hợp với hiểu biết của người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán dựa trên việc soát xét tài liệu được lựa chọn trong hồ sơ kiểm toán và các cuộc thảo luận với nhóm kiểm toán về các vấn đề đó hay không. Khi soát xét báo cáo tài chính, người soát xét chất lượng cuộc kiểm toán cũng có thể nhận biết về các khu vực khác mà nhóm kiểm toán dự kiến/kỳ vọng là đã thực hiện các xét đoán quan trọng, và có thể cần thêm thông tin về các thủ tục hoặc kết luận của nhóm kiểm toán. Hướng dẫn trong đoạn này cũng áp dụng cho các hợp đồng dịch vụ soát xét và báo cáo soát xét liên quan.

A48. Đối với các hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác và dịch vụ liên quan, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ thực hiện soát xét các báo cáo của hợp đồng dịch vụ và các thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo, khi thích hợp, có thể bao gồm các xem xét tương tự đã được mô tả trong đoạn A47 Chuẩn mực này (ví dụ, liệu việc trình bày hay mô tả các vấn đề liên quan đến các xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ có nhất quán với hiểu biết của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ dựa trên các thủ tục được thực hiện liên quan đến việc soát xét hay không).

Các lo ngại chưa được giải quyết của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ (hướng dẫn đoạn 26 Chuẩn mực này)

A49. Các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể yêu cầu cụ thể (các) cá nhân trong doanh nghiệp kiểm toán phải được thông báo nếu người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ lo ngại các xét đoán quan trọng của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc kết luận đạt được dựa trên các xét đoán đó là không thích hợp. (Các) cá nhân đó có thể bao gồm cả cá nhân được phân công trách nhiệm bổ nhiệm người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ. Đối với các lo ngại chưa được giải quyết như vậy, các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán cũng có thể

yêu cầu tham khảo ý kiến tư vấn bên trong hoặc bên ngoài doanh nghiệp kiểm toán (ví dụ, tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan quản lý).

Tài liệu, hồ sơ (hướng dẫn đoạn 28 - 30 Chuẩn mực này)

- A50. Các đoạn từ 57 đến 60 Chuẩn mực quản lý chất lượng Việt Nam số 1 đề cập đến tài liệu, hồ sơ của doanh nghiệp kiểm toán về hệ thống quản lý chất lượng. Việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ được thực hiện theo Chuẩn mực này phải tuân thủ các yêu cầu về tài liệu, hồ sơ trong Chuẩn mực quản lý chất lượng Việt Nam số 1.
- A51. Hình thức, nội dung và phạm vi của tài liệu, hồ sơ soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể phụ thuộc vào các yếu tố như:
- (1) Đặc điểm và mức độ phức tạp của hợp đồng dịch vụ;
 - (2) Đặc điểm của đơn vị;
 - (3) Nội dung và mức độ phức tạp của các vấn đề cần được soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ;
 - (4) Phạm vi của tài liệu, hồ sơ về hợp đồng dịch vụ được soát xét.
- A52. Việc thực hiện và thông báo về việc hoàn thành soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể được lập thành tài liệu, hồ sơ theo nhiều hình thức. Ví dụ, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể lập tài liệu, hồ sơ điện tử trong ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện hợp đồng dịch vụ. Ngoài ra, người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có thể lập tài liệu, hồ sơ về việc soát xét bằng một biên bản ghi nhớ. Các thủ tục của người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cũng có thể được lập tài liệu, hồ sơ theo những cách khác nhau, ví dụ, trong biên bản thảo luận của nhóm thực hiện hợp đồng dịch vụ mà người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ có tham gia.
- A53. Đoạn 24(b) Chuẩn mực này quy định rằng các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán không cho phép thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể hợp đồng dịch vụ xác định ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ trước khi hoàn thành việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ, bao gồm cả việc giải quyết các vấn đề do người soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ nêu ra. Với điều kiện tất cả các yêu cầu liên quan đến việc thực hiện soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ đã được hoàn thành, tài liệu, hồ sơ về việc soát xét này có thể được hoàn thiện sau ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ, nhưng phải trước khi hoàn thiện hồ sơ chính thức về hợp đồng dịch vụ. Tuy nhiên, các chính sách hoặc thủ tục của doanh nghiệp kiểm toán có thể quy định rằng tài liệu, hồ sơ về việc soát xét chất lượng hợp đồng dịch vụ cần được hoàn thiện tại ngày hoặc trước ngày lập báo cáo của hợp đồng dịch vụ./.